

No.

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa
Việt Nam

Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

Chương trình Phát triển
Giáo dục Tiểu học Việt Nam Giai đoạn 2

Chương trình Phát triển Giáo dục Tiểu học Việt Nam Giai đoạn 2

Báo cáo Kết thúc Chương trình Quyển 1 (Báo cáo Chính)



Tháng 3 năm 2004



Báo cáo Kết thúc Chương trình
Quyển 1

Tháng 3 năm 2004
PADECO Co., Ltd

R 11
J R
04-05



R 11
J R
04-05

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN

**CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TIỂU HỌC VIỆT NAM**
Giai đoạn 2

**Báo cáo Kết thúc Chương trình
Quyển 1
(Báo cáo Chính)**

Tháng 3 năm 2004

Tỷ giá đổi ngoại tệ áp dụng trong Báo cáo được tính tại thời điểm tháng 3 năm 2004
US\$ 1.00 = 15.600 VNĐ.

Lời Mở đầu

Theo đề nghị từ phía Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Nhật Bản đã quyết định thực hiện Hỗ trợ Chương trình Phát triển Giáo dục Tiểu học cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đã giao cho Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) thực hiện nghiên cứu này.

JICA đã lựa chọn và cử một Nhóm Chương trình do TS. Norio Kato chuyên gia của PADECO Co., Ltd. làm trưởng nhóm đến Việt Nam: Nhóm Chương trình đã thực hiện 3 đợt công tác trong giai đoạn từ tháng 8/2001 đến tháng 3/2002 và 5 đợt công tác trong giai đoạn từ tháng 10/ 2002 đến tháng 3/2004. Ngoài ra, tháng 4/2001 JICA đã thành lập Ủy ban Tư vấn do GS. Morikazu Ushioji, trường đại học Obirin làm Chủ tịch. Ủy ban Tư vấn có nhiệm vụ xem xét đánh giá chương trình nghiên cứu về các mặt chuyên môn và kỹ thuật.

Nhóm Chương trình đã tổ chức các cuộc thảo luận với các cán bộ có liên quan phía Việt Nam và đã tiến hành các khảo sát thực tế về lĩnh vực nghiên cứu. Theo yêu cầu của Chính phủ Nhật Bản, Nhóm Chương trình đã thực hiện các nghiên cứu tiếp theo và xây dựng báo cáo này.

Tôi hy vọng rằng báo cáo này sẽ góp phần thúc đẩy chương trình và tăng cường sự hợp tác hữu nghị giữa hai nước.

Cuối cùng, tôi xin chân thành các cán bộ, cơ quan liên quan phía Chính phủ Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.

Tháng 3 - 2004

Sadako Ogata

Chủ tịch

Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

Tháng 3 năm 2004

Bà Sadako Ogata
Chủ tịch
Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
Tokyo, Nhật Bản

Thưa Bà,

Chúng tôi xin đệ trình lên Bà bản Báo cáo “Nghiên cứu về Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Tiểu học Việt Nam (Giai đoạn 2)“.

Báo cáo này trình bày các kết quả nghiên cứu đã được nhóm Chương trình của Công ty PADECO thực hiện tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ tháng 10 năm 2002 đến tháng 3 năm 2004.

Chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ từ nhiều bên để hoàn thành bản báo cáo này. Chúng tôi xin được bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc tới tất cả các bên đã nhiệt tình giúp đỡ và phối hợp với Nhóm Chương trình, đặc biệt là các thành viên trong Ban Quản lý Chương trình PEDP thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các cán bộ trong Ủy ban Tư vấn JICA, Bộ Giáo dục, Văn hoá, Thể thao và Khoa học kỹ thuật của Nhật Bản.

Chúng tôi thật sự hy vọng rằng báo cáo này sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển hơn nữa trong giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính thư,



Norio Kato
Trưởng Nhóm
Nhóm Chương trình Hỗ trợ
Phát triển Giáo dục Tiểu học Việt Nam

VIỆT NAM
CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN II
BÁO CÁO KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH

QUYỂN 1
BÁO CÁO CHÍNH
MỤC LỤC

TÓM TẮT

1	GIỚI THIỆU	1-1
1.1	Cơ sở của Chương trình	1-1
1.2	Mục tiêu của Chương trình	1-1
1.3	Cơ chế thực hiện	1-2
1.4	Phạm vi của Chương trình	1-3
1.5	Báo cáo kết thúc Chương trình	1-3
2	NHỮNG THAY ĐỔI VỀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC TỪ NĂM 2002 ĐẾN NĂM 2004	2-1
2.1	Thay đổi trong cơ cấu tổ chức của Bộ GD-ĐT	2-1
2.2	Phân cấp quản lý	2-4
2.3	Thực hiện Chương trình Giảng dạy mới	2-4
2.4	Tiến độ thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia	2-6
2.5	Tài chính Giáo dục	2-9
2.5.1	Đơn vị sự nghiệp có thu	2-9
2.5.2	Trái phiếu Giáo dục	2-9
2.6	Cải thiện cơ sở vật chất hiện có	2-10
2.6.1	Hướng dẫn về xây dựng cơ sở vật chất đối với các vùng khó khăn	2-10
2.6.2	Cơ sở vật chất theo chuẩn Quốc gia	2-10
2.6.3	Cải thiện cơ sở vật chất để thực hiện học 2 buổi/ngày	2-10
3	QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG GIAI ĐOẠN	
	2	3-1
3.1	Tổng quan các hoạt động	3-1
3.2	Triển khai PEDP	3-4

3.2.1	Quá trình xây dựng Hướng dẫn triển khai PEDP.....	3-4
3.2.2	Quá trình cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh.....	3-5
3.2.3	Quá trình thiết lập cơ chế phối hợp nhà tài trợ.....	3-17
3.2.4	Quá trình cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia.....	3-25
3.2.5	Quá trình xây dựng Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học.....	3-30
3.3	Xây dựng dự án của Nhật Bản.....	3-34
3.3.1	Xây dựng Nội dung chính trong Đề xuất hợp tác của Nhật Bản.....	3-34
3.3.2	Các vấn đề phối hợp và giải pháp.....	3-39
3.3.3	Bài học kinh nghiệm thu được và mối liên kết từ/với các dự án khác.....	3-42
4	TÓM TẮT CẬP NHẬT PEDP QUỐC GIA.....	4-1
4.1	Các thay đổi trong Bối cảnh PEDP cấp Quốc gia 2004.....	4-1
4.2	Ma trận Tương thích Dự án Nhà tài trợ và Ma trận Tương thích Nhu cầu Cấp tỉnh.....	4-1
4.3	Ma trận Tương thích Nhu cầu BAPI.....	4-25
4.4	Ma Trận các Lĩnh vực lớn Có thể tham gia Hỗ trợ (Ma trận BAPI).....	4-27
4.5	Ngân hàng Dữ liệu Giáo dục Tiểu học.....	4-28
5	GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH - GIAI ĐOẠN 2 ..	5-1
5.1	Đánh giá Hội thảo Tập huấn EPCB và Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh.....	5-1
5.1.1	Hội thảo tập huấn EPCB.....	5-1
5.1.2	Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh.....	5-4
5.2	Đánh giá và Giám sát năng lực Ban QLCT trong việc cập nhật tài liệu PEDP Quốc gia.....	5-12
5.2.1	Giới thiệu.....	5-12
5.2.2	Phương pháp tiếp cận.....	5-13
5.2.3	Các kết quả tổng kết.....	5-14
5.3	Kết quả Hội thảo Đánh giá Chương trình PEDP.....	5-21
5.3.1	Giới thiệu.....	5-21
5.3.2	Nội dung.....	5-22
5.3.3	Kết quả.....	5-28
5.4	Hội thảo PEDP.....	5-31
5.4.1	Chuẩn bị Hội thảo PEDP.....	5-32
5.4.2	Tổ chức hội thảo.....	5-33
5.4.3	Tiến trình Hội thảo.....	5-33
6	CÁC ĐỀ XUẤT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM THU ĐƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN 2 CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	6-1
6.1	Các đề xuất và bài học kinh nghiệm thu được từ Nhóm Chương trình:.....	6-1
6.1.1	Quản lý và triển khai PEDP.....	6-1
6.1.2	Nâng cao chất lượng công tác thu thập và phân tích dữ liệu.....	6-2
6.1.3	Quản lý Ngân hàng Dữ liệu về Giáo dục tiểu học.....	6-2
6.1.4	Giám sát và Đánh giá PEDP.....	6-2

6.1.5 Phối hợp Nhà tài trợ: Công tác Quản lý của Ban QLCT	6-3
6.1.6 Phối hợp với nhà tài trợ: Kế hoạch EFA và các kế hoạch khác	6-3
6.2 Ý kiến nhận xét và chỉ đạo từ Bộ GD-ĐT, tỉnh và các bên liên quan:	6-4
6.2.1 Quản lý, Triển khai và Phối hợp PEDP với EFA và các kế hoạch khác	6-4
6.2.2 Đề xuất và bài học kinh nghiệm thu được từ các tỉnh:	6-5
6.2.3 Đề xuất và bài học kinh nghiệm thu được từ các nhà tài trợ:	6-5

Danh mục các bảng

Bảng 2.3.1.1: Chu trình thực hiện Chương trình Giảng dạy mới ở bậc Tiểu học.....	2-5
Bảng 2.3.1.2: Thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện Chương trình giảng dạy mới.....	2-6
Bảng 2.4.1.1: Chương trình Mục tiêu Quốc gia và Vụ chức năng trong Bộ GD-ĐT	2-7
Bảng 3.2.2.1: Tóm tắt về Hội thảo tập huấn EPCB và Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh	3-6
Bảng 3.2.2.2: Tóm tắt Hội thảo tập huấn EPCB	3-8
Bảng 3.2.2.3: Nội dung của Hội thảo tập huấn EPCB lần 1 (năm thứ 1 của Giai đoạn 2).....	3-9
Bảng 3.2.2.4: Nội dung hội thảo tập huấn EPCB lần 2/3 (năm thứ 2 trong Giai đoạn 2)	3-9
Bảng 3.2.2.5: So sánh nội dung “Tài liệu tập huấn EPCB”	3-12
Bảng 3.2.2.6: Tóm tắt Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh.....	3-14
Bảng 3.2.2.7: Lịch trình Hội thảo lập kế hoạch PEDP ở 55 tỉnh (Giai đoạn 2).....	3-15
Bảng 3.2.2.8: Nội dung các hoạt động cho công tác tổ chức Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh (Giai đoạn 2)	3-16
Bảng 3.2.2.9: Danh mục các tài liệu chuẩn bị cho Hội thảo	3-17
Bảng 3.2.3.1: Đại biểu và Nội dung của các cuộc họp Nhà tài trợ.....	3-18
Bảng 3.2.3.2: Các vấn đề phối hợp và biện pháp giải quyết.....	3-22
Bảng 3.2.4.1: Danh mục các nhiệm vụ giao cho Ban QLCT về cập nhật tài liệu PEDP	3-26
Bảng 3.2.4.2: Lịch trình Hội họp cập nhật BAPI (Đầu vào tháng 2-3/2003)	3-27
Bảng 3.2.4.3: Lịch trình Hội họp Nhóm Chuyên trách (Đầu vào tháng 5/2003)	3-28
Bảng 3.2.4.4: Hội họp Nhóm Chuyên trách (Đầu vào tháng 8 năm 2003)	3-29
Bảng 3.2.4.5: Lịch họp các nhóm chuyên trách (Tháng 10-12 năm 2003).....	3-30
Bảng 3.2.5.1: Nguồn và Nội dung của Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học.....	3-32
Bảng 3.2.5.2: Quá trình xây dựng Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học.....	3-34
Bảng 3.3.2.1: So sánh về hợp phần Đào tạo Giáo viên trong dự án của Ngân hàng Thế giới và dự án (đề xuất) của Chính phủ Bỉ với dự án (đề xuất) của Nhật Bản	3-43
Bảng 4.2.1.1: Các Hỗ trợ đang triển khai và mới hoàn thành của các nhà tài trợ trong lĩnh vực Giáo dục Tiểu học ở Việt Nam	4-3
Bảng 4.2.1.2: Các Chương trình mục tiêu Quốc gia về Giáo dục và Đào tạo 2001-2005	4-14
Bảng 4.2.1.3: Phân tích Dự án các Nhà tài trợ và các Giải pháp Phối hợp	4-15
Bảng 4.2.1.4: Ma trận Tương thích BAPI Dự án (BPMM)	4-21
Bảng 4.2.1.5: Mức bao phủ của các dự án/chương trình theo BAPI và theo tỉnh	4-22
Bảng 4.3.1.1: Ma trận Tương thích Nhu cầu BAPI.....	4-26
Bảng 4.4.1.1: Thay đổi trong các BAPI: PEDP 2002 tới 2004	4-27
Bảng 4.5.1.1: Các thông tin cập nhật trong Ngân hàng Dữ liệu.....	4-28
Bảng 5.1.1.1: Khung Đánh giá Hội thảo EPCB.....	5-1
Bảng 5.1.1.2: Số đại biểu và vị trí công tác trả lời bảng câu hỏi điều tra	5-2
Bảng 5.1.1.3: Kết quả Bảng câu hỏi điều tra của đại biểu	5-3
Bảng 5.1.1.4: Đánh giá nghiên cứu viên thông qua Bảng câu hỏi điều tra.....	5-4
Bảng 5.1.2.1: Khung hoạt động đánh giá Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh	5-5
Bảng 5.1.2.2: Số card và Độ sâu các bậc nguyên nhân trong PEDP cấp tỉnh (Giai đoạn 1 và 2)	

.....	5-8
Bảng 5.1.2.3: Số lượng và nội dung của Vấn đề trọng điểm trong PEDP cấp tỉnh (Giai đoạn 2).....	5-9
Bảng 5.1.2.4: Mức hoàn thành các số liệu Giáo dục trong PEDP cấp tỉnh (Giai đoạn 2)	5-11
Bảng 5.2.3.1: Nội dung các câu hỏi trong Phiếu câu hỏi.....	5-17
Bảng 5.2.3.2: Đánh giá Nhóm chuyên trách do Nhóm chương trình JICA thực hiện	5-18
Bảng 5.2.3.3: Đánh giá Ban QLCT do Nhóm chương trình JICA thực hiện	5-19
Bảng 5.2.3.4: Quá trình và thông số đầu ra liên quan đến Chức năng Ban QLCT PEDP ...	5-20
Bảng 5.3.1.1: Chương trình làm việc Hội thảo Đánh giá.....	5-21
Bảng 5.3.1.2: Danh sách tỉnh trong mỗi nhóm.....	5-22
Bảng 5.3.2.1: Nội dung thảo luận nhóm.....	5-23
Bảng 5.3.3.1: Kết quả Phiếu câu hỏi dành cho Đại biểu 1: Tổng thể Hội thảo Đánh giá.....	5-28
Bảng 5.3.3.2: Kết quả Phiếu câu hỏi dành cho Đại biểu 2: Đánh giá Hội thảo.....	5-29

Danh mục các Hình

Hình 1.3.1.1: Tổ chức thực hiện Chương trình Hỗ trợ PEDP	1-2
Hình 1.4.1.1: Các vùng và tỉnh thành ở Việt Nam.....	1-4
Hình 2.1.1.1: Sơ đồ tổ chức Bộ GD-ĐT: Sau khi tổ chức lại trong năm 2003	2-3
Hình 3.1.1.1: Tổng quan các hoạt động trong Giai đoạn 2	3-3
Hình 3.2.2.1: Vai trò của các đại biểu trong từng Hội thảo	3-7
Hình 3.2.4.1: Lịch trình Xây dựng PEDP 2004 từ tháng 8-12 năm 2003.....	3-29
Hình 3.2.5.1: Sơ đồ thông tin của Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học	3-31
Hình 5.3.3.1: Kết quả Phiếu câu hỏi dành cho Đại biểu nhóm 3: Các kỹ năng cần thiết trong tương lai.....	5-31

Phần phụ lục

Phụ lục 1: Tài liệu PEDP quốc gia 2004

Phụ lục 2: Biện bản Hợp Nhà tài trợ

Phụ lục 3: Tóm tắt PEDP cấp tỉnh

Phụ lục 4: Tài liệu sử dụng trong tập huấn Nâng cao năng lực Lập kế hoạch Giáo dục (EPCB) và hội thảo PEDP

Phụ lục 5: Hướng dẫn Triển khai PEDP

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ABE	Giáo dục linh hoạt
ACER	Hội nghiên cứu giáo dục Úc
ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
AUSAid	Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc
BAPI	Lĩnh vực lớn có thể tham gia hỗ trợ
BNMM	Ma trận tương thích Nhu cầu - BAPI
BPMM	Ma trận tương thích Dự án - BAPI
Bộ GD-ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Bộ TC	Bộ Tài chính
Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch Đầu tư
Bộ XD	Bộ Xây dựng
BTC	Cơ quan hợp tác kỹ thuật Bỉ
CBR	Việc xây dựng lại trường học dựa trên cộng đồng
COMPAS	Hệ thống Đánh giá Tiến độ Giám sát Cộng đồng
CSSP	Chương trình Hỗ trợ trường học toàn diện
CIDA	Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada
Chiến lược TT-XĐGN	Chiến lược toàn diện về Tăng trưởng & Xoá đói Giảm nghèo
Chiến lược PTGD 2010	Chiến lược Phát triển Giáo dục đến năm 2010
CRS	Tổ chức Cứu trợ và Phát triển
DFID	Phòng phát triển quốc tế (Anh)
DV	Bạo lực trong nước
DWG	Nhóm nghiên cứu của các nhà tài trợ
EC	Ủy ban Châu Âu
ECE	Giáo dục mầm non
EduC	Hội đồng Giáo dục
EFA	Chương trình Giáo dục cho Mọi người
EMIC	Trung tâm Thông tin quản lý Giáo dục
EMIS	Hệ thống Thông tin quản lý Giáo dục
EPCB	Xây dựng Năng lực Lập kế hoạch Giáo dục
EU	Ủy ban Châu Âu
F&P	Kế hoạch và Tài chính
FAQ	Các câu hỏi thông thường
FSQL	Mức chất lượng trường học tối thiểu
FTI	Sáng kiến Giải ngân nhanh
FY	Năm tài khoá
GD-ĐT	Giáo dục- Đào tạo
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GER	Tỷ lệ nhập học thô
GOJ	Chính phủ Nhật Bản
GOV	Chính phủ Việt Nam
GSO	Tổng cục thống kê
HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
HDI	Chỉ số Phát triển con người
HRD	Phát triển Nguồn Nhân lực

ICT	Công nghệ Viễn thông
IDA	Hiệp hội Phát triển Quốc tế
IDT	Mục tiêu Phát triển Quốc tế
IM	Ma trận vấn đề
BDGV	Bồi dưỡng giáo viên
IRDS	Viện nghiên cứu thiết kế trường học
IT	Công nghệ thông tin
JBIC	Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
JOCV	Tổ chức tự nguyện hợp tác hải ngoại Nhật Bản
JSE	Giáo dục phổ thông cơ sở
LAN	Mạng nội bộ
LTFP	Kế hoạch tài chính dài hạn
MTFP	Kế hoạch tài chính trung hạn
M/M	Thời gian làm việc
NER	Tỷ lệ nhập học tinh
NF	Không chính quy
NGO	Tổ chức phi Chính phủ
NIED	Viện Phát triển Giáo dục quốc gia
NIES	Viện Khoa học giáo dục quốc gia
NIM	Ma trận vấn đề cấp quốc gia
NOK	Đồng Curon của Na-uy
NORAD	Hỗ trợ phát triển Na-uy
NT	Mục tiêu quốc gia
ODA	Hỗ trợ Phát triển chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
PA	Lĩnh vực ưu tiên
PCM	Quản lý Chu kỳ Dự án
PE	Giáo dục thể chất
Vụ GDTH	Vụ Giáo dục Tiểu học
PEDC	Dự án Giáo dục Tiểu học cho Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn
PEDP	Chương trình Phát triển Giáo dục Tiểu học
PHC	Chăm sóc sức khoẻ ban đầu
Phòng GD-ĐT	Phòng Giáo dục và Đào tạo
PMIS	Hệ thống Thông tin quản lý nhân sự
PMU	Ban Quản lý Chương trình
PPBS	Hệ thống lập kế hoạch - chương trình - ngân sách
UBND	Ủy ban Nhân dân tỉnh
PPP	Cân bằng sức mua
ĐTGV	Đào tạo giáo viên
PRSP	Tài liệu Chiến lược Giảm nghèo
Hội PHHS	Hội phụ huynh học sinh
PTD	Phát triển Giáo viên Tiểu học
RIED	Viện nghiên cứu Phát triển Giáo dục
SC-UK	Cứu trợ trẻ em - Vương quốc Anh
SCF	Quỹ cứu trợ trẻ em
SCMF	Quỹ tu bổ và xây dựng trường học
SEN	Nhu cầu giáo dục đặc biệt
S/W	Phạm vi công việc
Sở GD-ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo
D&H	Dạy và học
TA	Hỗ trợ kỹ thuật

TD	Vụ Giáo viên
TOR	Phạm vi công việc
TOT	Giảng viên Trường sư phạm
TPR	Tỷ lệ học sinh/giáo viên
TTC	Trường Sư phạm
TTI	Cơ sở đào tạo giáo viên
UK	Vương quốc Anh
UNESCO	Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc
UPE	Phổ cập Giáo dục Tiểu học
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ
USD	Đồng đôla Mỹ
UXO	Chương trình Giáo dục tránh thương vong cho trẻ em
VLSS	Khảo sát mức sống của người Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
VSO	Tổ chức phục vụ hải ngoại tự nguyện
WSD	Phát triển toàn diện trường học
WES	Vệ sinh môi trường nước
WB	Ngân hàng Thế giới

TÓM TẮT

1. Giới thiệu

Cung cấp nguồn nhân lực “phù hợp” phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là một vấn đề quốc sách ở Việt Nam. Do vậy, nâng cao chất lượng và phát triển giáo dục là một trong các lĩnh vực được ưu tiên trong “Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội giai đoạn 2001-2010” hiện đang được Chính phủ Việt Nam triển khai thực hiện. Để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cần thấy rằng việc nâng cao chất lượng không chỉ quan trọng cho bậc giáo dục phổ thông và đại học mà còn cho cả bậc giáo dục cơ bản, đặc biệt là giáo dục tiểu học.

Hệ thống phối hợp các nhà tài trợ chính vẫn chưa được thiết lập trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam mặc dù các Chính phủ (bao gồm Hỗ trợ Phát triển Chính thức Nhật Bản (ODA)) và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế đã và đang hỗ trợ phát triển giáo dục thông qua việc cung cấp các dự án và/ hoặc chương trình.

Trên cơ sở đó, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng “Chiến lược Phát triển Giáo dục tới năm 2010” được phê chuẩn vào ngày 28 tháng 12 năm 2001. Trong chiến lược này, Chính phủ Việt Nam đưa ra các chiến lược với mục tiêu như: (a) tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi đạt 99% vào năm 2010; (b) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; (c) nâng cao chất lượng và số lượng giáo viên; và (d) cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị...

Tháng 10 năm 2000, Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ xây dựng Chương trình Phát triển Giáo dục Tiểu học (PEDP) nhằm thực hiện “Chiến lược Phát triển Giáo dục cho giai đoạn 2001-2010”. Tháng 8 năm 2001, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã cử một Nhóm Chương trình sang hỗ trợ Chính phủ Việt Nam xây dựng Chương trình PEDP.

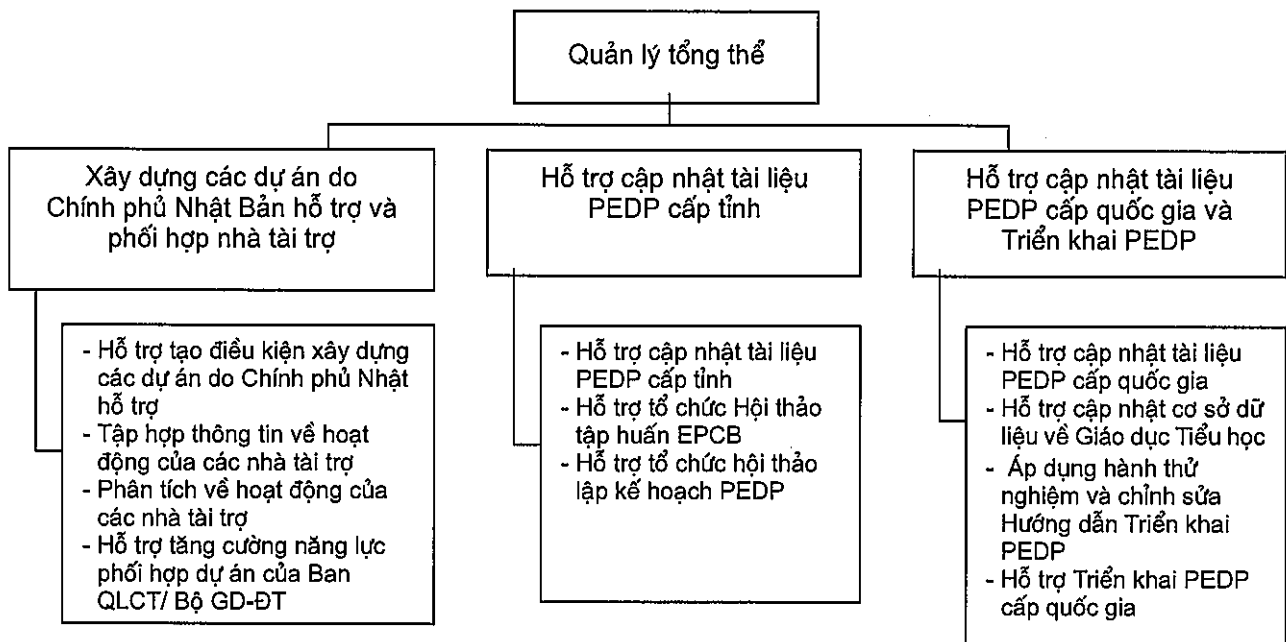
Trong Giai đoạn 1, PEDP cấp quốc gia được xây dựng thông qua các cuộc hội thảo/tập huấn: (a) Hội thảo Giới thiệu PEDP nhằm giới thiệu các mục tiêu và khái niệm về PEDP và thực hiện đánh giá nhu cầu trên phạm vi cả nước; (b) Phối hợp nhà tài trợ để giới thiệu PEDP và thiết lập cơ chế phối hợp và thu thập thông tin dự án. Tài liệu PEDP cấp quốc gia đã được Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê chuẩn trong tháng 5 năm 2002. Nhóm Chương trình đã hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong các hoạt động: (a) phối hợp nhà tài trợ trong lập kế hoạch, triển khai PEDP; (b) xây dựng và tăng cường năng lực Ban quản lý Chương trình (Ban QLCT) để giám sát tiến độ PEDP và (c) cung cấp hỗ trợ để xây dựng PEDP.

Dựa trên kết quả đạt được trong Giai đoạn 1, các mục tiêu của Giai đoạn 2 gồm:

1) Thúc đẩy việc xây dựng dự án và phối hợp nhà tài trợ - nhằm hỗ trợ việc xây dựng các dự án do Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ và thu thập và phân tích thông tin dự án do các nhà tài trợ hỗ trợ.

2) Cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh - nhằm hỗ trợ cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh của 55 tỉnh còn lại và cung cấp các khoá tập huấn xây dựng năng lực cho các cán bộ tỉnh.

3) Cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia và triển khai PEDP - nhằm hỗ trợ việc cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia trên cơ sở kết quả phân tích của tài liệu PEDP cấp tỉnh cập nhật và phân tích hoạt động hỗ trợ của nhà tài trợ. Các nhiệm vụ cập nhật được dựa trên Hướng dẫn triển khai PEDP (bản dự thảo). Sau đó Hướng dẫn triển khai PEDP đã được hoàn thiện trên cơ sở quá trình thử nghiệm.



Hình 1: Tổ chức thực hiện Chương trình Hỗ trợ PEDP

2. Những thay đổi trong thực trạng giáo dục từ năm 2002 tới năm 2004

i) Thay đổi cơ cấu tổ chức trong Bộ GD-ĐT:

Chính phủ Việt Nam đã tổ chức lại cơ cấu Bộ GD-ĐT bao gồm 16 Vụ và 4 Viện nghiên cứu để giảm sự trùng lặp và nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

ii) Phân cấp quản lý

Luật Tổ chức Chính phủ và Nghị định số 71 được ban hành tháng 12 năm 2001 và tháng 6 năm 2003. Luật và nghị định này quy định chức năng chung của tổ chức Chính phủ và nhân sự nhưng không quy định chi tiết về phân công nhiệm vụ và trách nhiệm giữa chính quyền trung ương và địa phương (như tỉnh, huyện, xã...). Theo Ban QLCT, chính quyền tỉnh và huyện sẽ xây dựng công việc chi tiết theo phân cấp quản lý trong giáo dục.

iii) Thực hiện Chương trình giảng dạy mới

Chương trình giảng dạy mới hiện đã và đang được áp dụng có hệ thống ở tất cả các trường học theo các năm, bắt đầu với việc thử nghiệm chương trình giảng dạy và sách giáo khoa lớp 1 (12 tỉnh thực hiện thí điểm) và đào tạo giáo viên trong năm 2001, sau đó áp dụng chương trình giảng dạy mới ở tất cả lớp 1 trong năm 2002.

iv) Tiến độ chương trình trọng điểm quốc gia

Trong Chiến lược Phát triển Giáo dục giai đoạn 2001-2010 (Chiến lược PTGD 2010) có 6 chương trình trọng điểm quốc gia và trong đó 4 chương trình được tiếp tục từ chương trình trọng điểm thực hiện trong những năm 1990. Kinh phí đặc biệt đã được phân bổ để thực hiện chương trình kể từ khi ban hành Chiến lược PTGD 2010. Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước và chính quyền tỉnh và huyện (Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT và các cơ quan liên quan) là các tổ chức thực hiện chính.

Bảng 1: Chương trình trọng điểm quốc gia và Vụ chức năng quản lý trong Bộ GD-ĐT

Chương trình mục tiêu quốc gia	Vụ chức năng trong Ban quản lý
NT1 Củng cố phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ	Vụ Giáo dục Tiểu học Vụ Giáo dục Trung học
NT2 Đổi mới chương trình giảng dạy và phương pháp dạy học*	Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục Vụ Giáo dục Trung học
NT3 Đào tạo cán bộ tin học và áp dụng tin học vào giáo dục trong trường học*	Vụ Khoa học Công nghệ
NT4 Cung cấp các khoá đào tạo/bồi dưỡng cho giáo viên. Tăng cường cơ sở vật chất ở các trường sư phạm	Văn phòng Bộ Vụ Kế hoạch và Tài chính
NT5 Hỗ trợ dân tộc thiểu số và vùng khó khăn	Trung tâm giáo dục dân tộc (thuộc Viện Chiến lược và chương trình giáo dục)
NT6 Tăng cường cơ sở vật chất trường học Xây dựng một số trường đại học trọng điểm và trường trung học chuyên nghiệp	Vụ Kế hoạch tài chính

* Chương trình mới được thêm vào CLPTGD 2010

v) Tài chính Giáo dục

a) Áp dụng chế độ đơn vị sự nghiệp có thu

Trường tiểu học có thể được coi là đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định 21/2003. Một đơn vị sự nghiệp có thu trong ngành Giáo dục và Đào tạo được trao quyền tự chủ và quản lý về tài chính với mức độ rộng hơn, bao gồm xây dựng các kế hoạch thu và chi, huy động vốn từ các tổ chức trong nước và quốc tế, tuyển dụng giáo viên và quy định lương cho cán bộ, giáo viên trong trường học...

b) Trái phiếu giáo dục

Kế hoạch ngân sách quốc gia cho năm tài khoá 2003 đã đưa ra việc phát hành trái phiếu giáo dục. Tổng giá trị trái phiếu phát hành lên tới 2,4 nghìn tỷ VNĐ trong năm 2003 và tổng giá trị dự kiến mức tương đương sẽ được phát hành trong năm tài khoá 2004. Vốn huy động được phân

bổ cho các tỉnh với mục đích nâng cao chất lượng cơ sở vật chất trường học và đặc biệt tập trung xoá bỏ phòng học tạm ở các vùng khó khăn.

Trong năm tài khoá 2004, Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục phát hành trái phiếu giáo dục để huy động thêm 2,5 nghìn tỷ VNĐ để nâng cấp và xây dựng trường học, tập trung cho các trường ở vùng núi và vùng sâu vùng xa.

3. Quá trình thực hiện Chương trình Giai đoạn 2

Trong giai đoạn 2 chương trình thực hiện 3 hoạt động chính:

(i) *Xây dựng dự án do Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ và phối hợp nhà tài trợ:* Đề xuất chính thức đã được xây dựng và trình lên JICA và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để thực hiện phối hợp các nhà tài trợ, việc liên hệ thường xuyên và gửi Bảng dữ liệu về nhà tài trợ tới từng nhà tài trợ đã được thực hiện. Dựa trên các thông tin thu thập, thực hiện phương pháp phân tích dự án thông qua Ma trận Tương thích Dự án - BAPI.

Họp chung với các nhà tài trợ được tổ chức trong tháng 1 năm 2003 nhằm trình bày các hoạt động PEDP trong Giai đoạn 2 và xác định sự bất cập của việc chia sẻ thông tin trong Bộ GD-ĐT bao gồm việc trùng lặp giữa dự án do Bỉ và JICA đề xuất. Để giải quyết vấn đề này, họp làm việc về PEDP đã được tổ chức trong tháng 9 năm 2003. Chương trình EFA và PEDP đã phối hợp chặt chẽ trong suốt giai đoạn 2 của Chương trình.

(ii) *Hỗ trợ cho việc cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh:* Đã tổ chức 3 đợt Hội thảo tập huấn Nâng cao Năng lực Lập kế hoạch Giáo dục (EPCB) ở Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh. Tổng cộng có 295 đại biểu tham dự và các nghiên cứu viên trong nước làm việc với vai trò là cán bộ điều khiển hội thảo. Hội thảo tập trung vào lập kế hoạch dự án và giáo dục cơ bản (xác định, xây dựng và giám sát, đánh giá dự án) thông qua sử dụng phương pháp tiếp cận cùng tham gia. Đến cuối tháng 7 năm 2003, 55 tỉnh thành đã hoàn thành việc tổ chức hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh. Tổng cộng có 1.647 đại biểu tham dự các hội thảo PEDP. Các cán bộ Sở GD-ĐT đóng vai trò là cán bộ điều khiển hội thảo với sự tham gia của các cán bộ Phòng GD-ĐT và hiệu trưởng trường học.

(iii) *Hỗ trợ cập nhật PEDP cấp quốc gia và triển khai PEDP:* Bản thứ 3 của tài liệu Hướng dẫn triển khai PEDP đã được xây dựng và đưa vào Bộ tài liệu PEDP dựa trên nhu cầu cấp tỉnh đưa ra trong các tài liệu PEDP cấp tỉnh cập nhật và thông tin về dự án do các nhà tài trợ hỗ trợ: (a) nhu cầu cấp tỉnh được đưa vào Ma trận Tương thích Nhu cầu - BAPI; và (b) thông tin về dự án do các nhà tài trợ hỗ trợ được tổng hợp vào Ma trận tương thích Dự án - BAPI.

Thông qua điều tra công tác quản lý thông tin hiện nay ở Bộ GD-ĐT/Sở GD-ĐT, Nhóm Chương trình JICA đã xây dựng Ngân hàng dữ liệu PEDP sử dụng ngôn ngữ HTML và phổ biến Ngân hàng dữ liệu qua đĩa CD-ROM.

Kết quả của việc hỗ trợ cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia và triển khai PEDP, bản tài liệu PEDP quốc gia 2004 đã được biên soạn và phê chuẩn. Phần tiếp theo sẽ đề cập tới nội dung của tài liệu PEDP cấp quốc gia.

4. Tóm tắt việc cập nhật PEDP cấp quốc gia

Những chỉnh sửa lớn trong tài liệu PEDP 2004 bao gồm: Đánh giá thực trạng (phần 1); đánh giá nhu cầu (Phần 2) và BAPI (Phần 3), phần 4 “Phối hợp Bộ GD-ĐT/nhà tài trợ thông qua PEDP” được bổ sung vào tài liệu PEDP 2004, thay cho phần 4, 5 và 6 trong tài liệu PEDP 2002 trước đây. Những chỉnh sửa được tiến hành trên cơ sở phân tích tài liệu đánh giá nhu cầu cấp tỉnh (61 tỉnh thành) và hội thảo PEDP được tổ chức trong năm 2002-2003 cũng như việc điều chỉnh cho phù hợp hơn phần nội dung BAPI.

Các Ma trận mới dưới đây được xây dựng và bổ sung là một phần trong quá trình đánh giá:

i) Ma trận tương thích Nhu cầu BAPI (BNMM); và

ii) Ma trận tương thích Dự án BAPI (BPMM) với các thông tin cập nhật về dự án/chương trình được thu thập thông qua Bảng dữ liệu về nhà tài trợ. Thông tin từ Bộ GD-ĐT và nhà tài trợ về các dự án được tổng hợp trong các Ma trận tương thích Dự án - BAPI (BPMM, xem Bảng 4.2.1.4) và được đưa vào phụ lục tài liệu PEDP quốc gia 2004. Các ma trận này được xây dựng thông qua thông tin thu thập được các cuộc họp với các nhà tài trợ và Bảng dữ liệu thông tin về nhà tài trợ. Kết quả của Bảng dữ liệu về nhà tài trợ được tổng hợp vào 3 bảng chính: (a) hoạt động hỗ trợ của các nhà tài trợ hiện đang triển khai/mới hoàn thành; (b) Ma trận Tương thích Dự án - BAPI và (c) Phân tích cơ chế phối hợp nhà tài trợ.

Việc phân tích cho thấy các vấn đề dưới đây:

i) Trong khi vùng đồng bằng Sông Hồng có ít dự án về giáo dục tiểu học so với các vùng khác trong cả nước thì vùng Đông Bắc của Việt Nam có nhiều dự án nhất.

ii) Hầu hết các BAPI là tương thích với các dự án ở Việt Nam ngoại trừ một số trường hợp như chỉ ra trong Ma trận Tương thích Dự án - BAPI, với các trường hợp này cần xem xét và tham khảo các chủ trương chính sách của Bộ GD-ĐT để thiết kế các hoạt động tham gia hỗ trợ trong tương lai.

iii) Việc đưa các tổ chức phi Chính phủ vào Ma trận tương thích Dự án - BAPI làm tăng các lĩnh vực và vùng về mặt nội dung và khu vực địa lý.

5. Giám sát và Đánh giá Chương trình trong giai đoạn 2

Trong quá trình xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh, số lượng card mô tả các vấn đề và nguyên nhân, cấp bậc của các nguyên nhân đã tăng lên ở hầu hết các tỉnh. Tuy nhiên, việc thu thập số liệu và đệ trình tài liệu cần được cải thiện.

Việc đánh giá năng lực của Ban QLCT cho thấy các cán bộ trong Ban QLCT có đủ năng lực để tổ chức Hội thảo tập huấn Nâng cao Năng lực Lập kế hoạch Giáo dục và hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh nhằm nâng cao kỹ năng thực hiện phân tích số liệu và xác định nhu cầu cấp tỉnh. Đồng thời việc đánh giá cũng chỉ ra rằng Ban QLCT có thể tự thực hiện các nhiệm vụ cập nhật PEDP. Tuy nhiên năng lực tổ chức công tác hậu cần của Ban QLCT cần được nâng cao (chẳng hạn sắp xếp họp Ban QLCT, tổng hợp tài liệu và sắp xếp họp với nhà tài trợ).

6. Đề xuất và các bài học kinh nghiệm thu được từ Chương trình trong Giai đoạn 2

Nhóm Chương trình đã đưa ra một số đề xuất và vấn đề liên quan đến Ban QLCT Bộ GD-ĐT nhằm nâng cao chất lượng và duy trì công tác quản lý và triển khai PEDP. Các vấn đề này đã được thảo luận trong các cuộc họp và hội thảo như Họp Trình bày Báo cáo kết thúc Chương trình (bản dự thảo) với Ban QLCT và Thứ trưởng Đặng Huỳnh Mai tổ chức vào ngày 24 tháng 12 năm 2003, Hội thảo Đánh giá PEDP với sự tham dự của đại diện tất cả các tỉnh tổ chức vào ngày 6 tháng 1 năm 2004, họp với các cán bộ chuyên trách EFA: Ông Shiu-Kee Chu, đại diện UNESCO, Ông Nguyễn Quốc Chí, trưởng nhóm kỹ thuật EFA và các cuộc họp riêng với Ông Trịnh Quốc Thái, trưởng Ban QLCT.

Các đề xuất và bài học kinh nghiệm thu được do Nhóm Chương trình đưa ra liên quan tới: i) Quản lý và Triển khai PEDP; ii) Nâng cao chất lượng công tác thu thập và phân tích dữ liệu; iii) Quản lý Ngân hàng Dữ liệu Giáo dục Tiểu học; vi) Phối hợp các nhà tài trợ: EFA và các kế hoạch khác. Nhóm Chương trình đã nhận được các ý kiến góp ý và thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

i) Quản lý, Triển khai và phối hợp PEDP với EFA và các kế hoạch khác:

- √ Các hoạt động PEDP sẽ tiếp tục triển khai theo Hướng dẫn Triển khai PEDP và Vụ Giáo dục Tiểu học sẽ chịu trách nhiệm thực hiện PEDP. Tài liệu PEDP cấp tỉnh sẽ được cập nhật trong khung EFA cấp tỉnh.
- √ Bà Đặng Huỳnh Mai và lãnh đạo EFA thống nhất với đề xuất rằng các hoạt động PEDP cần được lồng ghép vào cơ chế giám sát và triển khai PEDP.
- √ Bộ GD-ĐT đã bày tỏ mối quan tâm về vấn đề kinh phí để tiếp tục các hoạt động PEDP và hỗ trợ kỹ thuật cho 3 tỉnh mới thành lập chưa được Chương trình hỗ trợ JICA hỗ trợ đào tạo/tập huấn và Bộ GD-ĐT đang tìm kiếm nhà tài trợ hỗ trợ về đào tạo tập huấn cho các tỉnh này.
- √ Ông Trịnh Quốc Thái đã trình bày tại Hội thảo Đánh giá Chương trình và cho rằng PEDP sẽ là tài liệu định hướng cho các hỗ trợ từ Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ. PEDP sẽ được lồng ghép vào các kết hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm và kế hoạch dài hạn của Bộ GD-ĐT.

ii) Các đề xuất và học kinh nghiệm thu được từ các tỉnh

- √ Đại diện các tỉnh có ý kiến cho rằng PEDP cấp tỉnh cần có sự tham gia của Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban Nhân dân trong việc tổ chức hội thảo để kết quả của PEDP sẽ được đưa vào Chiến lược Phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.
- √ Hầu hết các tỉnh đều nêu khó khăn trong việc thu thập dữ liệu. Ngoài ra, Nhóm Chương trình JICA nhận thấy có sự khác biệt lớn về các mục dữ liệu thu thập trong tài liệu PEDP cấp tỉnh và các số liệu thống kê chính thức.
- √ Hầu hết các tỉnh đều có ý kiến nhận xét rằng phương pháp tiếp cận cùng tham gia sử dụng trong PEDP là rất hữu ích, có thể áp dụng vào việc lập kế hoạch khác và góp phần xây dựng năng lực quản lý của Sở và Phòng GD-ĐT. Ngoài ra, tài liệu PEDP cấp tỉnh sẽ là tài liệu cơ sở cho các kế hoạch giáo dục hàng năm, kế hoạch trung hạn và dài hạn.
- √ Đa số các tỉnh xác định kỹ năng quản lý của Sở và Phòng GD-ĐT đều được nâng cao và các cán bộ tỉnh có thể xác định nhu cầu thực tế và các vấn đề ưu tiên dựa trên phương pháp tiếp cận cùng tham gia.

iii) Đề xuất và các bài học kinh nghiệm thu được từ các nhà tài trợ

Có ý kiến đề xuất rằng Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học cần được lồng ghép vào trang Web của Bộ GD-ĐT hiện đang được EU hỗ trợ xây dựng. Theo phúc đáp của Bộ GD-ĐT, trang Web của Bộ GD-ĐT và ngân hàng dữ liệu PEDP sẽ là một phần thông tin trong trang Web của Vụ Giáo dục Tiểu học và sẽ được kết nối với trang Web chủ của Bộ GD-ĐT.

Có 3 dự án liên quan đến lập kế hoạch giáo dục tiểu học ở cấp tỉnh (PEDP cấp tỉnh, Dự án giáo dục tiểu học cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn (PEDC), EFA cấp tỉnh). Cần phối hợp chặt chẽ về phương pháp tiếp cận và phương pháp luận để tránh khó khăn vướng mắc ở cấp tỉnh.

1 GIỚI THIỆU

1.1 Cơ sở của Chương trình

Cung cấp nguồn nhân lực “phù hợp” cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là vấn đề quốc sách ở Việt Nam. Trước tình hình này, nâng cao chất lượng và phát triển giáo dục là một trong các lĩnh vực ưu tiên trong “Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội trong giai đoạn 2001-2010” hiện đang được Chính phủ Việt Nam thực hiện. Nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học, trung học và cao đẳng, đại học là vấn đề thiết yếu để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, trong số các vấn đề đang đặt ra Chính phủ Việt Nam đã dành ưu tiên cho vấn đề phát triển và tăng cường nguồn nhân lực. Trong “Chiến lược Phát triển Giáo dục giai đoạn 2001-2010” được phê chuẩn ngày 28 tháng 12 năm 2001, Chính phủ Việt Nam đưa ra các chiến lược nhằm: (a) nâng tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi lên 99% vào năm 2010; (b) nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các bậc học; và (c) nâng cao cả về chất và lượng đối với đội ngũ giáo viên; và (d) cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học...

Tháng 10 năm 2000, Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ xây dựng Chương trình Phát triển Giáo dục Tiểu học (PEDP) nhằm thực hiện “Chiến lược Phát triển Giáo dục cho giai đoạn 2001-2010”. Tháng 8 năm 2001, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã cử một Nhóm Chương trình sang hỗ trợ Chính phủ Việt Nam xây dựng Chương trình PEDP.

Trong Giai đoạn I, tài liệu PEDP cấp quốc gia đã được xây dựng thông qua một số hoạt động: (a) Hội thảo giới thiệu PEDP nhằm giới thiệu mục tiêu và khái niệm về PEDP và tiến hành đánh giá nhu cầu trên phạm vi cả nước; (b) Phối hợp Nhà tài trợ để giới thiệu PEDP, xây dựng cơ chế phối hợp và thu thập thông tin dự án. Tài liệu PEDP cấp quốc gia đã được Thứ trưởng Bộ GD-ĐT phê chuẩn trong tháng 5 năm 2002. Nhóm Chương trình JICA đã hỗ trợ Chính Phủ Việt Nam trong các hoạt động: (a) phối hợp các nhà tài trợ trong lập kế hoạch và triển khai PEDP; (b) xây dựng và nâng cao năng lực cho Ban QLCT để giám sát tiến độ thực hiện PEDP và (c) cung cấp hỗ trợ xây dựng PEDP.

1.2 Mục tiêu của Chương trình

Dựa trên kết quả của giai đoạn I, mục tiêu của Giai đoạn II bao gồm:

- 1) Cung cấp hỗ trợ xây dựng năng lực quản lý cho các cán bộ Bộ GD-ĐT - quản lý cấp quốc gia, phối hợp nhà tài trợ, và giám sát;
- 2) Cung cấp hỗ trợ xây dựng các dự án do Chính phủ Nhật Bản tài trợ trong khung Chương trình PEDP, và cung cấp hỗ trợ để giám sát tiến độ xây dựng các dự án;

- 3) Cung cấp các hỗ trợ liên tục đối với Bộ GD-ĐT nhằm đảm bảo hoàn thành việc cập nhật tài liệu PEDP của 55 tỉnh chưa thực hiện hỗ trợ tổ chức hội thảo xây dựng tài liệu trong giai đoạn I. Điều này nhằm đảm bảo tất cả 61 tỉnh thành đều được nhận hỗ trợ. Nhóm Chương trình JICA hỗ trợ Ban QLCT/Bộ GD-ĐT cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia trong đó có lồng ghép các tài liệu PEDP cấp tỉnh mới được cập nhật.

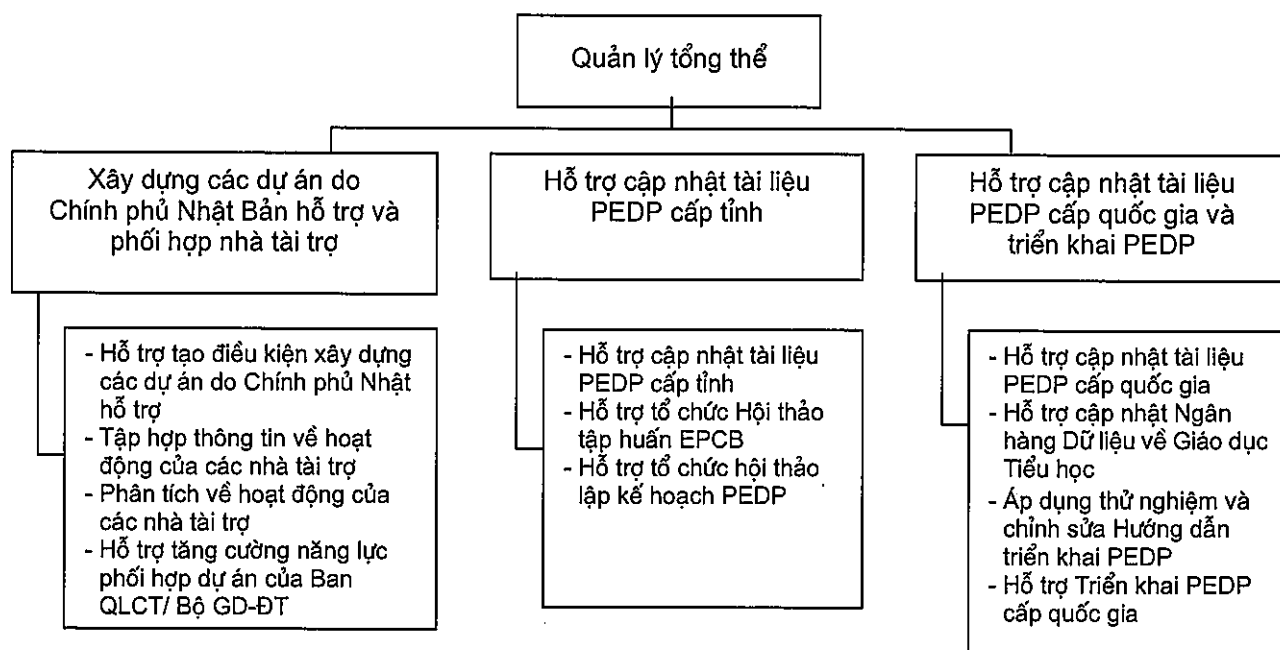
Sau khi thực hiện đánh giá giữa kỳ các hoạt động trong năm thứ 2 vào tháng 3 năm 2003, mục tiêu 2 ở trên đã được thay đổi do việc xây dựng dự án đã được hoàn thành và được sửa đổi thành 2') như sau:

- 2') Hỗ trợ việc thực hiện và giám sát các dự án đã xây dựng do Chính phủ Nhật Bản tài trợ trong khung chương trình PEDP.

1.3 Cơ chế thực hiện

Hình 1.3.1.1 dưới đây chỉ ra cơ cấu tổ chức thực hiện chương trình. Nhóm Chương trình được chia thành 3 nhóm làm việc dưới sự quản lý chung của Trưởng Nhóm:

- 1) Nhóm xây dựng dự án và phối hợp nhà tài trợ - hỗ trợ xây dựng các dự án do Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ và thu thập và phân tích thông tin dự án do nhà tài trợ hỗ trợ.
- 2) Nhóm cập nhật PEDP cấp tỉnh — hỗ trợ việc cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh của 55 tỉnh và cung cấp hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cán bộ cấp tỉnh.
- 3) Nhóm cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia và hướng dẫn triển khai PEDP — hỗ trợ việc cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia dựa trên phân tích tài liệu PEDP cấp tỉnh cập nhật và phân tích thông tin về nhà tài trợ. Các nhiệm vụ cập nhật dựa trên Hướng dẫn Triển khai (bản dự thảo). Trên cơ sở quá trình thử nghiệm này đã tiến hành hoàn thiện Hướng dẫn triển khai.



Hình 1.3.1.1: Tổ chức thực hiện Chương trình Hỗ trợ PEDP

1.4 Phạm vi của Chương trình

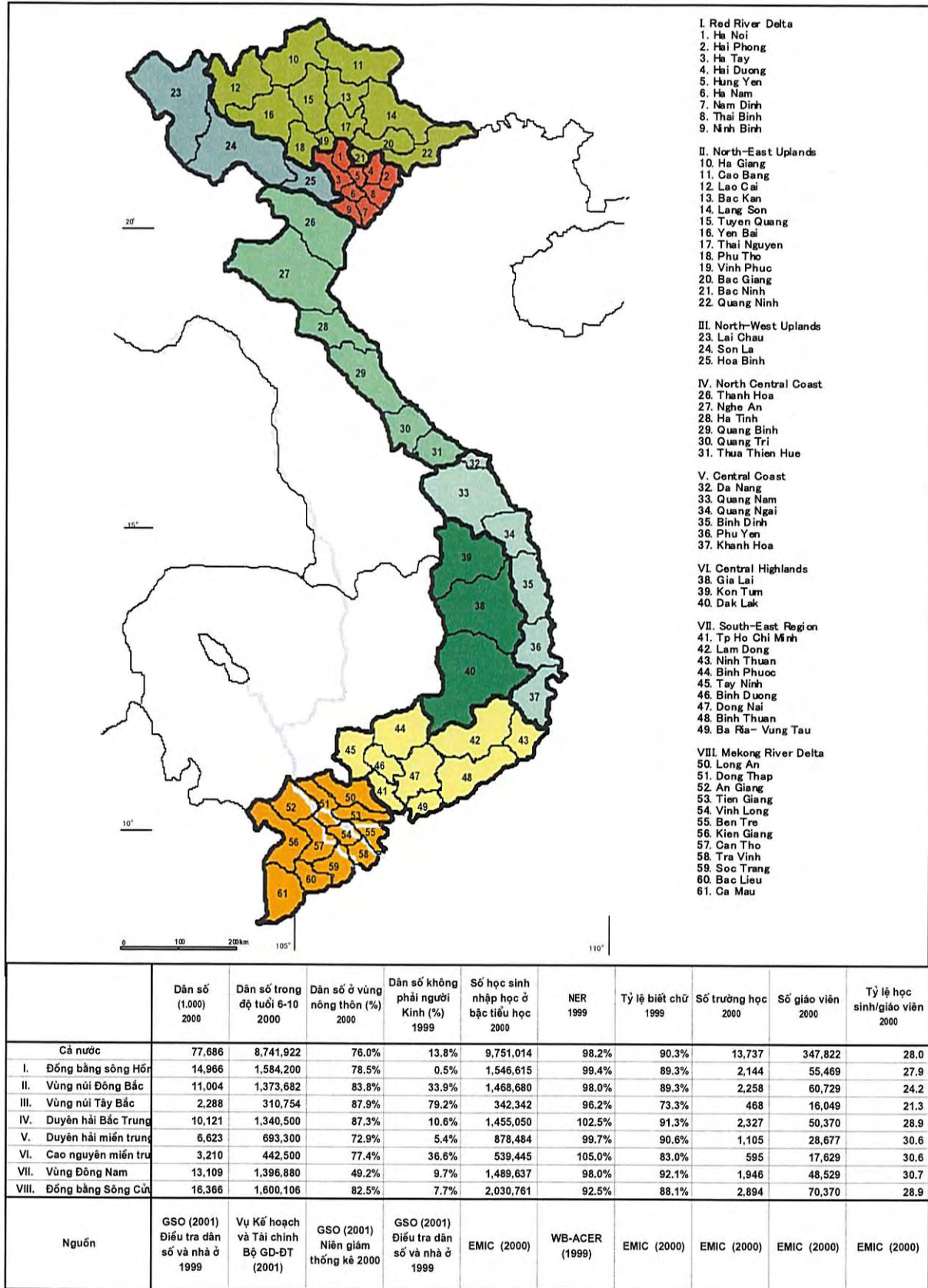
Chương trình được thực hiện ở tất cả các tỉnh của Việt Nam như chỉ ra trong hình 1.4.1.1. Trong Giai đoạn đầu của Chương trình, đánh giá nhu cầu trên phạm vi cả nước được tiến hành thông qua tổ chức hội thảo ở 6 vùng để xây dựng tài liệu PEDP cấp quốc gia. Ngoài tài liệu PEDP cấp quốc gia, trong giai đoạn I, 6/61 tỉnh đại diện ở 6 vùng (Phú Thọ, Nam Định, Gia Lai, Bình Thuận, Hồ Chí Minh và Đồng Tháp) đã được hỗ trợ xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh. Trong Giai đoạn II, 55 tỉnh còn lại đã thực hiện cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh. Trong quá trình cập nhật cũng đã thực hiện nâng cao năng lực đối với các cán bộ giáo dục cốt cán ở các tỉnh.

1.5 Báo cáo kết thúc Chương trình

Báo cáo Kết thúc Chương trình bao gồm một Phần chính và 5 Phụ lục. Phần chính có các nội dung sau: 1) Quá trình triển khai các hoạt động; 2) Những thay đổi trong thực trạng giáo dục từ năm 2002 và chỉnh sửa trong tài liệu PEDP 2004; 3) Giám sát và Đánh giá; và 4) Bài học kinh nghiệm thu được và đề xuất.

Tất cả các tài liệu, hướng dẫn như tài liệu cập nhật PEDP cấp quốc gia và tài liệu PEDP cấp tỉnh sử dụng trong tập huấn Nâng cao năng lực lập kế hoạch giáo dục và Hội thảo PEDP được kèm theo ở phần phụ lục bao gồm:

- √ Phụ lục 1: Tài liệu PEDP cấp quốc gia 2004
- √ Phụ lục 2: Biên bản họp với nhà tài trợ
- √ Phụ lục 3: Tóm tắt tài liệu PEDP cấp tỉnh
- √ Phụ lục 4: Tài liệu sử dụng trong tập huấn Nâng cao năng lực lập kế hoạch và Hội thảo PEDP
- √ Phụ lục 5: Hướng dẫn triển khai PEDP



Hình 1.4.1.1: Các vùng và tỉnh thành ở Việt Nam

2 NHỮNG THAY ĐỔI VỀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC TỪ NĂM 2002 ĐẾN NĂM 2004

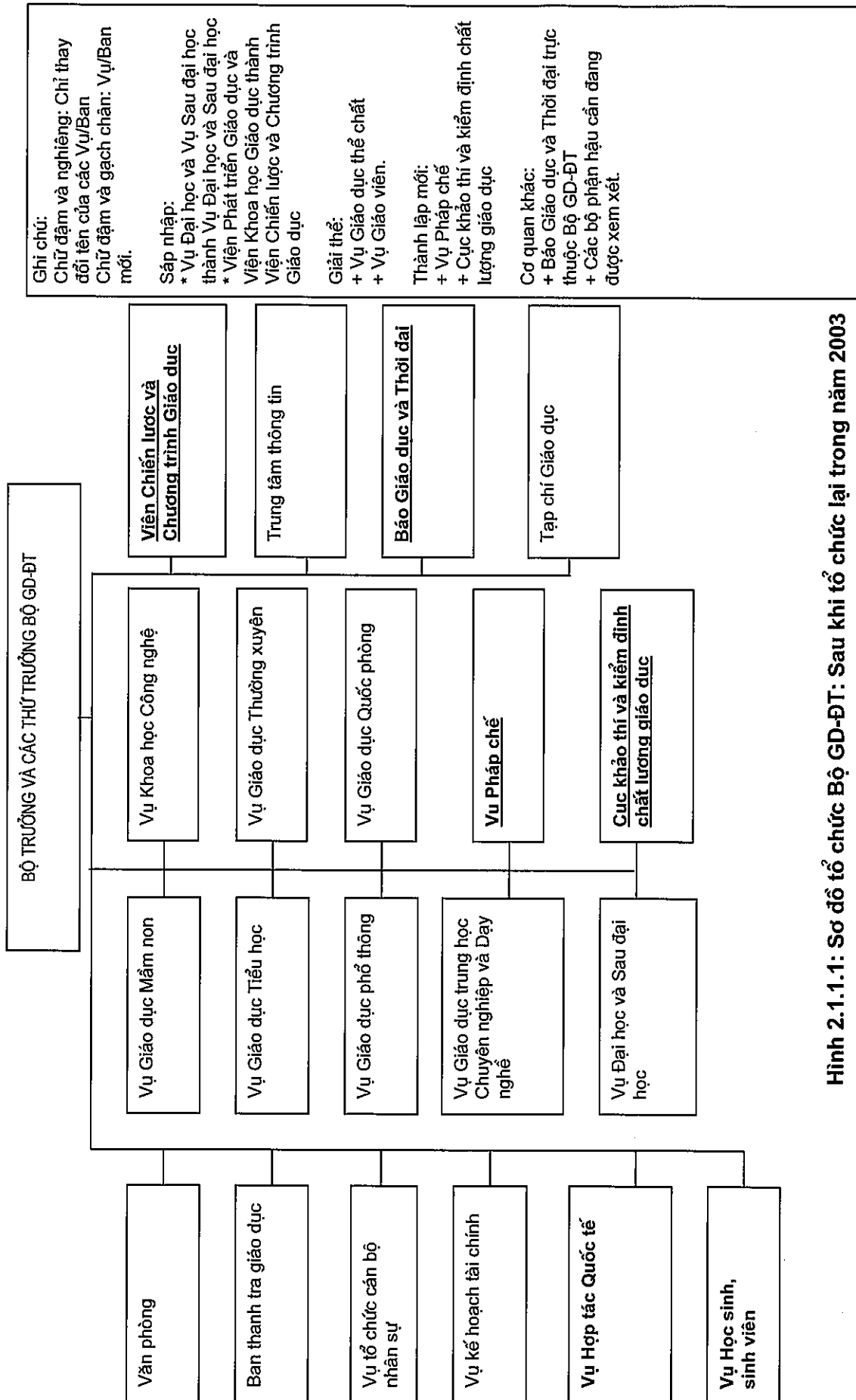
2.1 Thay đổi trong cơ cấu tổ chức của Bộ GD-ĐT

Chính phủ Việt Nam tổ chức lại cơ cấu Bộ GD-ĐT trong đó có 16 Vụ, 4 Viện nghiên cứu để giảm sự chồng chéo và nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục. Nghị định Chính phủ số 85/2003/NĐ-CP quy định về chức năng và nhiệm vụ trong Bộ GD-ĐT với việc thành lập các Vụ mới (Vụ Pháp chế, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Thông tin), sát nhập một số Vụ (Vụ Đại học và Vụ Sau đại học thành Vụ Đại học và Sau đại học; Viện Phát triển Giáo dục quốc gia và Viện Khoa học Giáo dục quốc gia thành Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục), đồng thời giải thể một số Vụ trước đây (Vụ Giáo viên và Vụ Giáo dục thể chất)¹. Quyết định số 4778/QĐ-BGD & ĐT-TCCB ngày 8/9/2003 hướng dẫn về chức năng và nhiệm vụ của Vụ Giáo dục Tiểu học bao gồm:

- √ Trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền và/hoặc đề Bộ trưởng trình Chính phủ/ Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, đề án và các văn bản khác về giáo dục tiểu học
- √ Giúp Bộ trưởng hướng dẫn và kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về giáo dục tiểu học theo phân cấp của Chính phủ
- √ Giúp Bộ trưởng quản lý chương trình, nội dung, và kế hoạch dạy học của mọi loại hình trường/lớp thuộc giáo dục tiểu học; theo dõi, tổng hợp đánh giá tình hình về giáo dục tiểu học trong cả nước qua từng thời kỳ và năm học. Đề xuất trình Bộ trưởng các chủ trương, biện pháp để đảm bảo phát triển giáo dục tiểu học và hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học
- √ Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành tiêu chuẩn các loại hình trường học/lớp học và trường chuẩn quốc gia thuộc giáo dục tiểu học. Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng các quy định về việc biên soạn, xuất bản và phát hành sách giáo khoa tiểu học.
- √ Xây dựng chuẩn trình độ giáo viên và nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học. Hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên hoặc từng năm học cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tiểu học.

¹ Đánh giá về cơ cấu tổ chức lại vẫn chưa được thực hiện. Theo thông tin phỏng vấn các cán bộ trong Bộ GD-ĐT, việc đánh giá có thể sẽ được tiến hành khi bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ GD-ĐT mới.

- √ Phối hợp với Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn về khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục trình Bộ trưởng ban hành, hướng dẫn chỉ đạo các kỳ thi. Phối hợp với thanh tra của Bộ để thanh tra, kiểm tra việc quản lý, cấp phát và thu hồi văn bằng/chứng chỉ thuộc giáo dục tiểu học.
- √ Phối hợp và giám sát hoạt động giáo dục tiểu học trên các mặt kế hoạch, dự án và chương trình.



Hình 2.1.1.1: Sơ đồ tổ chức Bộ GD-ĐT: Sau khi tổ chức lại trong năm 2003

2.2 Phân cấp quản lý

Luật Tổ chức Chính phủ ban hành tháng 12 năm 2001 và Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2003 quy định về chức năng của các cơ quan Chính phủ và tổ chức nhân sự, tuy nhiên không cung cấp chi tiết về việc phân định chức năng và nhiệm vụ giữa chính quyền trung ương và địa phương (gồm tỉnh, huyện, xã...). Theo Ban QLCT, chính quyền tỉnh và huyện sẽ phân công cụ thể công việc theo cơ chế phân cấp quản lý trong giáo dục.

Theo Ban QLCT, vấn đề cần quan tâm là các cán bộ Bộ GD-ĐT chưa có đủ năng lực để điều hành hệ thống phân cấp quản lý giáo dục. Cần có sự thay đổi về tác phong làm việc của cán bộ Bộ GD-ĐT/Sở và Phòng GD-ĐT, và nâng cao năng lực lập kế hoạch và quản lý cho các cán bộ. Nhiều ý kiến cho rằng cán bộ nhà nước cần có đủ năng lực và được trao quyền tự chủ trong vai trò chức năng của họ hơn là chỉ làm theo “chỉ thị” như trong văn bản bổ nhiệm.

2.3 Thực hiện Chương trình Giảng dạy mới

Hàng năm, chương trình giảng dạy mới được áp dụng một cách có hệ thống ở tất cả các trường, bắt đầu với việc thử nghiệm chương trình và sách giáo khoa lớp 1 (12 tỉnh thực hiện thí điểm) và đào tạo giáo viên trong năm 2001, sau đó triển khai chương trình giảng dạy mới ở lớp 1 ở tất cả các trường trong năm 2002. Hoàn thành bậc học được chỉ ra trong Bảng 2.3.1.1 dưới đây. Mỗi bậc học thực hiện “đào tạo giảng viên” và “đào tạo giáo viên”, đánh giá các kết quả đào tạo, thực hiện ở các trường thí điểm, đánh giá việc thực hiện thí điểm và đưa vào áp dụng ở tất cả các trường và đánh giá việc triển khai đại trà.

Trong quá trình xây dựng và thực hiện chương trình giảng dạy mới, Bộ GD-ĐT đã xem xét:

- √ Xây dựng tài liệu cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn
- √ Hướng dẫn thực hiện chương trình giảng dạy đối với trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt
- √ Xây dựng phương thức sử dụng chung sách giáo khoa
- √ Xây dựng tài liệu giảng dạy
- √ Phương pháp đánh giá học sinh
- √ Thay đổi về khoảng thời gian trong một năm học

Các chuẩn về chương trình giảng dạy được phê chuẩn trong đầu năm 2001 và chu trình xây dựng và thẩm định sách giáo khoa được thực hiện từ năm 2001 đến năm 2003.

Bảng 2.3.1.1: Chu trình thực hiện Chương trình Giảng dạy mới ở bậc Tiểu học

Lịch trình	Giai đoạn thử nghiệm (12 tỉnh)	Tất cả các trường
Mùa xuân năm 2001	Đào tạo giảng viên cốt cán	
Mùa hè năm 2001	Lớp 1 - đào tạo giáo viên thử nghiệm	
Tháng 9/2001-tháng 5/2002	Lớp 1 - thử nghiệm ở các trường	
Tháng 6/ 2002	Đánh giá giai đoạn thử nghiệm	
Mùa hè 2002	Lớp 2 - đào tạo giáo viên thử nghiệm	Lớp 1 - đào tạo giáo viên trên phạm vi toàn quốc
Tháng 9/2002- tháng 5/2003	Lớp 2 - thử nghiệm ở các trường	Lớp 1 - áp dụng ở tất cả các trường
Tháng 6/ 2003		Đánh giá việc thực hiện
Mùa hè 2003	Lớp 3 - đào tạo giáo viên thử nghiệm	Lớp 2 - đào tạo giáo viên trên phạm vi toàn quốc
Tháng 9/2003- tháng 5/2004	Lớp 3 - thử nghiệm ở các trường	Lớp 2 - áp dụng ở tất cả các trường
Tháng 6/ 2004		Đánh giá việc thực hiện
Mùa hè 2004	Lớp 4 - đào tạo giáo viên thử nghiệm	Lớp 3 - đào tạo giáo viên trên phạm vi toàn quốc
Tháng 9/2004- tháng 5/2005	Lớp 4 - thử nghiệm ở các trường	Lớp 3 - áp dụng ở tất cả các trường
Tháng 6/ 2005		Đánh giá việc thực hiện
Mùa hè 2005	Lớp 5 - đào tạo giáo viên thử nghiệm	Lớp 4 - đào tạo giáo viên trên phạm vi toàn quốc
Tháng 9/2005- tháng 5/2006	Lớp 5 - thử nghiệm ở các trường	Lớp 4 - áp dụng ở tất cả các trường
Tháng 6/ 2006		Đánh giá việc thực hiện
Mùa hè 2006		Lớp 5 - đào tạo giáo viên trên phạm vi toàn quốc
Tháng 9/2006- tháng 5/2007		Lớp 5 - áp dụng ở tất cả các trường
Tháng 6/ 2007		Đánh giá việc thực hiện

Chương trình giảng dạy mới đối với lớp 1, 2 và 3 gồm 6 môn học bắt buộc: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Thể dục và Nghệ thuật. Chương trình giảng dạy mới đối với lớp 4 và 5 gồm 9 môn bắt buộc: tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Thủ công, Hát nhạc, Mỹ thuật và Thể dục. Chương trình giảng dạy này được thiết kế cho hình thức học một buổi/ngày. Các trường đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất và thiết bị có thể áp dụng học 2 buổi/ngày đáp ứng nhu cầu của phụ huynh học sinh. Ngoài chương trình giảng dạy chung, các trường và lớp học 2 buổi/ngày có thể dạy các môn tự chọn như: ngoại ngữ, tin học và các hoạt động giáo dục ngoại khoá nhằm nâng cao khả năng học tập cho học sinh.

Trong năm học 2003-2004, chương trình giảng dạy mới được áp dụng ở bậc tiểu học với các nội dung cụ thể dưới đây:

- √ Chương trình giảng dạy và sách giáo khoa mới đối với lớp 1 và 2 được triển khai đại trà trên phạm vi cả nước.
- √ Chương trình giảng dạy 165 tuần bao gồm 9 môn học bắt buộc được áp dụng ở hầu hết các lớp 3, 4 và 5 trên phạm vi cả nước.
- √ Chương trình công nghệ giáo dục được áp dụng đối với lớp 3, 4 và 5 ở một số trường.
- √ Chương trình giảng dạy thử nghiệm và sách giáo khoa đối với lớp 3, 4 và 5 được áp dụng ở một số trường và lớp học.
- √ Chương trình giảng dạy 120 tuần và 100 tuần (chương trình rút gọn dựa trên chương trình giảng 165 tuần) đối với lớp 3, 4 và 5 dành cho học sinh dân tộc và học sinh ở các vùng khó khăn.

- √ Chính phủ quy định hình thức học một buổi/ngày trên cơ sở 5 ngày/tuần. Ở các trường học 2 buổi/ngày, phụ huynh học sinh trả lương cho giáo viên đối với ca dạy thêm theo quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Đánh giá việc thực hiện chương trình giảng dạy và sách giáo khoa ở lớp 1 theo khu vực vào cuối năm học (giữa năm 2003) do Bộ GD-ĐT thực hiện cho thấy việc thực hiện chương trình giảng dạy mới đã thu được một số kết quả khả quan. Đánh giá cũng nêu rõ một số vấn đề cần phải khắc phục. Một số vấn đề chính được tổng kết trong bảng dưới đây:

Bảng 2.3.1.2: Thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện Chương trình giảng dạy mới

Thuận lợi/Thành công trong việc thực hiện	Khó khăn/Vấn đề cần làm rõ
<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp thực hiện tốt và quy trình đánh giá hiệu quả ở tất cả các cấp - Tinh thần hưởng ứng nhiệt tình thực hiện chương trình giảng dạy mới - Chương trình giảng dạy mới phù hợp với <u>chuẩn quốc tế</u> - Đào tạo tập trung 50% thời gian vào <u>thảo luận và áp dụng trong thực tiễn</u> - Tất cả <u>hiệu trưởng tiểu học được đào tạo từ 2-3 ngày và giáo viên tất cả các bậc học ở cấp tiểu học trong thời gian 6-12 ngày</u> - Cải thiện đáng kể chất lượng khả năng tiếp cận và kết quả đạt được ở các vùng dân tộc thiểu số và trẻ em khuyết tật 	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Kết quả đạt được ở các tỉnh có sự khác nhau</u> - Còn một số yếu kém trong kỹ năng giảng dạy của giáo viên - Kiến nghị tổ chức đào tạo trong thời gian dài hơn và với số lượng đại biểu ít hơn nhằm tạo sự tham gia tích cực - Kết quả học 2 buổi/ngày có sự khác nhau - <u>chính sách, quy định và cơ sở vật chất cần thiết</u> - Chưa có các <u>tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá và xếp loại</u> trẻ em khuyết tật - Giáo viên gặp khó khăn trong việc nắm bắt <u>phương pháp đánh giá mới</u>

Các đề xuất đưa ra trong Hội thảo đánh giá năm thứ 1 do Bộ GD-ĐT tổ chức bao gồm:

- √ Hỗ trợ tất cả các cấp quản lý giáo dục trong việc thực hiện đổi mới chương trình giảng dạy.
- √ Đổi mới đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ các trường giải quyết các vấn đề tồn tại và rút ra bài học kinh nghiệm.
- √ Phổ biến vận động toàn xã hội và ngành giáo dục khắc phục khó khăn
- √ Sử dụng các nguồn lực nhằm đảm bảo phòng học, sân chơi và trang thiết bị dạy và học và cơ sở vật chất từng bước chuyển sang học 2 buổi/ngày.

2.4 Tiến độ thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia

Chương trình Mục tiêu Quốc gia trong Chiến lược Phát triển Giáo dục cho giai đoạn 2001-2010 (Chiến lược PTGD 2010) bao gồm 6 chương trình, trong đó 4 chương trình tiếp tục từ các chương trình mục tiêu trong những năm 1990. Ngân sách đặc biệt được phân bổ để thực hiện chương trình kể từ khi ban hành Chiến lược PTGD 2010. Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước và các cơ quan quản lý cấp tỉnh, huyện (Sở/Phòng GD-ĐT và các cơ quan chức năng) là những đơn vị chính tổ chức thực hiện.

Chính quyền trung ương (Bộ GD-ĐT phối hợp với Bộ KH-ĐT và Bộ TC) quy định định mức ngân sách phân bổ và chương trình được thực hiện ở các tỉnh tương ứng. Hội đồng chỉ đạo quốc gia Bộ GD-ĐT phối hợp với Bộ KH-ĐT và Bộ TC giám sát và theo dõi tiến độ chương trình tổng thể.

Hơn nữa, các Vụ trong Bộ GD-ĐT được phân công phụ trách các chương trình tương ứng để giám sát tiến trình thực hiện bằng cách cung cấp hướng dẫn/văn bản chính thức.

Bảng 2.4.1.1: Chương trình Mục tiêu Quốc gia và Vụ chức năng trong Bộ GD-ĐT

Chương trình mục tiêu quốc gia	Vụ chức năng trong Ban Quản lý Chương
NT1 Củng cố Phổ cập Giáo dục Tiểu học và xoá mù chữ	Vụ Giáo dục Tiểu học Vụ Giáo dục phổ thông
NT2 Đổi mới chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy *	Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục Vụ Giáo dục phổ thông
NT3 Đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào giáo dục ở các trường *	Vụ Khoa học công nghệ
NT4 Cung cấp các khoá đào tạo/bồi dưỡng giáo viên Tăng cường cơ sở vật chất ở các trường sư phạm	Văn phòng Bộ Vụ Kế hoạch Tài chính
NT5 Hỗ trợ các vùng dân tộc thiểu số và khó khăn	Trung tâm giáo dục dân tộc (Thuộc Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục) ³
NT6 Tăng cường cơ sở vật chất trường học Xây dựng các trường đại trọng điểm và các trường trung học chuyên nghiệp	Vụ Kế hoạch Tài chính

* Chương trình mới được đưa vào Chiến lược PTGD 2010

Hợp phần trong Chương trình mục tiêu gồm:

NT1 Củng cố Phổ cập Giáo dục tiểu học và xoá mù chữ: Phân bổ ngân sách hàng năm khoảng 40 - 50 tỷ VNĐ kể từ năm 2001, mức ngân sách này thấp hơn so với ngân sách phân bổ cho các hoạt động tương tự trong những năm 1990. Điều này chủ yếu là do tiến độ đạt Phổ cập GDTH và xoá mù chữ và chủ trương của Bộ GD-ĐT là phân bổ nguồn tài chính ngày càng tăng cho “NT2 Đổi mới chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy”. Nhìn chung, Bộ GD-ĐT tin tưởng rằng sẽ đạt được mục tiêu dự kiến đề ra trong chương trình (như tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học là 100% vào năm 2005). Số tỉnh hoàn thành Phổ cập trung học cơ sở tăng lên 17 tỉnh trong năm 2003 từ 1 tỉnh (Hà Nội) trong năm 2001. Bộ GD-ĐT xem xét tới nhu cầu cần tiếp tục hỗ trợ về nguồn lực cho chương trình bởi vì khu vực khó khăn/dân số gặp trở ngại trong việc đạt được mục tiêu này.

NT2 Đổi mới chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy: Chương trình giảng dạy mới được đưa vào áp dụng kể từ năm 2002 và phân bổ kinh phí hàng năm tăng lên nhằm hỗ trợ việc thực hiện chương trình giảng dạy mới: 227 và 380 tỷ VNĐ tương ứng trong năm 2002 và 2003, 520 tỷ VNĐ dự kiến trong năm tài khoá 2004. Chương trình này gồm 3 hợp phần: Đào tạo bồi dưỡng, Nâng cao cơ sở vật chất và tài liệu giảng dạy ở các trường, Cung cấp hướng dẫn giảng dạy và tài liệu tham khảo. Phần lớn kinh phí được phân bổ cho việc cung cấp tài liệu và cơ sở vật chất nhằm thực hiện chương trình giảng dạy mới.

³ Hiện nay trung tâm thuộc Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục. Bộ GD-ĐT dự định đưa trung tâm trực thuộc quản lý của Bộ GD-ĐT

NT3 Đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào giáo dục ở các trường: Chính phủ cung cấp các khoá đào tạo tin học tại các trường đại học và cao đẳng với ngân sách hàng năm là 40 - 60 tỷ VNĐ. Chương trình bao gồm cung cấp trang thiết bị, máy tính, đào tạo bồi dưỡng giáo viên và xây dựng chương trình giảng dạy môn tin học⁴. Trong giai đoạn 2001-2005, Bộ GD-ĐT dự kiến cung cấp các khoá đào tạo tin học cho tổng cộng 50.000 sinh viên/ giáo sinh, trong đó 20.000 sinh viên/giáo sinh được đào tạo các kỹ năng phát triển phần mềm. Bộ GD-ĐT cũng tập trung hỗ trợ cho tất cả các trường trung học phổ thông nối mạng Internet vào cuối năm 2004. Chương trình này cũng trang bị máy tính và các cơ sở vật chất khác với nguồn kinh phí chủ yếu từ chính quyền cấp tỉnh.

NT4 Cung cấp các khoá đào tạo bồi dưỡng giáo viên⁵: Chính phủ thực hiện chương trình mục tiêu này kể từ năm 1994 và đưa vào Chiến lược PTGD 2010. Chương trình nhằm nâng cao chất lượng trường sư phạm, tăng số trường sư phạm thông qua đầu tư vào các cơ sở đào tạo tương tự nhưng không phải là trường sư phạm và chuyển cơ sở này thành trường sư phạm để đảm bảo mỗi tỉnh có ít nhất một trường sư phạm. Ngân sách chương trình hàng năm khoảng 110-130 tỷ VNĐ kể từ năm 2001.

NT5 Hỗ trợ vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn: Chương trình này bắt đầu từ cuối những năm 1980 như một phần trong Phong trào Đổi mới. Theo Chiến lược PTGD 2010, chương trình được cấp kinh phí khoảng 130 - 180 tỷ VNĐ hàng năm. Chương trình này có 3 hợp phần chính: Nâng cấp cơ sở vật chất trường học; Hỗ trợ kỹ thuật nhằm cải thiện chi phí thường xuyên cấp tỉnh; và Hỗ trợ chính sách cấp tỉnh cho đối tượng là nhóm dân số có hoàn cảnh khó khăn. Trường nội trú đẩy mạnh giáo dục cơ bản, đặc biệt đối với dân tộc thiểu số. Bộ GD-ĐT thúc đẩy các trường nội trú “cấp tỉnh” (mỗi tỉnh có một trường nội trú), trường nội trú “cấp huyện” trong những năm 1990. Trong Chiến lược PTGD 2010, Bộ GD-ĐT xây dựng ít nhất 1 trường nội trú/cụm xã.

NT6 Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất trường học ở các trường đại học chính và các trường trung học chuyên nghiệp: Chương trình này tiếp tục chương trình tương tự từ những năm 1990. Chương trình này nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất ở tất cả các bậc học trong trường với kinh phí hàng năm khoảng 120 - 200 tỷ VNĐ, kinh phí phân bổ này chủ yếu để bảo dưỡng cơ sở vật chất trường học hiện có. Bộ GD-ĐT cấp kinh phí cho việc xây dựng trường học mới thông qua việc phát hành trái phiếu giáo dục và tìm cách xoá bỏ phòng học 3 ca và phòng học tạm vào cuối năm 2005. Số trường học thuộc chương trình này vẫn chưa được xác định trong giai đoạn Nghiên cứu.

⁴ Hiện đang tập trung vào giáo viên phổ thông trung học và dự kiến sẽ triển khai cả ở bậc trung học cơ sở và tiểu học trong tương lai.

⁵ Ban hành Chiến lược PTGD 2010 (bản tiếng Anh, Nhà xuất bản Giáo dục, tháng 4 năm 2002) quy định chương trình “Tăng cường năng lực đào tạo dạy nghề”. Tuy nhiên, Chiến lược khẳng định rằng chương trình này tập trung nhiều hơn vào nâng cao chất lượng trường sư phạm so với các trường cao đẳng và đại học nói chung.

2.5 Tài chính Giáo dục

2.5.1 Đơn vị sự nghiệp có thu

Trường tiểu học có thể được coi là một đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định 21/2003. Mỗi đơn vị sự nghiệp có thu trong ngành GD và ĐT được giao quyền tự chủ và quản lý về tài chính ở mức độ rộng hơn như xây dựng kế hoạch thu chi, huy động nguồn vốn từ các tổ chức trong nước và quốc tế, tuyển giáo viên và xác định lương cho các cán bộ nhân viên trong trường. Có 2 loại đơn vị sự nghiệp có thu: đơn vị sự nghiệp có thu một phần và đơn vị sự nghiệp có thu toàn bộ. Đơn vị sự nghiệp có thu một phần trang trả một phần chi phí từ ngân sách thu của đơn vị, trong khi đơn vị sự nghiệp có thu toàn bộ phải trang trả toàn bộ chi phí.

- √ Đơn vị sự nghiệp có thu trong giáo dục và đào tạo được phép tự xây dựng kế hoạch thu hàng năm
- √ Đơn vị sự nghiệp có thu trong GD&ĐT được phép huy động nguồn vốn từ các tổ chức trong nước và quốc tế.
- √ Các đơn vị sự nghiệp có thu có thể giữ lại nguồn vốn còn lại và sử dụng vào các hoạt động khác của trường.
- √ Sắp xếp nhân sự - Giám đốc đơn vị sự nghiệp có thu có thể tuyển dụng và sa thải nhân viên
- √ Các đơn vị sự nghiệp có thu trong GD-ĐT có thể định mức lương cho nhân viên tùy nhiên nhìn chung giới hạn ở mức gấp 2 - 2,5 lần lương tối thiểu nói chung đối với cán bộ công chức nhà nước.

Nguồn vốn được phép thu đối với các đơn vị sự nghiệp có thu tương tự đối với các trường không phải là đơn vị sự nghiệp có thu. Nguồn thu này bao gồm học phí (từ học sinh/phụ huynh học sinh), bán các dịch vụ/sản phẩm, phí xây dựng trường học... chương trình thử nghiệm GD&ĐT trong Khung chi tiêu trung hạn do Ủy ban Châu Âu hỗ trợ được thực hiện ở 5 trường tiểu học.

2.5.2 Trái phiếu Giáo dục⁶

Kế hoạch ngân sách quốc gia cho năm tài khoá 2003 bao gồm phát hành trái phiếu giáo dục. Tổng giá trị trái phiếu phát hành lên tới 2,4 nghìn tỷ VNĐ trong năm 2003 và dự kiến trong năm 2004 sẽ phát hành một khối lượng trái phiếu có tổng mức thu tương đương. Nguồn vốn huy động được phân bổ cho các tỉnh nhằm cải thiện cơ sở vật chất trường học và tập trung xoá bỏ phòng học tạm thời ở các vùng khó khăn.

Năm tài khoá 2004, Chính phủ sẽ tiếp tục phát hành trái phiếu giáo dục nhằm huy động thêm 2,5 nghìn tỷ VNĐ để nâng cấp và xây dựng trường học, đặc biệt tập trung vào các trường ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa.

⁶ Theo Thời báo Sài Gòn (6/5/2003), Đầu tư (24/1/2003) và Việt Nam News (22/5/2003)

2.6 Cải thiện cơ sở vật chất hiện có

2.6.1 Hướng dẫn về xây dựng cơ sở vật chất đối với các vùng khó khăn

Trên 70% điểm trường ở các vùng khó khăn có cơ sở vật chất tạm thời được xây dựng từ những năm 1990 nhằm hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học. Kể từ năm 2000, hướng dẫn mới về xây dựng trường học cho các vùng khó khăn đã được xây dựng và đưa ra những yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở vật chất sử dụng lâu dài. 'Kế hoạch hành động EFA giai đoạn 2003-2015' sử dụng các hướng dẫn mới này. Những tài liệu hướng dẫn này được xây dựng trong dự án của WB về định nghĩa Mức chất lượng trường học tối thiểu (FSQL).

2.6.2 Cơ sở vật chất theo chuẩn Quốc gia

Bộ GD-ĐT chỉ thị chính quyền tỉnh tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất/trường học nhằm đảm bảo tăng số lượng trường học đạt chuẩn quốc gia. Hiện nay, có 2.266 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia - chiếm khoảng 15% tổng số trường tiểu học trên phạm vi cả nước. Kế hoạch hành động EFA 2003-2015 cũng tập trung vào nâng cao chất lượng cơ sở vật chất/trường học nhằm đảm bảo cung cấp thư viện, phòng thí nghiệm và các cơ sở vật chất hỗ trợ khác như trung tâm nguồn lực đào tạo giáo viên, trung tâm tin học và trung tâm thể thao.

2.6.3 Cải thiện cơ sở vật chất để thực hiện học 2 buổi/ngày

Khoảng gần 7.000 phòng học ở các trường tiểu học đã được xây dựng trong năm 2002-2003. Điều này dẫn đến làm giảm bớt tỷ lệ lớp học/phòng học, mặc dù học 2 buổi/ngày vẫn chưa được thực hiện rộng rãi trên phạm vi cả nước nhưng quản lý giáo dục ở các cấp địa phương đã có những cố gắng đồng bộ nhằm đạt được mục tiêu thực hiện học 2 buổi/ngày phù hợp với Kế hoạch hành động EFA 2003-2015. Tuy nhiên, vẫn cần sự hỗ trợ về tài chính của cấp chính quyền trung ương để đạt được mục tiêu này.

3

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2

3.1 Tổng quan các hoạt động

Giai đoạn 2 của Chương trình kéo dài từ tháng 11 năm 2002 đến cuối tháng 2 năm 2004. Các hoạt động được chia thành 2 kỳ theo năm tài khoá Nhật Bản - các hoạt động trong năm thứ 1 từ tháng 11 năm 2002 đến tháng 3 năm 2003; các hoạt động năm thứ 2 từ tháng 4 năm 2003 tới tháng 2 năm 2004. Các hoạt động cụ thể đã được thống nhất khi trình bày báo cáo khởi đầu với Ban QLCT ngay khi bắt đầu Giai đoạn 2 của Chương trình, và sau đó được chỉnh sửa trong Báo cáo đánh giá giữa kỳ (tháng 3 năm 2003).

Trong năm thứ 1, hoàn thành báo cáo về Chương trình hợp tác Nhật Bản đối với Việt Nam và một nghiên cứu về ngành giáo dục ở tỉnh Bắc Giang được trình bày trong báo cáo này. Đồng thời, tổ chức hội thảo tập huấn EPCB và hội thảo lập kế hoạch PEDP với sự tham gia của các cán bộ Sở/Phòng GD-ĐT và đại diện các trường ở 28 tỉnh trong tổng số 55 tỉnh còn lại nhằm cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh. Tiến hành thực hiện thử nghiệm đầu tiên về cập nhật các BAPI sử dụng thông tin từ tài liệu PEDP cập nhật của các tỉnh.

Hợp Phối hợp Nhà tài trợ được tổ chức vào ngày 22 tháng 1 để trình bày đề cương của tài liệu Hướng dẫn triển khai PEDP. Ngân hàng dữ liệu Giáo dục tiểu học được đề xuất xây dựng nhằm phổ biến và cập nhật thông tin về giáo dục tiểu học và chương trình PEDP.

Trong tháng 3, đánh giá giữa kỳ cho thấy việc chia sẻ thông tin dự án trong nội bộ Bộ GD-ĐT còn yếu. Vai trò của Ban QLCT với cơ chế tăng cường phối hợp dự án cần được làm rõ và đẩy mạnh. Ngoài ra, kế hoạch công việc đã được chỉnh sửa và các nhiệm vụ chưa hoàn thành cũng được đưa vào.

Trong năm thứ 2, hội thảo EPCB và hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh được tổ chức ở 27 tỉnh/thành. Giai đoạn thử nghiệm cập nhật các BAPI giai đoạn 2 và 3 bao gồm các tài liệu PEDP cấp tỉnh cập nhật và kiểm tra Bản dự thảo Hướng dẫn Triển khai PEDP đã được xây dựng trong tháng 3. Kể từ giữa tháng 11, Ban QLCT tiến hành cập nhật tài liệu PEDP quốc gia với sự hỗ trợ từ Nhóm Chương trình JICA. Tài liệu PEDP cấp quốc gia dự thảo được gửi tới các nhà tài trợ để lấy ý kiến đóng góp và được phê duyệt vào tháng 2 năm 2004.

Nhiệm vụ tiếp theo của Nhóm Chương trình JICA là cung cấp hỗ trợ đối với Ban QLCT có tham khảo ý kiến của các nhà tài trợ và phân tích Bảng thông tin về nhà tài trợ, trong đó cung cấp thông tin về hoạt động của các nhà tài trợ và các đầu vào. Cuối tháng 9/2003, hội thảo làm việc về PEDP được tổ chức nhằm thúc đẩy chia sẻ thông tin về tất cả các dự án trong Bộ GD-ĐT do thiếu sự phối hợp giữa các Ban quản lý dự án. Đại diện Ban QLCT của các dự án giáo dục tiểu học được mời tới dự nhằm trao đổi quan điểm và cung cấp thông tin về các chương trình mà họ

thực hiện và tìm hiểu thêm thông tin về chương trình PEDP.

Nội dung của Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học được chỉnh sửa và cập nhật liên tục và Ngân hàng dữ liệu được xây dựng sử dụng ngôn ngữ HTML để thuận lợi cho việc đưa lên mạng trong tương lai.

Nhóm Chương trình JICA đã xây dựng các tài liệu Hướng dẫn, báo cáo và tài liệu tập huấn sau:

- 1) Đề xuất về Hợp tác Nhật Bản trong Giáo dục Tiểu học Việt Nam (bản chính thức) đã được trình lên JICA và Bộ GD-ĐT
- 2) Hướng dẫn triển khai PEDP nhằm cung cấp công cụ tham khảo thiết thực về cập nhật và triển khai PEDP. Tài liệu Hướng dẫn đưa ra các chỉ dẫn và cơ cấu nhằm: 1. giám sát PEDP; 2. phối hợp các nhà tài trợ, và 3. cập nhật tài liệu PEDP
- 3) Tài liệu PEDP cấp tỉnh cập nhật - đánh giá nhu cầu
- 4) Tài liệu PEDP cấp quốc gia cập nhật
- 5) Ngân hàng dữ liệu về Giáo dục Tiểu học.

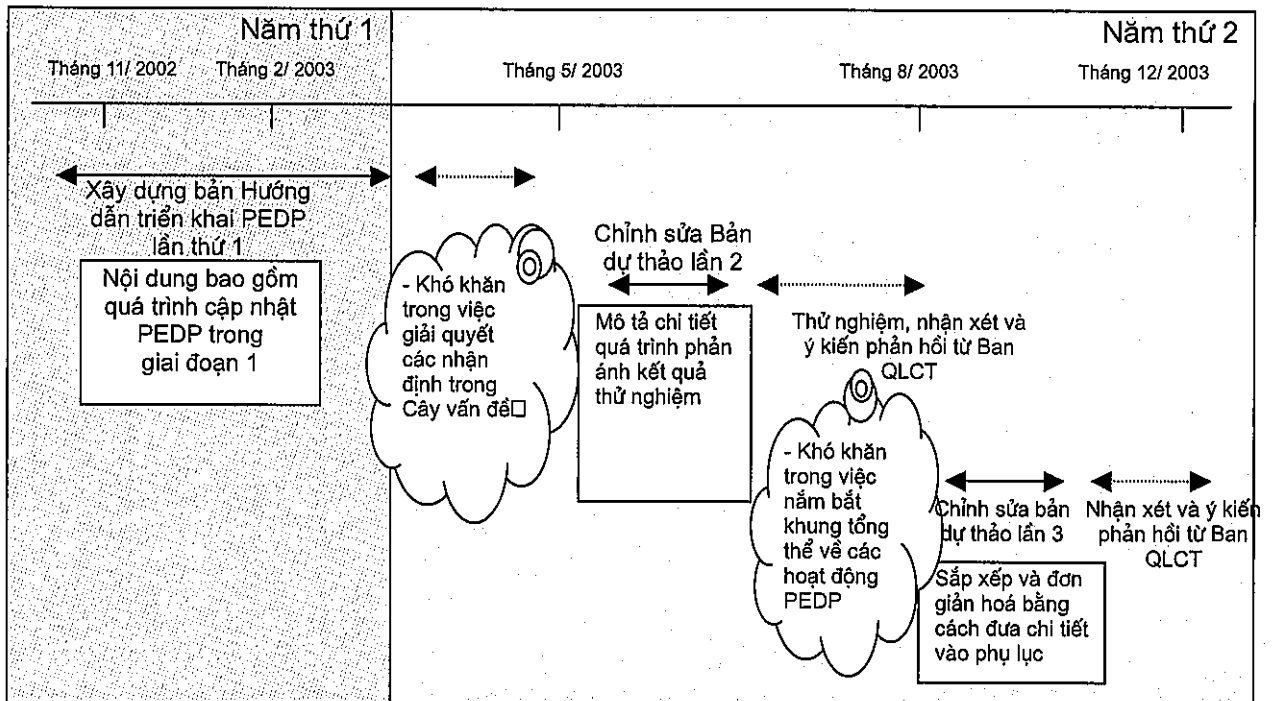
3.2 Triển khai PEDP

3.2.1 Quá trình xây dựng Hướng dẫn triển khai PEDP

(1) Thử nghiệm Hướng dẫn triển khai PEDP

Bản Hướng dẫn đầu tiên được xây dựng thông qua các cuộc họp Ban QLCT trong đó nhóm chuyên trách phụ trách mỗi lĩnh vực ưu tiên (PA) được thành lập để thảo luận các vấn đề cụ thể liên quan đến quá trình triển khai PEDP. Trong các cuộc thảo luận, đã xác định và phản ánh các bài học thu được từ quá trình xây dựng tài liệu PEDP cấp quốc gia trong giai đoạn 1 của Chương trình vào trong tài liệu Hướng dẫn triển khai PEDP. Vào cuối giai đoạn hỗ trợ trong tháng 2 năm 2003, báo cáo tóm tắt về quá trình cập nhật BAPI đã được trình bày với Nhóm chuyên trách PA. Sau đó, các đề xuất đã được đưa ra trong bản dự thảo Hướng dẫn cập nhật BAPI (Báo cáo Giữa kỳ trong tháng 3 năm 2003, Phụ lục 3). Kết quả phân tích bước đầu từ tài liệu PEDP cấp tỉnh của 13 tỉnh do Nhóm cập nhật BAPI thực hiện được gửi tới từng Nhóm chuyên trách PA. Các vấn đề cần được làm rõ trong giai đoạn thử nghiệm của quá trình cập nhật tháng 3 -tháng 4 năm 2003 cũng sẽ được gửi cho các nhóm chuyên trách. Trọng tâm chính của giai đoạn khởi đầu phân tích là chất lượng và ý nghĩa của dữ liệu định tính và xem xét xem có cần thiết phải điều chỉnh quá trình PEDP.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi từ quá trình thử nghiệm trên, tiến hành chỉnh sửa nội dung của Hướng dẫn nhằm làm rõ và đơn giản hoá quá trình phân tích. Hơn nữa, thông qua quá trình cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia trên thực tế, tiến hành chỉnh sửa Hướng dẫn triển khai. Phần dưới đây mô tả những thay đổi.



Bảng 3.2.1.1: Tóm tắt của Xây dựng/chỉnh sửa Hướng dẫn Triển khai

(2) Chính sửa nội dung tài liệu Hướng dẫn

Trong năm thứ 1 đã chính thức biên tập Bản Hướng dẫn triển khai PEDP (Bản thứ 1) và gửi tới Ban QLCT trong tháng 3 năm 2003 để lấy ý kiến đóng góp. Vào ngày 2 tháng 5 năm 2003, Nhóm cập nhật BAPI đã họp với các thành viên trong Ban QLCT và nhận ý kiến phản hồi để phản ánh và biên tập lần cuối cùng Bản Hướng dẫn triển khai PEDP bản thứ 1. Theo các thành viên của Ban QLCT, Bản Hướng dẫn lần 1 tương đối rõ ràng. Tuy nhiên, một số thành viên Ban QLCT cho biết có một số khó khăn trong việc kiểm tra các nhận định định tính trong Cây vấn đề, Ma trận vấn đề và Mô tả vấn đề trong tài liệu PEDP cấp tỉnh. Nhóm Chương trình kiểm tra lại Hướng dẫn triển khai và xác định một số vấn đề cần được chỉnh sửa/sửa đổi để nâng cao hơn nữa chất lượng tài liệu. Chính sửa tài liệu trong tháng 5 năm 2003 được tiến hành dựa trên kết quả thảo luận với Ban QLCT và việc xem xét lại tài liệu của Nhóm Chương trình. Vào cuối tháng 5 năm 2003, các phần sửa đổi trong tài liệu Hướng dẫn triển khai PEDP đã được chuyển cho thành viên các nhóm chuyên trách Ban QLCT. Các phần sửa đổi này được sử dụng và kiểm tra trong quá trình cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh (15 tỉnh) từ tháng 6 - tháng 8 năm 2003.

Vào đầu tháng 8 năm 2003, đã tổ chức họp thảo luận trong đó thành viên của các Nhóm Chuyên trách trình bày: (a) các vấn đề phát sinh đối với Hướng dẫn triển khai PEDP (b) cách thức sử dụng Hướng dẫn triển khai có hiệu quả nhất. Tuy nhiên, buổi thảo luận cho thấy thành viên của Ban QLCT chưa hiểu rõ khung tổng thể về quá trình cập nhật PEDP. Do vậy, các nhiệm vụ được sắp xếp và đơn giản hoá trong khi chi tiết các các nhiệm vụ được đưa vào phần phụ lục. Tháng 11/2003, bản chỉnh sửa (Bản thứ 3) của Hướng dẫn triển khai được gửi đến các thành viên Ban QLCT và trở thành bản tài liệu chính thức của Hướng dẫn Triển khai PEDP.

3.2.2 Quá trình cập nhật tài liệu PEDP cấp tỉnh

Nhóm Chương trình JICA và thành viên Ban QLCT đã tổ chức hai loại hình hội thảo tập huấn khác nhau nhưng có liên quan với nhau ở 55 tỉnh thành trên 6 vùng⁷. Đó là (i) Hội thảo tập huấn Nâng cao Năng lực Lập kế hoạch giáo dục và (ii) Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh⁸. Các cuộc hội thảo được tổ chức liên tục với phương pháp tiếp cận cùng tham gia, trước hết các cán bộ Sở GD-ĐT tiếp thu kiến thức và kỹ thuật từ các nghiên cứu viên trong nước tại Hội thảo EPCB và sau đó họ tổ chức hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh ở tỉnh mình, trong đó các cán bộ Sở đóng vai trò là cán bộ điều khiển hội thảo (Xem Hình 3.2.2.1 Vai trò khác nhau của các đại biểu trong từng hội thảo). Tổng cộng có 3 hội thảo EPCB và 55 hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh đã được tổ chức trong Giai đoạn 2 (xem Bảng 3.2.2.1 Tóm tắt 2 loại hình hội thảo). Chi tiết của quá trình trong mỗi hội thảo sẽ được giải thích ở phần tiếp theo.

⁷ Lưu ý các cuộc hội thảo đã được tổ chức ở 6 tỉnh đại diện cho 6 vùng trong giai đoạn 1.

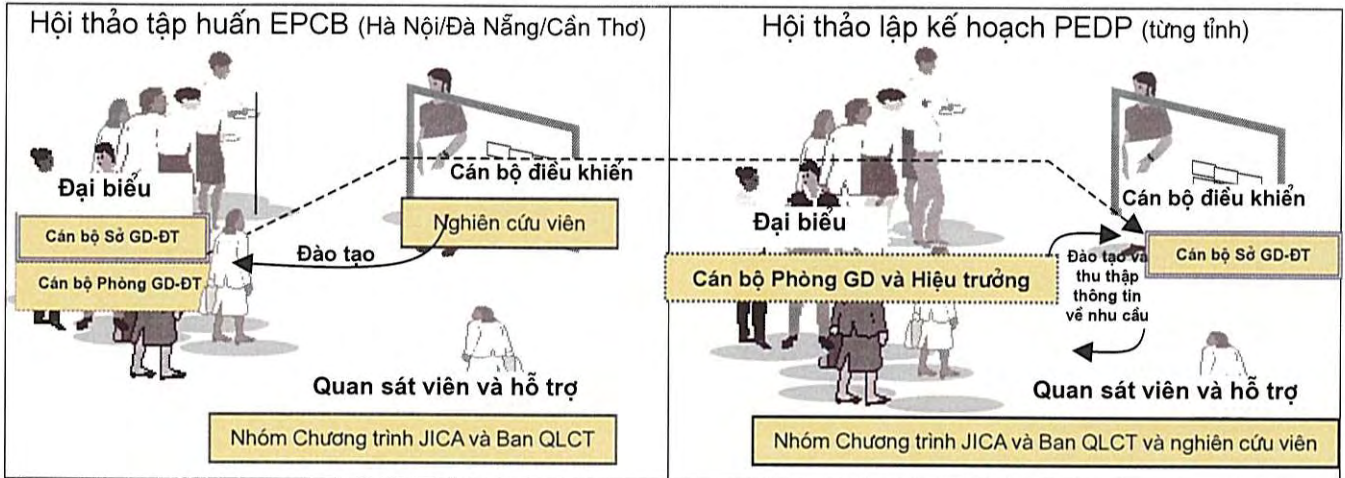
⁸ Khi bắt đầu thực hiện nghiên cứu, mục tiêu của Hội thảo tập huấn EPCB và hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh trong giai đoạn 2 đã được quyết định là tổ chức ở 55 tỉnh dựa trên kinh nghiệm của giai đoạn 1. Cơ sở lý luận: do đây là chương trình ngành nên tất cả các tỉnh ở Việt Nam nên được hưởng lợi từ chương trình.

Bảng 3.2.2.1: Tóm tắt về Hội thảo tập huấn EPCB và Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh

Năm	Vùng	Các tỉnh mục tiêu	Hội thảo tập huấn EPCB		Hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh	
			Ngày và Địa điểm	Số đại biểu	Ngày	Tổng số đại biểu
Giai đoạn 2 Năm thứ 1	Đông Nam (5 tỉnh)	Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu	Từ 28/ 11 đến 2/12 năm 2002 Tại Hà Nội	133	Từ 15 - 21 tháng 12 năm 2002	150
	Đồng bằng sông Hồng (8 tỉnh)	Hải Phòng, Hải Dương, Hà Tây, Hà Nội, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình			Từ 12-18 tháng 1 năm 2003	240
	Vùng núi phía Bắc (15 tỉnh)	Cao Bằng, Bắc Kạn, Hòa Bình, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Giang, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Sơn La, Lai Châu			Từ 9 - 22 tháng 2 năm 2003	450
Giai đoạn 2 Năm thứ 2	Duyên hải miền Trung (13 tỉnh)	Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi,	Từ 17/6 đến 21/6 năm 2003 Tại Đà Nẵng	76	Từ 7- 17 tháng 7 năm 2003	436
	Cao nguyên miền Trung (3 tỉnh)	Đắk Lắk,, Kon Tum, Lâm Đồng,				98
	Đồng bằng sông Cửu Long (11 tỉnh)	Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bắc Liêu, Cà Mau, An Giang, Kiên Giang	Từ 24/6 tới 28/6 năm 2003 Tại Cần Thơ	53	Từ 20 - 30 tháng 7 năm 2003	273
Tổng cộng	6 vùng	55 tỉnh	3 hội thảo tập huấn EPCB	262 đại biểu	55 hội thảo PEDP cấp tỉnh	1.647 đại biểu

Năm	2002		2003							
	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8
Hội thảo tập huấn EPCB		■						■		
Hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh (tỉnh)	■	■	■	■					■	■

Hội thảo EPCB lần 1 (tại Hà Nội: 28 tỉnh: Đồng bằng sông Hồng + Đông Nam + Vùng núi phía Bắc)
 Hội thảo EPCB lần 2 (Đà Nẵng: 16 tỉnh: Duyên hải miền Trung/khu vực miền núi)
 Hội thảo EPCB lần 3 (Cần Thơ: 11 tỉnh: khu vực đồng bằng sông Cửu Long)
 Hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh (tỉnh):
 Đông Nam (5 tỉnh)
 Đồng bằng sông Hồng (8 tỉnh)
 Vùng núi phía Bắc (15 tỉnh)
 Duyên hải miền Trung (13 tỉnh)
 Cao nguyên miền Trung (3 tỉnh)
 Đồng bằng sông Cửu Long (11 tỉnh)



Hình 3.2.2.1: Vai trò của các đại biểu trong từng Hội thảo

(3) Hội thảo tập huấn EPCB

Nhóm Chương trình JICA và Ban QLCT thảo luận và chỉnh sửa nội dung và phương pháp tiếp cận trong Hội thảo tập huấn EPCB nhằm nâng cao chất lượng nội dung hội thảo. Dưới đây là chi tiết cụ thể (xem Bảng 3.2.2.2 Tóm tắt Hội thảo tập huấn EPCB)

Bảng 3.2.2.2: Tóm tắt Hội thảo tập huấn EPCB

Mục tiêu	Lịch trình	Địa điểm	Đại biểu	Cán bộ điều khiển và tập huấn	Nội dung	Những thay đổi so với Giai đoạn trước/Năm
Hội thảo EPCB lần 1 (Năm thứ 1) - Xây dựng năng lực về lập kế hoạch và xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh - Tập huấn cho các đại biểu để có đủ năng lực đóng vai trò cán bộ điều khiển trong hội thảo PEDP được tổ chức sau đó ở các tỉnh.	28/11 đến 2/12 năm 2002 (5 ngày)	Hà Nội	- Tổng cộng 140 đại biểu được mời tham dự hội thảo và trên thực tế có 133 từ 28 tỉnh tham dự (5 đại biểu/tỉnh) - Các khu vực mục tiêu gồm: Đồng bằng sông Hồng (8 tỉnh) Đông Nam (5 tỉnh) và vùng núi phía Bắc (15 tỉnh)	- 6 nghiên cứu viên trong nước (4 nghiên cứu viên trong giai đoạn 1 và tuyển mới 2 nghiên cứu viên trong Giai đoạn 2) - Tập huấn 3 ngày cho các nghiên cứu viên được tổ chức từ 25-27 tháng 11 trước khi tổ chức hội thảo EPCB.	- Lập kế hoạch dự án Giáo dục sử dụng khung logic và phương pháp tiếp cận cùng tham gia. Nội dung chủ yếu gồm: - Lập kế hoạch dự án, Giám sát và đánh giá - Quan hệ giữa EFA và PEDP - Cách thức điều khiển và gợi mở để các đại biểu tích cực phát biểu ý kiến	So sánh với Giai đoạn 1 - Ít quan tâm tới kỹ năng thống kê giáo dục - Tập trung vào mối quan hệ logic, dẫn chứng định lượng/định tính nhằm hỗ trợ kế hoạch, giám sát và đánh giá dự án. - Bài giảng mới về "Giáo dục cho Mọi người" và mối quan hệ với PEDP cấp quốc gia/tỉnh
Hội thảo EPCB lần 2 (Năm thứ 2)	17-21 tháng 6 năm 2003 (5 ngày)	Đà Nẵng	Tổng cộng có 80 đại biểu được mời và trên thực tế có 76 đại biểu từ 16 tỉnh tham dự hội thảo (5 đại biểu/tỉnh) - Khu vực mục tiêu Cao nguyên miền Trung (3 tỉnh) Duyên hải miền Trung (13 tỉnh)	- 6 nghiên cứu viên trong nước (4 nghiên cứu viên từ Giai đoạn 1 và thay 2 nghiên cứu viên mới tuyển dụng) - Tập huấn 1 ngày (17 tháng 5) về kỹ năng điều khiển hội thảo được tổ chức cho các nghiên cứu viên và 3 ngày tập huấn cho các cán bộ nghiên cứu về hội thảo tập huấn EPCB tổ chức từ 3-5 tháng 6 trước khi Hội thảo EPCB được tổ chức.		1 - Chia thành hai đợt tập huấn EPCB đảm bảo số lượng đại biểu ít hơn và chia thành các nhóm - Tập trung hơn vào tập huấn kỹ năng điều khiển, - Tài liệu tập huấn chi tiết hơn, tổ chức hội thảo theo đề xuất, giải thích chi tiết hơn quan hệ nhân - quả.
Hội thảo EPCB lần 3 (Năm thứ 2)	24-28 tháng 6 năm 2003 (5 ngày)	Cần Thơ	Tổng cộng 55 đại biểu được mời và trên thực tế 53 đại biểu từ 11 tỉnh đến tham dự (5 đại biểu/tỉnh) - Khu vực mục tiêu Đồng bằng sông Cửu Long (11 tỉnh)			

(i) Mục tiêu

Các mục tiêu trong suốt Giai đoạn 2 bao gồm: (i) nâng cao năng lực lập kế hoạch Giáo dục và chuẩn bị hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh (ii) tập huấn đại biểu để đóng vai trò cán bộ điều khiển trong hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong năm thứ 2, Ban QLCT và Nhóm Chương trình JICA tập trung vào kỹ năng điều khiển và gợi mở cho các cán bộ điều khiển nhằm nâng cao chất lượng ý kiến phản hồi (các loại vấn đề, các lĩnh vực cần hỗ trợ...) từ các đại biểu tham dự hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh. Sự thay đổi trong trọng tâm hội thảo ảnh hưởng tới nội dung, phương pháp tiếp cận và các kết quả dự kiến.

(ii) Phương pháp tiếp cận

<Lịch trình>

Hội thảo trong Giai đoạn 2 kéo dài trong 5 ngày, tuy nhiên để đạt được hiệu quả cao trong tập huấn và tạo cơ hội cho các đại biểu được thực hành nhiều hơn, Ban QLCT và Nhóm Chương trình JICA quyết định chia số đại biểu tham dự Hội thảo tập huấn EPCB thành 2 nhóm. Bảng 3.2.2.3 và 3.2.2.4 cho biết lịch trình chi tiết của hội thảo tập huấn EPCB.

Bảng 3.2.2.3: Nội dung của Hội thảo tập huấn EPCB lần 1 (năm thứ 1 của Giai đoạn 2)

Đợt 1	28/11	29/11	30/11	1/12	2/12
Buổi sáng		- Lập kế hoạch dự án 1&2 (Cây vấn đề/ Ma trận vấn đề /Mô tả vấn đề)	- Lập kế hoạch EFA-Bộ GD-ĐT	- Lập kế hoạch dự án 4 (Bảng xác định nguồn lực/ Bảng chỉ số/Ma trận kế hoạch chỉnh sửa)	- Tổng kết
Buổi chiều	- Giới thiệu - Lập kế hoạch giáo dục 1&2 (Khái niệm cơ bản, chỉ số...)	- Lập kế hoạch dự án 2&3 (Cây mục tiêu)	- Lập kế hoạch dự án 4 (Ma trận kế hoạch)	- Lập kế hoạch dự án 5 (Giám sát và Đánh giá)	- Quá trình tổ chức hội thảo PEDP Bế mạc

Bảng 3.2.2.4: Nội dung hội thảo tập huấn EPCB lần 2/3 (năm thứ 2 trong Giai đoạn 2)

Đợt 2	17/6	18/6	19/6	20/6	21/6
Đợt 3	24/6	25/6	26/6	27/6	28/6
Buổi sáng	- Khai mạc - Giới thiệu	- Lập kế hoạch dự án 2 (Cây vấn đề)	- Phần thực hành kỹ năng điều khiển hội thảo	- Lập kế hoạch dự án 3 (Cây mục tiêu) - Lập kế hoạch dự án 4 (Bảng xác định nguồn lực / Bảng chỉ số /Ma trận kế hoạch chỉnh sửa)	- Quá trình tổ chức hội thảo PEDP - Tổng kết hội thảo EPCB
Buổi chiều	- Lập kế hoạch giáo dục 1&2 (Khái niệm cơ bản...) - Lập kế hoạch dự án 2	- Lập kế hoạch dự án 2 (Ma trận vấn đề/ Mô tả vấn đề)	- Phần thực hành kỹ năng điều khiển hội thảo (tiếp)	- Lập kế hoạch dự án 5 (Giám sát và đánh giá)	- Bế mạc

<Địa điểm>

Hội thảo tập huấn EPCB trong năm thứ 2 được tổ chức ở Hà Nội, Đà Nẵng, và Cần Thơ.

<Đại biểu>

Tổng cộng có 275 đại biểu (5 đại biểu/tỉnh) được mời tham dự tập huấn. Tiêu chuẩn lựa chọn không thay đổi trong suốt Giai đoạn 2 - Giám đốc Sở GD-ĐT, cán bộ từ các Phòng tiểu học và Phòng kế hoạch tài chính trong Sở GD-ĐT và cán bộ Phòng GD-ĐT huyện (xem bảng 3.2.2.2).

<Cán bộ điều khiển>

Trong năm thứ 1 của Giai đoạn 2, một nhóm gồm 6 các nghiên cứu viên trong nước đã điều khiển hội thảo tập huấn EPCB và giám sát Hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh. Đã tổ chức tập huấn một ngày cho các nghiên cứu viên trong nước về kỹ năng điều khiển hội thảo (ngày 17 tháng 5). Đào tạo tập huấn sau đó kéo dài 3 ngày cho các nghiên cứu viên (từ ngày 3 đến 5 tháng 6) trước khi tổ chức hội thảo tập huấn EPCB, trong đó bao gồm các nội dung khái quát về hội thảo EPCB, vai trò của cán bộ điều khiển và các thông tin chủ yếu cần được trình bày trong mỗi phiên họp và những thay đổi so với hội thảo tập huấn EPCB lần 1.

(iii) Nội dung

<Nội dung của các khoá đào tạo tập huấn>

Nội dung chính của các khóa tập huấn chính được giữ không thay đổi trong suốt quá trình nghiên cứu: chẳng hạn, phương pháp lập kế hoạch giáo dục, sử dụng khung logic và phương pháp tiếp cận cùng tham gia. Tập huấn trong Giai đoạn 2 bao gồm các nội dung về giám sát và đánh giá, mối quan hệ giữa PEDP và EFA và ít tập trung vào kỹ thuật thống kê giáo dục và các dẫn chứng định tính và định lượng vì nhìn chung các đại biểu đã quen với các kỹ năng thống kê giáo dục. Mặt khác, do khả năng xác định mối quan hệ giữa các vấn đề và sử dụng bao nhiêu nguồn lực để giải quyết các vấn đề này còn hạn chế.

Một số thay đổi so với hội thảo tập huấn EPCB lần 1, EPCB lần 2 và 3 được tổ chức như sau:

- √ Trong hội thảo tập huấn EPCB lần 1, bài giảng về “Giáo dục cho mọi người”, (EFA) do giảng viên từ UNESCO thực hiện. Trong Hội thảo tập huấn EPCB lần 2 và 3, bài giảng này do cán bộ chuyên trách trong Bộ GD-ĐT thực hiện.
- √ Trong Hội thảo tập huấn EPCB lần 2 và 3, thời gian phân bổ cho “Lập kế hoạch Giáo dục 1 & 2” và “Giám sát và Đánh giá” bị rút ngắn. Thay vào đó, dành toàn bộ 1 ngày để thực hành kỹ năng điều khiển hội thảo.

<Nội dung tài liệu tập huấn>

Các tài liệu sau được xây dựng bằng tiếng Anh và tiếng Việt có tham khảo ý kiến của các thành viên Ban QLCT.

- √ Tài liệu tập huấn EPCB
- √ Hướng dẫn xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh
- √ Phiếu điều tra câu hỏi dành cho các đại biểu

“Tài liệu Tập huấn EPCB” được chỉnh sửa sau Hội thảo tập huấn EPCB lần 1, (xem Bảng 3.2.2.5 Nội dung thay đổi cụ thể):

- √ Tăng cường tập trung vào đào tạo kỹ năng điều khiển hội thảo.
- √ Trong “Lập kế hoạch Giáo dục 1”, sự khác nhau giữa “kế hoạch” và “lập kế hoạch” được đưa vào các cột để cung cấp thông tin cho các đại biểu.
- √ Trong “Lập kế hoạch Dự án 1”, phần minh họa hội thảo được đặt lại tên là “Hội thảo Lập kế hoạch PEDP”, và chức vụ các đại biểu được đưa vào để đại biểu hiểu rõ hơn hội thảo lập kế hoạch PEDP trên thực tế.
- √ Các đề xuất khi tổ chức hội thảo (sắp xếp bàn ghế...) được thay đổi nhằm đảm bảo môi trường thuận lợi hơn cho hội thảo.
- √ Bổ sung phần hướng dẫn về các hoạt động tạo không khí sôi nổi⁹ trong hội thảo.
- √ Trong “Lập kế hoạch dự án 2”, xác định rõ ràng vấn đề trọng điểm. Trong hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh năm thứ 1 của Giai đoạn 2, nhiều tỉnh đã lựa chọn vấn đề “Chất lượng giáo dục còn thấp” làm vấn đề trọng điểm nhưng trong năm thứ 2 của Giai đoạn 2, vấn đề này được giải thích là “quá rộng” và cho rằng các tỉnh nên đưa ra vấn đề trọng điểm chi tiết hơn.
- √ Thêm phần giải thích chi tiết hơn về “mối quan hệ nguyên nhân - kết quả” trong cây vấn đề.
- √ Trong “Lập kế hoạch dự án 5”, thêm sơ đồ so sánh giữa giám sát và đánh giá.
- √ Thay đổi nhỏ trong phần tổng kết nhằm tạo điều kiện cho các nhóm phản ánh ý kiến khi kết thúc hội thảo.

⁹ Các hoạt động tạo không khí sôi nổi có thể là trò chơi, văn nghệ,... để đại biểu thấy thoải mái và tích cực tham gia phát biểu ý kiến

Bảng 3.2.2.5: So sánh nội dung “Tài liệu tập huấn EPCB”

Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
<p>MỞ ĐẦU 1.Chương trình Phát triển Giáo dục Tiểu học 2.Phiếu điều tra câu hỏi sau hội thảo dành cho cán bộ Sở GD-ĐT từ Bộ GD-ĐT</p>	<p>MỞ ĐẦU 1.Tập huấn EPCB 2.Chương trình Phát triển Giáo dục Tiểu học</p>
<p>GIỚI THIỆU 1 1. PEDP là gì? 2.Bố cục tài liệu PEDP cấp quốc gia? 3.Cách thức xây dựng Tài liệu PEDP cấp quốc gia? 4.Phối hợp nhà tài trợ trong PEDP? GIỚI THIỆU 2 1.Hội thảo Đánh giá nhu cầu 2.Mục tiêu quốc gia</p>	<p>GIỚI THIỆU 1. PEDP là gì? 2.Bố cục Tài liệu PEDP cấp quốc gia? 3.Bố cục Tài liệu PEDP cấp tỉnh? 4.Cách thức PEDP cấp tỉnh và cấp quốc gia phối hợp với nhau? 5.Cách thức phối hợp PEDP cấp quốc gia chỉnh sửa? 6.Cách thức phối hợp PEDP cấp quốc gia và lập kế hoạch EFA - Bộ GD-ĐT?</p>
	<p>LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN 1. Giới thiệu 2. Các chỉ số được dùng trong kế hoạch hàng năm LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC 2: QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC 1. Các nội dung chủ yếu trong Lập kế hoạch Giáo dục 2. Quá trình Lập kế hoạch dự án Chuyên đề: Tổng quan về Lập kế hoạch EFA - Bộ GD-ĐT</p>
<p>QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CÁC BƯỚC CHÍNH TRONG ĐÁNH GIÁ NHU CẦU BƯỚC 1 – CHUẨN BỊ BƯỚC 2 – PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ 2.1 Tham gia phân tích 2.2 Xác định Vấn đề Trọng điểm 2.3 Xây dựng Cây vấn đề 2.4 Ma trận vấn đề</p>	<p>LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN 1: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CÙNG THAM GIA 1.Hội thảo Đánh giá Nhu cầu thông qua phương pháp tiếp cận cùng tham gia 2. Mục tiêu Quốc gia LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ NHU CẦU 1.Quá trình Đánh giá Nhu cầu 1.1.Các bước chính trong Đánh giá Nhu cầu Bước 1: Chuẩn bị Bước 2: Thực hiện Phân tích vấn đề 2.1 Thực hiện Phương pháp cùng tham gia phân tích 2.2 Xác định vấn đề trọng điểm 2.3 Xây dựng Cây vấn đề 2.4 Xây dựng Ma trận vấn đề 2.5 Tóm tắt vào Mô tả vấn đề và Đưa ra Dữ liệu dẫn chứng</p>
<p>BƯỚC 3 – XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH 1. Phân tích mục tiêu 2. Ma trận Kế hoạch 2.1 Thông tin tiêu đề 2.2 Xác định Mục đích Chương trình 2.3 Xác định Đầu ra 2.4 Xác định các Hoạt động 2.5 Xác định Nguồn lực 2.6 Xác định Đầu vào 2.7 Xác định Chỉ số đánh giá</p>	<p>LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN 3: PHÂN TÍCH MỤC TIÊU 1. Thực hiện phân tích mục tiêu LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN 4: ĐẶT MỤC TIÊU VÀ XÂY DỰNG DỰ ÁN 1 Xây dựng Ma trận Kế hoạch 1.1 Điền thông tin tiêu đề 1.2 Mô tả Mục đích Chương trình 1.3 Xác định đầu ra 2. Xác định các hoạt động 2.1 Xác định nguồn lực 2.2 Xác định đầu vào 2.3 Xác định các chỉ số đánh giá</p>
	<p>LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN 5: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ 1. Tổng quan về Giám sát và Đánh giá 1.1 Giới thiệu 1.2 Định nghĩa 1.3 Mục đích 1.4 Trọng tâm và người thực hiện 2. Giám sát 2.1 Quá trình Giám sát cơ bản 2.2 Các vấn đề Giám sát 3. Đánh giá 3.1 Mô hình đánh giá 3.2 Quá trình đánh giá cơ bản TÓM TẮT</p>

(2) Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh

Quá trình và nội dung Hội thảo lập kế hoạch PEDP được mô tả như sau (xem tóm tắt hội thảo trong Bảng 3.2.2.6).

(i) Mục tiêu

Mục tiêu của hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh không thay đổi trong suốt Giai đoạn 2, bao gồm các mục tiêu: (a) tạo cơ hội cho các tỉnh xây dựng tài liệu PEDP thông qua phương pháp tiếp cận cùng tham gia; và b) đào tạo cán bộ giáo dục trong quá trình lập kế hoạch giáo dục nhằm đảm bảo đạt được các kỹ năng cần thiết để xây dựng bộ tài liệu PEDP cấp tỉnh thông qua sử dụng phương pháp tiếp cận cùng tham gia sau khi hoàn thành dự án. Giám sát Hội thảo PEDP do các nghiên cứu viên thực hiện ở tất cả các tỉnh nhằm đảm bảo chất lượng tài liệu PEDP cấp tỉnh cũng như thu thập các thông tin và phản hồi về việc nâng cao chất lượng các hội thảo trong tương lai.

Bảng 3.2.2.6: Tóm tắt Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh

PEDP	Lịch trình	Số tỉnh tổ chức hội thảo*	Tổng số đại biểu	Mục tiêu	Địa điểm	Cán bộ điều khiển	Đại biểu	Nội dung	Những thay đổi so với Giai đoạn/Năm trước		
Hội thảo PEDP lần 1	Tháng 12/2002	5 (3)	150	- Tạo cơ hội để các tỉnh xây dựng chương trình PEDP - Tập huấn cho các đại biểu về quá trình lập kế hoạch giáo dục	Cán bộ Sở GD-ĐT ở mỗi tỉnh có thể tự lựa chọn	Cán bộ Sở GD-ĐT đã tham dự hội thảo tập huấn EPCB	30 đại biểu/tỉnh - Cán bộ Sở GD-ĐT - Cán bộ Phòng GD-ĐT - Hiệu trưởng	Hội thảo tập trung vào các phần sau: - Phân tích thực trạng - Cây Vấn đề - Ma trận Vấn đề - Mô tả Vấn đề - Số liệu giáo dục - Các vấn đề chính đưa ra trong Ma trận Vấn đề	So với Giai đoạn 1 - Chính sửa hướng dẫn xây dựng PEDP - Tổ chức phỏng vấn các cán bộ Sở GD-ĐT ở các tỉnh có tài liệu PEDP cấp tỉnh kèm chất lượng trong Giai đoạn 1		
Hội thảo PEDP lần 2	Tháng 1/2003	8 (4)	240				Hội thảo PEDP lần 3	Tháng 2/2003	15 (3)	450	So với năm thứ 1 trong Giai đoạn 2 - Thay đổi số đại biểu ở mỗi tỉnh và lựa chọn từ các chức vụ khác nhau - Xây dựng tài liệu tóm tắt - Bổ "Các vấn đề chính đưa ra trong Ma trận Vấn đề" - Sửa đổi Bảng số liệu trong tài liệu PEDP cấp tỉnh để đơn giản hóa.
Hội thảo PEDP lần 4 và 5	Tháng 7/2003	3 (0)	98								
Hội thảo PEDP lần 6		11(1)	273								

* Số ở trong ngoặc là số tỉnh có các đại diện của Nhóm chương trình JICA tham dự Hội thảo

(ii) Phương pháp tiếp cận

<Lịch trình>

Sau hội thảo tập huấn EPCB, tiến hành tổ chức một loạt các hội thảo lập kế hoạch PEDP ở 55 tỉnh trong Giai đoạn 2. Chi tiết lịch trình được nêu trong Bảng 3.2.2.7. Cần lưu ý rằng thành viên của Ban QLCT và các nghiên cứu viên trong nước đã tham dự hội thảo ở 55 tỉnh. Mỗi nhóm gồm ít nhất 1 thành viên Ban QLCT và 1 nghiên cứu viên trong nước.

Bảng 3.2.2.7: Lịch trình Hội thảo lập kế hoạch PEDP ở 55 tỉnh (Giai đoạn 2)

Năm		Ngày	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Nhóm D	Nhóm E	Nhóm F
2002 (năm thứ 1)	Hội thảo PEDP lần 1	13,14/12	Bình Phước	Đồng Nai	Bà Rịa-Vũng Tàu			
		16,17/12	Tây Ninh	Bình Dương				
2003 (năm thứ 1)	Hội thảo PEDP lần 2	13,14/1	Hải Phòng	Hà Tây	Hưng Yên	Hà Nam		
		16,17/1	Hải Dương	Hà Nội	Thái Bình	Ninh Bình		
	Hội thảo PEDP lần 3	10,11/2	Cao Bằng	Quảng Ninh	Hà Giang	Lào Cai	Thái Nguyên	Sơn La
		13,14/2	Bắc Kạn	Lạng Sơn	Tuyên Quang	Yên Bái	Vĩnh Phúc	Lai Châu
		17, 18/2			Bắc Giang	Bắc Ninh		
		20, 21/2	Hòa Bình					
2003 (năm thứ 2)	Hội thảo PEDP lần 4 và 5	3,4/7	Bình Định	Ninh Thuận	Thanh Hóa	Hà Tĩnh		Quảng Nam
		5,6/7	Phú Yên					
		7,8/7		Khánh Hòa	Nghệ An	Quảng Bình		Quảng Ngãi
		8, 9/7	Đắk Lắk					
		10,11/7		Lâm Đồng			Đà Nẵng	Kon Tum
		13,14/7					Quảng Trị	
		15,16/7					Huế	
	Hội thảo PEDP lần 6	21,22/7	Long An	Vĩnh Long	Sóc Trăng	Kiên Giang		
24,25/7	Tiền Giang	Trà Vinh	Bạc Liêu	An Giang				
28,29/7	Bến Tre	Cần Thơ	Cà Mau					

Ghi chú: Hội thảo PEDP lần 4 và 5 được tổ chức cùng một đợt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hậu cần

Nhóm Chương trình JICA đã tham dự hội thảo ở 12 tỉnh (10 tỉnh trong năm thứ 1 và 2 tỉnh trong năm thứ 2) cùng với thành viên Ban QLCT và nghiên cứu viên nhằm giám sát hội thảo (các tỉnh mà Nhóm Chương trình đã tham dự hội thảo được in chữ đậm trong Bảng trên). Trong năm thứ 1, Nhóm Chương trình JICA giám sát kết quả thu được ở 9 tỉnh lựa chọn mà trong giai đoạn 1 không đệ trình tài liệu PEDP cấp tỉnh hoặc tài liệu đệ trình có chất lượng thấp. Ngoài ra, Ông Trịnh Quốc Thái, Quyền Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học - Bộ GD-ĐT, cùng thành viên Nhóm Chương trình JICA và nghiên cứu viên tham dự hội thảo lập kế hoạch PEDP ở tỉnh Bắc Giang nhằm giám sát hội thảo. Tuy nhiên, trong năm thứ 2, Nhóm Chương trình JICA đã quyết định tham dự hội thảo ở 2 tỉnh vì tài liệu PEDP cấp tỉnh của các tỉnh mục tiêu có chất lượng cao hơn tài liệu xây dựng trong năm thứ nhất. Cũng cần phải tạo cơ hội cho các thành viên Ban QLCT và nghiên cứu viên trong nước giám sát quá trình tổ chức hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh. Do vậy, Nhóm Chương trình JICA quyết định tới tham dự hội thảo ở các tỉnh cùng các nghiên cứu viên mới nhằm đảm bảo giám sát toàn bộ hội thảo một cách hiệu quả.

<Đại biểu>

Trong năm thứ 1, 30 đại biểu tham dự trong hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh. Các đại biểu được lựa chọn từ các cán bộ Sở GD-ĐT trong tỉnh, cán bộ Phòng GD-ĐT từ các huyện và hiệu trưởng các trường tiểu học.

Có ý kiến đề xuất rằng các bên liên quan nên được mời tham dự nhằm đảm bảo kết quả của hội thảo lập kế hoạch PEDP. Vì vậy, trong năm thứ 2, thành phần đại biểu gồm có:

- √ 5 cán bộ Sở GD-ĐT
- √ 2 cán bộ từ Trường sư phạm
- √ 1 cán bộ Phòng GD-ĐT từ mỗi huyện trong tỉnh
- √ 1 hiệu trưởng trường tiểu học từ mỗi huyện trong tỉnh

Tuy nhiên, đối với các tỉnh có số đại biểu lớn sẽ áp dụng ngoại lệ. Đối với Đắk Lắk và Nghệ An, số cán bộ Sở GD-ĐT được mời được nâng lên 6 và đối với Thanh Hoá số cán bộ Sở GD-ĐT được mời là 7 để đảm bảo Sở GD-ĐT có thể chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh. Do mỗi tỉnh có số huyện khác nhau nên tổng số đại biểu cũng thay đổi dao động từ 20 tới 60. Trong hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh ở năm thứ nhất và thứ 2 của Giai đoạn 2, đại biểu được chia thành những nhóm nhỏ để thảo luận.

<Cán bộ điều khiển>

Trong Giai đoạn 2, các cán bộ Sở GD-ĐT đã tham dự hội thảo tập huấn EPCB thực hiện nhiệm vụ điều khiển Hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh.

(iii) Nội dung

Trong hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh trong Giai đoạn 2, phân tích thực trạng, cây vấn đề, ma trận vấn đề và mô tả vấn đề được xây dựng thông qua phương pháp tiếp cận cùng tham gia. Kết thúc hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh, mỗi tỉnh phải đệ trình tài liệu PEDP cấp tỉnh. Lịch trình cụ thể và nội dung của hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh trong năm thứ 2 được chỉ ra trong bảng dưới đây. Các cán bộ Sở GD-ĐT tham dự hội thảo EPCB tiến hành tổ chức hội thảo theo “Hướng dẫn xây dựng PEDP”; lựa chọn và mời đại biểu tham dự, sắp xếp địa điểm và điều hành hội thảo với vai trò là cán bộ điều khiển và cuối cùng là hoàn thành việc xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh.

Bảng 3.2.2.8: Nội dung các hoạt động cho công tác tổ chức Hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh (Giai đoạn 2)

	Ngày 1	Ngày 2
Sáng	Giới thiệu Phân tích thực trạng Xây dựng Cây vấn đề	Xây dựng Cây vấn đề Xây dựng Ma trận vấn đề
Chiều	Xây dựng Cây vấn đề (tiếp)	Xây dựng Mô tả vấn đề Kết thúc hội thảo

Nhóm Chương trình JICA, thành viên Ban QLCT và nghiên cứu viên giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức hội thảo và đảm bảo chất lượng kết quả đầu ra. Ngoài ra, Nhóm Chương trình JICA giám sát chặt chẽ chất lượng tổ chức và quản lý chung và các kết quả hội thảo nhằm nâng cao chất lượng hội thảo EPCB và hội thảo lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh trong tương lai. Hơn nữa, Nhóm Chương trình JICA hỗ trợ việc xác định các vấn đề mà nghiên cứu viên gặp khó khăn. Chẳng hạn, “thiếu nguồn lực” thường được nêu là một vấn đề, tuy nhiên vấn đề đặt ra thường không nêu rõ cách thức sử dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả. Thêm vào đó, trong suốt quá trình thảo luận, thành viên Nhóm Chương trình JICA đôi khi đưa ra một số ví dụ về hệ thống giáo dục Nhật Bản, các vấn đề tồn tại và giải pháp đối với các vấn đề đó nhằm giúp các đại biểu hiểu rộng hơn.

Có một số thay đổi giữa năm thứ 1 và năm thứ 2 trong Giai đoạn 2. Trước hết, trong năm thứ 2, Sở GD-ĐT không phải đưa ra “các vấn đề chính” vì một số tỉnh gặp khó khăn trong việc chỉ ra các vấn đề chính và quá trình này gây trì hoãn cho việc đệ trình tài liệu PEDP cấp tỉnh. Thứ hai, trong năm thứ 2 tiến hành xây dựng một tài liệu mới. Ở năm thứ 1, tài liệu sử dụng trong Hội thảo tập huấn EPCB (“Tài liệu tập huấn EPCB”) được sử dụng làm tài liệu tham khảo cùng với Hướng dẫn xây dựng PEDP cấp tỉnh. Tuy nhiên, đại biểu tham dự hội thảo PEDP gặp khó khăn trong việc sử dụng tài liệu với quá nhiều nội dung này. Do đó, Nhóm Chương trình đã xây dựng “Tài liệu Hội thảo lập kế hoạch PEDP” với nội dung chủ yếu trích dẫn từ “Tài liệu tập huấn EPCB” để dễ tham khảo. Thứ ba, tiến hành phỏng vấn các cán bộ Sở GD-ĐT trong năm thứ nhất nhằm đánh giá cách thức xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh đã tiến hành trước đó trong Giai đoạn 1. Câu hỏi đặt ra gồm: bao nhiêu cán bộ tham gia vào quá trình xây dựng PEDP, quá trình xây dựng tài liệu diễn ra bao lâu và các tỉnh có gặp khó khăn trong quá trình xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh không? Cuối cùng, trong năm thứ 2, thành viên Ban QLCT và Nhóm Chương trình JICA thảo luận và quyết định xây dựng Bảng thu thập số liệu trong tài liệu PEDP cấp tỉnh đơn giản hơn để tạo thuận lợi cho các cán bộ Sở GD-ĐT trong việc thu thập.

Bảng 3.2.2.9: Danh mục các tài liệu chuẩn bị cho Hội thảo

Tên tài liệu	Đối tượng sử dụng	Nội dung
Hướng dẫn Hội thảo Tập huấn Nâng cao năng lực lập kế hoạch giáo dục	- Các đại biểu tham dự Hội thảo Tập huấn Nâng cao năng lực lập kế hoạch giáo dục (cán bộ Sở GD-ĐT)	- Cơ sở của Lập kế hoạch giáo dục - Chu trình dự án trong giáo dục - Tiếp cận cùng tham gia và Logic - Khung chương trình
Hướng dẫn Hội thảo PEDP cấp tỉnh	- Các đại biểu Hội thảo PEDP cấp tỉnh (cán bộ Sở GD-ĐT, cán bộ Phòng GD-ĐT DOET và hiệu trưởng các trường)	- Tóm tắt Hướng dẫn Hội thảo Tập huấn Nâng cao năng lực lập kế hoạch giáo dục
Hướng dẫn PEDP cấp tỉnh	- Các cán bộ Sở GD-ĐT những người tổ chức hội thảo PEDP cấp tỉnh	- Quy trình tổ chức hội thảo Lập kế hoạch PEDP cấp tỉnh

3.2.3 Quá trình thiết lập cơ chế phối hợp nhà tài trợ

Kết thúc giai đoạn 1 của Chương trình PEDP, cách thức phối hợp các nhà tài trợ trong khung Chương trình PEDP vẫn chưa được định hình rõ rệt. Phối hợp giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ cũng như giữa các nhà tài trợ là phần chính trong quá trình thực hiện PEDP vì Chương trình PEDP nhằm cung cấp khung tổng thể chung về giáo dục tiểu học trên phạm vi cả nước. Vì

vậy, Nhóm Chương trình JICA đã hỗ trợ Ban QLCT xây dựng quá trình (5 bước) nhằm phối hợp nhà tài trợ và chuyển giao cho Ban QLCT.

(1) Nâng cao nhận thức

Bước đầu, nhóm Chương trình JICA đã giúp nâng cao nhận thức của các thành viên trong Ban QLCT về nhu cầu phối hợp các nhà tài trợ bằng cách tổ chức nhiều cuộc họp - họp trừ bị các nhà tài trợ, họp nhóm các nhà tài trợ và tham khảo ý kiến với từng nhà tài trợ. Tiếp theo là đánh giá sau cuộc họp về nội dung và vấn đề thảo luận với các nhà tài trợ.

Họp nhóm các nhà tài trợ

Tổ chức họp nhóm các nhà tài trợ (họp trừ bị nhà tài trợ và họp nhà tài trợ). Bảng 3.2.3.1 tổng hợp nội dung họp và danh sách các đại biểu.

Bảng 3.2.3.1: Đại biểu và Nội dung của các cuộc họp Nhà tài trợ

	Đại biểu	Nội dung
Họp trừ bị Nhà tài trợ (17/1/ 2003)	<ul style="list-style-type: none"> • Ông Trịnh Quốc Thái, Trưởng Ban QLCT chủ trì • Đại diện của 4 nhà tài trợ lớn được mời trình bày tại Họp nhà tài trợ (UNESCO, UNICEF, WB, Dự án Hỗ trợ Bộ GD-ĐT (EU)¹⁰) tham dự 	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày về các mong đợi/dự kiến của Bộ GD-ĐT đối với các nhà tài trợ tham dự cuộc Họp Nhà tài trợ • Các nhà tài trợ được mời trình bày tóm tắt về các hoạt động hỗ trợ trong giáo dục tiểu học của mình
Họp Nhà tài trợ (22/1/2003)	<ul style="list-style-type: none"> • Ông Lê Vũ Hùng, Thứ trưởng Bộ GD-ĐT • Đại diện của 22 nhà tài trợ • Cán bộ Bộ GD-ĐT từ các Vụ liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày của Bộ GD-ĐT về tiến độ và kế hoạch trước mắt của Chương trình PEDP • Trình bày của 5 nhà tài trợ chính về các hoạt động hỗ trợ giáo dục tiểu học

Trên cơ sở xem xét tầm quan trọng của việc nhận thức về sự phối hợp nhà tài trợ và đóng góp của họ đối với việc thực hiện thành công Chương trình PEDP cũng như tăng cường chia sẻ thông tin giữa Bộ GD-ĐT với nhà tài trợ và giữa các nhà tài trợ, Bộ GD-ĐT quyết định mời 5 nhà tài trợ chính tham gia hỗ trợ tích cực cho giáo dục tiểu học ở Việt Nam đến tham dự và trình bày về các hoạt động tham gia hỗ trợ giáo dục tiểu học của họ. Có 5 nhà tài trợ được lựa chọn gồm: UNESCO, UNICEF, WB, Ủy ban Châu Âu, và Tổ chức cứu trợ trẻ em của Anh.

Họp trừ bị Nhà tài trợ được tổ chức ngày 17 tháng 1 năm 2003 tại Bộ GD-ĐT (nửa ngày). Mục tiêu chính của cuộc họp là thông báo cho các nhà tài trợ biết về mong đợi của Bộ GD-ĐT đối với phần trình bày của nhà tài trợ tại phiên Họp Nhà tài trợ và nhằm trao đổi quan điểm về cách thức thúc đẩy PEDP trong hỗ trợ cho Giáo dục tiểu học ở Việt Nam.

Trong quá trình thảo luận tại cuộc họp trừ bị Nhà tài trợ, các nhà tài trợ tham dự nêu một số câu hỏi về cách thức Bộ GD-ĐT phối hợp nhà tài trợ trong quá trình thực hiện PEDP và các chương trình giáo dục khác. Mặc dù những câu hỏi này không nhằm nhận được các câu trả lời ngay nhưng mở ra vấn đề cần thảo luận giữa Bộ GD-ĐT và các nhà tài trợ về cách thức thúc

¹⁰ Trong số 5 nhà tài trợ chính họp trừ bị Nhà tài trợ, đại biểu của Tổ chức cứu trợ trẻ em của Anh không thể tham dự vì bận đi công tác.

đẩy phối hợp hiệu quả và hiểu được những trăn trở của các nhà tài trợ trong Họp Nhà tài trợ. Vì vậy, sau khi Họp trừ bị nhà tài trợ, Ban QLCT với sự hỗ trợ từ Nhóm Chương trình JICA chuẩn bị các câu trả lời trước các vấn đề đặt ra.

Nội dung Họp Nhà tài trợ

- √ Phát biểu khai mạc- Ông Lê Vũ Hùng, Thứ trưởng Bộ GD-ĐT, chủ trì phiên họp
- √ Trình bày của Bộ GD-ĐT: Tiến độ và Kế hoạch trước mắt của Chương trình PEDP
 - Cập nhật PEDP
 - Trình bày Hướng dẫn Triển khai PEDP (dự thảo)
 - Trình bày Ngân hàng dữ liệu về Giáo dục Tiểu học
- √ Trình bày của các nhà tài trợ về các hoạt động Hỗ trợ Giáo dục tiểu học
 - Dự án Giáo dục tiểu học Bạn hữu trẻ em của UNICEF
 - WB: Hỗ trợ Giáo dục tiểu học từ Nhóm Ngân hàng Thế giới
 - Ủy ban Châu Âu: Dự án hỗ trợ Bộ GD-ĐT
 - UNESCO: Hỗ trợ của UNESCO trong lĩnh vực Giáo dục
 - Tổ chức Cứu trợ trẻ em của Anh: Dự án Giáo dục cho trẻ dân tộc
- √ Bế mạc - Ông Lê Vũ Hùng, Thứ trưởng Bộ GD-ĐT

Ngân hàng thế giới đặt ra một số vấn đề tại Họp trừ bị Nhà tài trợ về cách thức Bộ GD-ĐT và nhà tài trợ dự kiến xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả cho lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam. Trước các vấn đề đặt ra, Ông Lê Vũ Hùng, Chủ tọa phiên Họp, khẳng định Bộ GD-ĐT sẵn sàng thúc đẩy vai trò phối hợp của Bộ GD-ĐT và nhấn mạnh rằng Chương trình PEDP sẽ tạo cơ sở để phối hợp nhà tài trợ và Bộ GD-ĐT chủ định mở rộng các phân ngành giáo dục nào.

Tham khảo ý kiến với các nhà tài trợ

Ngoài các cuộc họp chung với các nhà tài trợ, Ban QLCT tổ chức họp với từng nhà tài trợ trong tổng số 20 nhà tài trợ. Danh sách nhà tài trợ và biên bản Họp được chỉ ra trong Phụ lục 2.

Trước hết, Ban QLCT tập trung vào làm rõ các vấn đề và nội dung thúc đẩy PEDP và cập nhật các thông tin về dự án do các nhà tài trợ hỗ trợ.

Sau một số cuộc họp với các nhà tài trợ, nội dung và tài liệu trình bày được chuẩn bị đầy đủ thông qua thảo luận với Ban QLCT. Đồng thời, Bà Hồng Hạnh thành viên Ban QLCT được bổ nhiệm làm cán bộ thường trực giữ liên lạc với các nhà tài trợ. Việc bổ nhiệm này đã thúc đẩy các cố gắng phối hợp của Bộ GD-ĐT trong các cuộc họp đánh giá sau khi tổ chức họp các nhà tài trợ với Ban QLCT.

Các cuộc họp riêng với từng nhà tài trợ được thực hiện vào 2 đợt trong tháng 5, 6 và 7 năm 2003¹¹. Đợt họp đầu tiên được tổ chức với 4 mục tiêu sau:

¹¹ Tổ chức các cuộc họp bất thường để theo kịp môi trường Giáo dục Tiểu học Việt Nam hiện đang thay đổi nhanh. Số các nhà tài trợ mà Ban QLCT đã liên hệ đang ngày càng gia tăng.

- ✓ Tăng cường hiểu biết về PEDP trong các nhà tài trợ
- ✓ Cập nhật thông tin về các hoạt động của nhà tài trợ nhằm tổng hợp số liệu cơ bản về nhà tài trợ;
- ✓ Tăng cường nhận thức của Ban QLCT về phối hợp nhà tài trợ
- ✓ Xác định các vấn đề mà Ban QLCT cần phối hợp giữa các nhà tài trợ
- ✓ Sau cuộc họp, Ban QLCT và Nhóm Chương trình JICA nắm bắt được tiến độ đã được thực hiện và nhận thấy còn một số vấn đề cần phải xem xét để đạt được các mục tiêu đặt ra trước cuộc họp.

< Tăng cường hiểu biết hơn nữa về PEDP trong các nhà tài trợ >

Có một số nhà tài trợ vẫn chưa hiểu rõ vai trò và nội dung của PEDP. Xu hướng chung là hiểu sai PEDP là danh sách các dự án gồm Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn (PEDC). Tuy nhiên, họp riêng với các nhà tài trợ nhằm tăng cường hiểu biết và nhận thức về chương trình PEDP trong cộng đồng nhà tài trợ. Trước những ý kiến góp ý của các nhà tài trợ, Ban QLCT nhận thấy rằng cần liên hệ thường xuyên và liên tục với từng nhà tài trợ nhằm cung cấp các thông tin phản hồi về PEDP cho các nhà tài trợ sau khi các nhà tài trợ cung cấp các thông tin về dự án do các nhà tài trợ hỗ trợ.

< Nâng cao nhận thức của Ban QLCT về phối hợp nhà tài trợ >

Các thành viên Ban QLCT tham dự trong cuộc họp với từng nhà tài trợ nhận thức ngày càng cao về tầm quan trọng trong việc phối hợp nhà tài trợ. Trong họp thảo luận với nhà tài trợ, thành viên Ban QLCT tích cực trình bày nội dung PEDP và tìm kiếm hỗ trợ và phối hợp trong PEDP. Các thành viên Ban QLCT tham gia họp với các nhà tài trợ đã nhận thức được tầm quan trọng của việc phối hợp nhà tài trợ và chia sẻ thông tin với các thành viên khác trong Ban QLCT.

< Cập nhật các thông tin về hoạt động của nhà tài trợ nhằm tổng hợp thông tin cơ bản về nhà tài trợ >

Kết quả của việc họp với các nhà tài trợ là xác định được các dự án mới và dự án hiện đang được xây dựng như dự án hỗ trợ giáo dục môi trường, dự án về đào tạo tin học, dự án hỗ trợ trường sư phạm và dự án EFA cấp tỉnh. Mặt khác, Ban QLCT nhận thấy cần xây dựng một cơ chế cập nhật thông tin về dự án do nhà tài trợ hỗ trợ trong Bộ GD-ĐT vì những dự án đó thuộc Bộ quản lý.

< Xác định các vấn đề mà Ban QLCT cần phối hợp với các nhà tài trợ >

Sau khi thảo luận với từng nhà tài trợ, có thể liệt kê các dự án cần được phối hợp theo các mục dưới đây:

- 1) Thống nhất và chia sẻ hiệu quả hoặc nguồn lực và các bài học kinh nghiệm: phương pháp luận, phương pháp giảng dạy và tài liệu
- 2) Phối hợp giữa các hoạt động tham gia hỗ trợ của các nhà tài trợ trong cùng BAPI ở các tỉnh/địa điểm khác nhau.
- 3) Trùng lặp trong các hoạt động tham gia hỗ trợ tương tự ở cùng một tỉnh/địa điểm.

Ban QLCT nhận thức rằng Ban QLCT, Bộ GD-ĐT và các bộ liên quan (Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cần áp dụng công cụ phân tích để xác định rõ ràng và khách quan các vấn đề phối hợp và hỗ trợ chia sẻ thông tin.

Dựa trên bài học kinh nghiệm rút ra trong đợt họp thứ nhất với từng nhà tài trợ, Ban QLCT quyết định rằng trong đợt họp thứ 2 sẽ tập trung vào cơ chế phối hợp các nhà tài trợ và cung cấp thông tin phản hồi cho các nhà tài trợ. Điều này cho thấy cách thức Ban QLCT sẽ sử dụng thông tin về dự án do nhà tài trợ hỗ trợ đã được thu thập (chi tiết của công cụ này được giải thích trong phần 3.2.3.3 và 4.2.). Ngoài ra, cũng đã giải thích kỹ hơn với các nhà tài trợ chưa hiểu rõ về chương trình PEDP.

Kết quả thu được từ các cuộc họp này cho thấy hầu hết các nhà tài trợ bày tỏ quan điểm thống nhất rằng Ban QLCT nên đi đầu trong việc phối hợp các nhà tài trợ và họ ghi nhận tính hữu ích của công cụ phân tích. Ngoài những lời nhận xét tán thưởng chung, một số nhà tài trợ đưa ra các đề xuất về khả năng duy trì và tính hiệu quả của tài liệu phân tích. Để tăng cường tính bền vững của chương trình, các nhà tài trợ đề xuất Ban QLCT nên thu thập các thông tin dự án do nhà tài trợ hỗ trợ thông qua sử dụng các nguồn lực của Bộ GD-ĐT. Ngoài ra, từ góc độ về tính hiệu quả của Chương trình, các nhà tài trợ cho biết nên chia sẻ các kết quả phân tích với chính quyền địa phương các tỉnh và các Sở GD-ĐT.

Tóm lại, những cố gắng đồng bộ của Nhóm Chương trình JICA và Ban QLCT đã giúp Ban QLCT nhận thức được tầm quan trọng của việc phối hợp các nhà tài trợ. Hơn nữa, cần xây dựng rõ ràng các bước tiếp theo để thiết lập cơ chế phối hợp nhà tài trợ thông qua sự tham gia tích cực của Ban QLCT trong việc xây dựng nội dung và đánh giá hoạt động tư vấn các nhà tài trợ. Các bước tiếp theo bao gồm thực hiện các hoạt động cụ thể, xây dựng các công cụ phân tích và chia sẻ kinh nghiệm phối hợp nhà tài trợ trong Bộ GD-ĐT và các cơ quan liên quan.

(2) Thực hiện phối hợp các dự án

Theo Ban QLCT, trong số các vấn đề đã được xác định trong quá trình đánh giá các cuộc họp với từng nhà tài trợ, đảm bảo việc phối hợp giữa PEDP cấp tỉnh và EFA cấp tỉnh là vấn đề cần quan tâm. Vấn đề trùng lặp trong các đề xuất dự án đã được lưu ý và cần chia sẻ hiệu quả và thống nhất các nhu cầu. Các vấn đề và các biện pháp giải quyết được tổng kết trong Bảng 3.2.3.2.

Bảng 3.2.3.2: Các vấn đề phối hợp và biện pháp giải quyết

BAPI tương ứng	Tên dự án	Khu vực	Phương pháp	Nhiệm vụ phối hợp	Biện pháp giải quyết
P1/S2/B1	Chương trình PEDP(JICA)/ Chương trình EFA cấp tỉnh dự kiến	61tỉnh/ 6 tỉnh	Cả hai đều bao gồm đào tạo cho Sở/Phòng GD-ĐT	Phương pháp đào tạo tập huấn, tài liệu tập huấn, nguồn lực được sử dụng trong EFA EFA cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập thông tin (Ban QLCT) • Triệu tập các cuộc họp với Nhóm Chương trình JICA và UNESCO (Ban QLCT) • Tổ chức các cuộc họp nội bộ giữa Ban QLCT và nhóm EFA
P2/S1/B3	Dự án đào tạo giáo viên do Bỉ đề xuất / Dự án hỗ trợ JICA	Cả hai đều hỗ trợ Trường CĐSP Bắc Giang	Mục tiêu và phương pháp bị trùng lặp .	Tránh sự trùng lặp không cần thiết, xác định cơ chế phối hợp tốt hơn nhằm đạt được các mô hình hiệu quả nhất	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập thông tin (Ban QLCT) • Cập nhật cây vấn đề (Nhóm JICA) • Tổ chức họp với JICA và Đại sứ quan Bỉ (Ban QLCT)
P2/S1/B3 P4/S2/B2	Dự án phát triển giáo viên tiểu học (PTDP) (WB)/ Dự án hỗ trợ (JICA)	Khả năng triển khai đại trà sau năm 2005 đối với dự án Phát triển GV. Vấn đề hỗ trợ của Nhật Bản là một hợp phần năng cao năng lực cho giáo viên ở Bắc Giang.	Có thể có sự trùng lặp giữa việc tăng cường bồi dưỡng đối với Trường SP và bồi dưỡng cho các đơn vị dưới trường SP.	Các bài học kinh nghiệm từ dự án Phát triển Giáo viên tiểu học, sử dụng kinh nghiệm của Nhật bản trong phương pháp đào tạo giáo viên. phối hợp về đào tạo ở các cấp mục tiêu cho tới các cấp dưới trường SP.	<ul style="list-style-type: none"> • Làm rõ mục tiêu của Dự án Phát triển Giáo viên tiểu học (Ban QLCT) • Các bài học kinh nghiệm thu được từ dự án Phát triển Giáo viên tiểu học và chương trình đào tạo giáo viên của Bỉ • Tổ chức họp với nhóm JICA và nhóm phụ trách Dự án Phát triển Giáo viên Tiểu học (Ban QLCT) • Đề xuất cách thức phối hợp

Chương trình PEDP do JICA hỗ trợ cung cấp các chương trình tập huấn cho các cán bộ giáo dục cấp tỉnh về đánh giá nhu cầu giáo dục thông qua hội thảo tập huấn EPCB và hội thảo lập kế hoạch PEDP. Hội thảo được tổ chức trên tất cả 61 tỉnh thành cho tới cuối tháng 7 năm 2003. Mặt khác, dự án EFA cấp tỉnh do CIDA, W.B và UNESCO tài trợ dự kiến sẽ hỗ trợ việc lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh ở 6 tỉnh thí điểm¹². Phương pháp tập huấn, tài liệu tập huấn, nguồn và tài liệu PEDP cấp tỉnh do Nhóm chương trình PEDP hỗ trợ xây dựng cần được sử dụng trong EFA cấp tỉnh.

Trước các vấn đề đó, Ban QLCT tổ chức các cuộc họp và mời UNESCO, Nhóm EFA quốc tế và Nhóm Chương trình JICA tham dự để trao đổi thông tin về hai dự án. Các bên thống nhất rằng tài liệu PEDP cấp tỉnh sẽ là cơ sở cho việc lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh và Nhóm EFA cấp tỉnh sẽ sử dụng các tài liệu tập huấn và nhân sự mà PEDP đã xây dựng. Nhóm Chương trình

¹² UNESCO tìm kiếm các nhà tài trợ khác như ADB, DFID nhằm tăng thêm nguồn hỗ trợ: số các tỉnh thí điểm có thể sẽ tăng thêm phụ thuộc vào sự hỗ trợ bổ sung của các nhà tài trợ này

JICA cũng nhấn mạnh rằng cần phối hợp đầy đủ giữa Ông Nguyễn Quốc Chí, trưởng Nhóm Kỹ thuật EFA, Ban QLCT và các nghiên cứu viên PEDP và sử dụng phương pháp tiếp cận cùng tham gia đã được sử dụng trong quá trình xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh. Do đó, Ông Nguyễn Quốc Chí cho biết rằng tài liệu EFA cấp tỉnh đề xuất nên sử dụng kinh nghiệm xây dựng tài liệu PEDP cấp tỉnh và đề nghị các nghiên cứu viên PEDP hỗ trợ lập kế hoạch và thực hiện EFA cấp tỉnh.

(3) Xây dựng các công cụ phân tích

Ngoài việc cung cấp các hỗ trợ về các hoạt động nâng cao nhận thức và phối hợp dự án, Nhóm Chương trình JICA hỗ trợ Ban QLCT tăng cường năng lực kỹ thuật cho các thành viên.

Phân tích phối hợp nhà tài trợ bao gồm 3 phần dựa trên tài liệu Hướng dẫn triển khai PEDP. 1. Hoạt động tham gia hỗ trợ của nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam được lập sơ đồ theo BAPI và theo tỉnh. 2. Nhu cầu giáo dục của Bộ GD-ĐT và các tỉnh được lập sơ đồ theo BAPI và theo tỉnh. 3. Xác định các BAPI cần hỗ trợ tiếp theo và các hoạt động của nhà tài trợ đòi hỏi cần được phối hợp. Sau đó, Ban QLCT có thể khách quan xác định các dự án và các hoạt động tham gia hỗ trợ có thể bị trùng lặp và cần được tiếp tục xem xét. Các phương pháp cụ thể và các kết quả phân tích bước đầu được chỉ ra trong mục 4.2.

(4) Chia sẻ kinh nghiệm/thông tin trong Bộ GD-ĐT và các cơ quan liên quan

Họp làm việc về PEDP được tổ chức vào ngày 29 tháng 9 năm 2003 nhằm xem xét các vấn đề nội bộ trong Bộ GD-ĐT. Cuộc họp diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Đặng Huỳnh Mai. Các cán bộ phụ trách dự án giáo dục như Dự án phát triển Giáo viên, dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn (PEDC - WB), Đào tạo Giáo viên (Bỉ) và dự án EU cùng đại diện từ các vụ liên quan trong Bộ GD-ĐT, Bộ KH-ĐT tham dự cuộc họp.

Cuộc họp tìm kiếm quan điểm thống nhất về tính hữu ích của PEDP giữa Bộ GD-ĐT và các cơ quan khác và thảo luận các vấn đề có thể phát sinh đã được Ban QLCT và Nhóm Chương trình JICA xác định. Thứ trưởng Đặng Huỳnh Mai phát biểu khai mạc cuộc họp. Tiến sỹ Trịnh Quốc Thái, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Trưởng Ban QLCT và Ông Hiroyuki Kanzaki, Phó trưởng Nhóm Chương trình JICA trình bày cơ sở và nội dung chính của tài liệu PEDP và quá trình xây dựng và thúc đẩy PEDP. Sau khi trình bày, Ông Trịnh Quốc Thái đã nêu một số vấn đề để thảo luận tập trung vào 3 nội dung chủ yếu sau: tăng cường thực hiện PEDP bằng cách sử dụng tài liệu làm khung tham khảo để xác định và làm rõ các lĩnh vực nhu cầu trong giáo dục tiểu học và đưa PEDP vào quá trình lập kế hoạch trong Bộ GD-ĐT; tăng cường phối hợp/chia sẻ thông tin giữa Bộ GD-ĐT và các bộ khác và trong phạm vi Bộ GD-ĐT, duy trì tính bền vững của chương trình PEDP.

Trong bài phát biểu khai mạc, Thứ trưởng Đặng Huỳnh Mai đánh giá rằng đây là cơ hội tốt để xác định các vấn đề phối hợp giữa các dự án khác nhau trong giáo dục và nhấn mạnh nhu cầu tăng cường phối hợp giữa các cán bộ Bộ GD-ĐT.

Trong phần trình bày của mình, Tiến sỹ Trịnh Quốc Thái giải thích cơ sở và nêu các nội dung chính trong PEDP và mục tiêu của PEDP, Ma trận các lĩnh vực có thể tham gia hỗ trợ và cách thức PEDP phối hợp với các kế hoạch, chiến lược và lịch trình khác.

Ông Hiroyuki Kanzaki mô tả cách thức xây dựng Phân tích BẤT CẬP có sử dụng Ma trận Dự án và Ma trận Nhu cầu đã được xây dựng dựa trên đầu vào từ các dự án do các nhà tài trợ hỗ trợ, các chương trình Mục tiêu quốc gia, tài liệu PEDP cấp quốc gia (bản dự thảo đầu tiên), tài liệu PEDP cấp tỉnh và các chiến lược và kế hoạch liên quan khác của Chính phủ. Ông cũng nhấn mạnh việc sử dụng Ma trận dự án là công cụ hữu hiệu và đơn giản cho Bộ GD-ĐT để phối hợp các nhà tài trợ và tránh sự trùng lặp giữa các dự án.

Trong thảo luận, các đại biểu thống nhất rằng việc sử dụng phương pháp tiếp cận cùng tham gia trong đánh giá nhu cầu sẽ giúp hiểu rõ hơn bức tranh toàn cảnh về lĩnh vực giáo dục tiểu học và Ma trận Dự án sẽ giúp phối hợp các nhà tài trợ và tránh trùng lặp và lãng phí.

Có ý kiến đề xuất rằng Bộ GD-ĐT nên thành lập nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm phối hợp các hoạt động hỗ trợ từ các nguồn khác nhau cho giáo dục nhằm tránh trùng lặp và dự án cần được đánh giá trên các mặt tiến độ và cách thức điều chỉnh dự án. Một số người cho rằng việc đánh giá mức độ ưu tiên của các lĩnh vực hỗ trợ là quan trọng và Bộ GD-ĐT cần xây dựng và cung cấp các tiêu chuẩn và định mức.

Ông Nguyễn Quốc Chí, Trưởng Nhóm Kỹ thuật EFA, cho biết có sự phối hợp tốt và thống nhất giữa PEDP và EFA. Có ý kiến đề xuất rằng JICA nên cung cấp hỗ trợ cho giáo dục tiểu học và dự án Bỉ cần tập trung vào giáo dục trung học cơ sở ở Bắc Giang. Vấn đề tiếp theo liên quan đến việc sử dụng PEDP của Bộ GD-ĐT và cơ chế phối hợp giữa PEDP và EFA.

Bà Đặng Huỳnh Mai kết thúc cuộc họp và thống nhất về nhu cầu cần tăng cường phối hợp và lồng ghép các dự án và cho biết rằng đây là cuộc họp đầu tiên cho các cán bộ dự án Bộ GD-ĐT và rằng các cuộc họp khác sẽ được tổ chức trong tương lai nhằm đảm bảo phối hợp tốt hơn giữa các cơ quan chức năng Việt Nam và các nhà tài trợ nhằm phát triển giáo dục Việt Nam nói chung và phát triển giáo dục tiểu học nói riêng.

Tóm lại, cuộc họp làm việc về PEDP đầu tiên là cơ hội tốt để các cán bộ Bộ GD-ĐT và Bộ KH-ĐT hiểu được sự cần thiết trong phối hợp nhà tài trợ trong Bộ GD-ĐT và vai trò của PEDP. Khi hoàn thành cập nhật tài liệu PEDP và phân tích bất cập, một cuộc họp tiếp theo sẽ được tổ chức nhằm giúp các đại biểu hiểu rõ hơn việc sử dụng tài liệu PEDP và cơ chế phối hợp giữa PEDP và EFA.

(5) Chia sẻ kinh nghiệm và thông tin trong Bộ GD-ĐT và các cơ quan liên quan

Thiết lập cơ chế phối hợp trong đó có xem xét quan điểm của 3 cấp: thành viên tổ chức, thực hiện và các cá nhân.

Ở cấp tổ chức, điều quan trọng là xác định đúng vị trí tài liệu phân tích PEDP và Ban QLCT (PEDP) trong khung tổ chức EFA. Tài liệu EFA được Chính Phủ Việt Nam phê chuẩn trong tháng 7 năm 2003, bao gồm các hợp phần: Chăm sóc và phát triển Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục không chính quy. Theo cuộc họp đánh giá về EFA trong tháng 9 năm 2003, EFA đã và đang thiết lập tổ chức việc thực hiện và giám sát trong Bộ GD-ĐT. Việc tổ chức bao gồm Nhóm hỗ trợ kỹ thuật EFA, Nhóm đánh giá EFA, Nhóm đánh giá tiến độ EFA, cũng như Hội đồng EFA quốc gia và các cán bộ quan sát EFA cấp quốc gia. Hiện nay, chỉ có Nhóm kỹ thuật EFA đã được thành lập với 15 thành viên bao gồm đại diện của Bộ GD-ĐT và Bộ KH-ĐT.

Nhóm Chương trình JICA và ông TRịnh Quốc Thái đã thảo luận vấn đề này và đạt được sự thống nhất rằng Ban QLCT (PEDP) nên được duy trì là bộ phận chịu trách nhiệm về Giáo dục tiểu học EFA như hiện nay và các thành viên Ban QLCT được lựa chọn nên được bổ nhiệm vào các nhóm thực hiện và giám sát EFA. Nhóm Chương trình JICA cũng đề xuất rằng các phương pháp giám sát PEDP là hữu ích và có thể cung cấp các bài học cho các phân ngành trong EFA. Do vậy, PEDP đóng vai trò quan trọng nhằm đạt được mục tiêu đề ra trong giáo dục tiểu học do PEDP đã có cơ cấu tổ chức vững chắc với một trưởng nhóm Chương trình, một cán bộ thường trực và 6 nhóm chuyên trách đã được tập huấn trong suốt quá trình PEDP.

Trên cơ sở đó, các thảo luận với Ông Nguyễn Quốc Chí, trưởng nhóm Kỹ thuật EFA và Ban QLCT và Nhóm Chương trình JICA đã được tiến hành. Ông Nguyễn Quốc Chí trình bày quan điểm tích cực rằng các ý kiến sẽ thúc đẩy việc thực hiện và giám sát EFA do EFA vẫn chưa có ý kiến cụ thể về các đơn vị chuyên trách và phương pháp giám sát và thực hiện trong mỗi phân ngành. Ông cũng đề cập rằng 2 thành viên của Ban QLCT đã được bổ nhiệm vào Nhóm hỗ trợ kỹ thuật EFA. Cuối cùng, Nhóm Chương trình JICA, Ông Chí và Ban QLCT thống nhất tiếp tục thảo luận sau để đảm bảo rằng PEDP được đưa vào khung EFA một cách đầy đủ.

3.2.4 Quá trình cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia

(1) Tổng quan

Tài liệu PEDP cấp quốc gia năm 2002 đã được chỉnh sửa và cập nhật (nay là tài liệu PEDP cấp quốc gia năm 2004) trong suốt giai đoạn thực hiện Chương trình. Đồng thời năng lực tổ chức và quản lý của Ban QLCT đã được nâng cao nhằm đảm bảo tính bền vững của quá trình PEDP.

Nhóm Chương trình JICA chia giai đoạn 14 tháng (từ tháng 11/2002 tới tháng 12/2003) thành 3 giai đoạn nhỏ nhằm tăng cường năng lực của Ban QLCT

- ✓ Giai đoạn giới thiệu: tháng 11/2002 - tháng 3/2003
- ✓ Giai đoạn tiếp cận công việc: tháng 4 - tháng 8/ 2003
- ✓ Giai đoạn chuyển giao: tháng 10 - tháng 12/2003

Nhóm Chương trình JICA làm việc với Ban QLCT và cung cấp các đầu vào hỗ trợ và kỹ thuật.

Thành viên của nhóm phân bổ nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm chuyên trách nhằm đảm bảo tiến độ hoàn thành công việc theo lịch trình đã thống nhất:

- ✓ Tháng 2 - 3/2003 (nhiệm vụ đầu tiên được giao cho Ban QLCT)
- ✓ Tháng 5/ 2003 (nhiệm vụ thứ 2 được giao cho Ban QLCT)
- ✓ Tháng 8/ 2003 (nhiệm vụ thứ 3 được giao cho Ban QLCT)
- ✓ Tháng 10 - tháng 12/ 2003

Mục đích của các nhiệm vụ nhằm giúp thành viên của các nhóm chuyên trách Ban QLCT tiếp cận với các kỹ năng phân tích cần thiết để cập nhật tài liệu. Khối lượng và mức độ phức tạp của các nhiệm vụ này được nâng dần lên. Bảng 3.2.4.1 chỉ ra các nhiệm vụ này.

Bảng 3.2.4.1: Danh mục các nhiệm vụ giao cho Ban QLCT về cập nhật tài liệu PEDP

Nhiệm vụ	Thời gian giao cho Ban QLCT	Thời gian hoàn thành	Nội dung
Lần thứ 1	Tháng 3/2003	Tháng 5/2003	- Xây dựng - Đề xuất về chỉnh sửa Ma trận Vấn đề cấp quốc gia - Ma trận tương thích Nhu cầu - BAPI - Dựa trên tài liệu PEDP cấp tỉnh của 13 tỉnh (đánh giá nhu cầu)
Lần thứ 2	Tháng 5/2003	Tháng 8/2003	- Sử dụng các chỉ số giáo dục PEDP cho phân tích bất cập - Xây dựng - Đề xuất về Ma trận Vấn đề cấp quốc gia và BAPI - Ma trận tương thích Nhu cầu BAPI - Dựa trên tài liệu PEDP cấp tỉnh của 28 tỉnh (13 + 15) (đánh giá nhu cầu)
Lần thứ 3	Tháng 8/2003	Tháng 10/2003	- Xây dựng bảng so sánh về tài liệu PEDP 2002 và PEDP 2004, bao gồm các chỉnh sửa ở phần - Phân tích thực trạng - Ma trận Vấn đề cấp quốc gia - BAPI - Ma trận tương thích nhu cầu - BAPI - Dựa trên tài liệu PEDP cập nhật của 61 tỉnh thành (đánh giá nhu cầu)

(2) Đầu vào tháng 2 - tháng 3/ 2003: Bắt đầu tiếp cận công việc

Nhóm Chương trình JICA

- ✓ Cung cấp bản dự thảo tài liệu Hướng dẫn triển khai PEDP (được chỉnh sửa lần 1)
- ✓ Làm việc với Ban QLCT, đưa ra danh mục các chỉnh sửa trong BAPI
- ✓ Đề nghị các thành viên trong Nhóm Chuyên trách kiểm tra Hướng dẫn triển khai PEDP thông qua sử dụng tài liệu thực tế (tài liệu PEDP cấp tỉnh của 13 tỉnh)
- ✓ Nhiệm vụ đầu tiên là xây dựng Ma trận Vấn đề các nhu cầu và chỉnh sửa BAPI thông qua kiểm tra tài liệu PEDP cấp tỉnh của 13 tỉnh đã được xây dựng trong hội thảo PEDP.

Trong giai đoạn này, Nhóm Chương trình JICA cung cấp cho Ban QLCT tài liệu Hướng dẫn triển khai PEDP (Bản thảo lần 1), đã được thảo luận và chỉnh sửa. Ban QLCT phụ trách nhiệm vụ

đầu tiên là tiến hành kiểm tra thông qua sử dụng tài liệu thực tế (tài liệu PEDP cấp tỉnh của 13 tỉnh).

Tổ chức tham khảo và thảo luận về quá trình cập nhật và nâng cao chất lượng dữ liệu hội thảo với thành viên của các nhóm Chuyên trách PA và tại các cuộc họp Ban QLCT. Giới thiệu chung về phân tích định tính được gửi tới các đại biểu trong đó có so sánh dữ liệu từ tài liệu PEDP cấp tỉnh của các tỉnh. Thành viên của các nhóm chuyên trách tập trung và thảo luận những chỉnh sửa đối với các BAPI và cần họp để thảo luận kỹ hơn về các chỉnh sửa cụ thể. Ngoài ra, các Nhóm chuyên trách có các yêu cầu cụ thể về nâng cao năng lực, đặc biệt là các kỹ năng phân tích.

Bảng 3.2.4.2: Lịch trình Họp cập nhật BAPI (Đầu vào tháng 2-3/2003)

Ngày	Nội dung họp	Đại biểu
20/2/03	Họp với Bà Hạnh để lập kế hoạch cho quá trình Cập nhật PEDP đối với phần BAPI	
25 /2/03	Họp Nhóm chuyên trách - thành viên của Ban QLCT phụ trách từng PA Thảo luận đầu tiên về quá trình phân tích tài liệu của 13 tỉnh và coi đây là giai đoạn thử nghiệm Giới thiệu các Hướng dẫn triển khai đối với việc cập nhật đưa vào trong Hướng dẫn Triển khai PEDP	Ts. Thái Bà Hạnh (4&6) Ông Long (3&6) Bà Vân Anh (1) Bà Bích Thái (1&2) Ông Khoa (5&6) Ông Việt Thái (4)
26/2/ 03	Họp Nhóm chuyên trách (PA1 + PA6)	Bà Hạnh (6), Ông Khoa (6), Bà Bích Thái (1)
28/2/ 03	Họp Nhóm chuyên trách (PA4 + PA5)	Bà Hạnh (4), Ông Việt Thái (4), Ông Khoa (5)
4/3/ 03	Họp Nhóm chuyên trách (PA2 + PA3)	Ông Việt Hùng (2), Bà Bích Thái (2), Ông Long (3), Bà Hạnh (cán bộ điều phối)

Lưu ý: Phân công thành viên Nhóm Chương trình JICA phụ trách từng Nhóm PA như sau: Ts. Hugh dAeth, (PA1 và 6), Ông Irie (PA3) và Bà Young (PA2, 4 và 5)

(3) Đầu vào tháng 5/2003: Làm quen với công việc

Nhóm Chương trình JICA

- √ Kiểm tra kết quả của nhiệm vụ 1 (nhiệm vụ trong thời gian trước) do các thành viên trong Ban QLCT thực hiện
- √ Yêu cầu thành viên của Nhóm chuyên trách hoàn thành tài liệu PEDP cấp tỉnh của 15 tỉnh (nhiệm vụ 2)

Chỉnh sửa đầu tiên trong tài liệu PEDP cấp quốc gia được tiến hành trong tháng 2 năm 2003 về tính phù hợp và tương thích của phần mô tả với các hoạt động trong lĩnh vực ưu tiên và các phân ngành dựa trên cơ sở tài liệu của 13 tỉnh. Họp làm việc với các thành viên Ban QLCT vào tháng 4-5/ 2003 nhằm đánh giá cập nhật và xem xét lại các phần chỉnh sửa dựa trên tài liệu của 18 tỉnh và đánh giá năng lực của các thành viên Ban QLCT. Tiếp tục của Giai đoạn thử nghiệm về quá trình cập nhật BAPI đưa ra ý kiến phản hồi từ các thành viên của nhóm chuyên trách. Quá trình này bao gồm cập nhật tiến độ của từng Nhóm PA và các vấn đề liên quan.

Bảng 3.2.4.3: Lịch trình Họp Nhóm Chuyên trách (Đầu vào tháng 5/2003)

Ngày	Nội dung họp	Đại biểu
2/5/ 03	Họp Nhóm Chuyên trách Ban QLCT — cập nhật về tiến độ và lịch trình	Bà Hạnh, Bà Bích Thái, Ông Hùng, Ông Long
5/5/ 03	Họp nhóm Chuyên trách 1 (PA3&6)	Ông Long
5/5/ 03	Họp nhóm Chuyên trách 1 (PA4)	Ông Việt Thái
8/5/03	Họp nhóm Chuyên trách 1 (PA1)	Bà Bích Thái
12/5/ 03	Họp nhóm Chuyên trách 2 (PA2)	Ông Hùng
13/5/ 03	Họp nhóm Chuyên trách 2 (PA5)	Ông Khoa
15/5/ 03	Họp nhóm Chuyên trách 2 (PA3&6)	Ông Long
15/5/ 03	Họp nhóm Chuyên trách 2 (PA4)	Ông Việt Thái
17/5/03	Họp Ban QLCT, Hội thảo - Kỹ năng Gọi mở/điều khiển hội thảo + Định hướng	Ban QLCT, nghiên cứu viên

Lưu ý: Phân công thành viên Nhóm Chương trình JICA phụ trách từng Nhóm PA như sau: Ông Tanaka (PA1, 5 và 6), Ts. Hugh dAeth, (PA 2 và 4), Ông Shishido (PA3) và Bà Young (PA2 và 4)

(4) Đầu vào tháng 8/ 2003: Tiếp cận với Giai đoạn chuyển giao

Nhóm Chương trình JICA

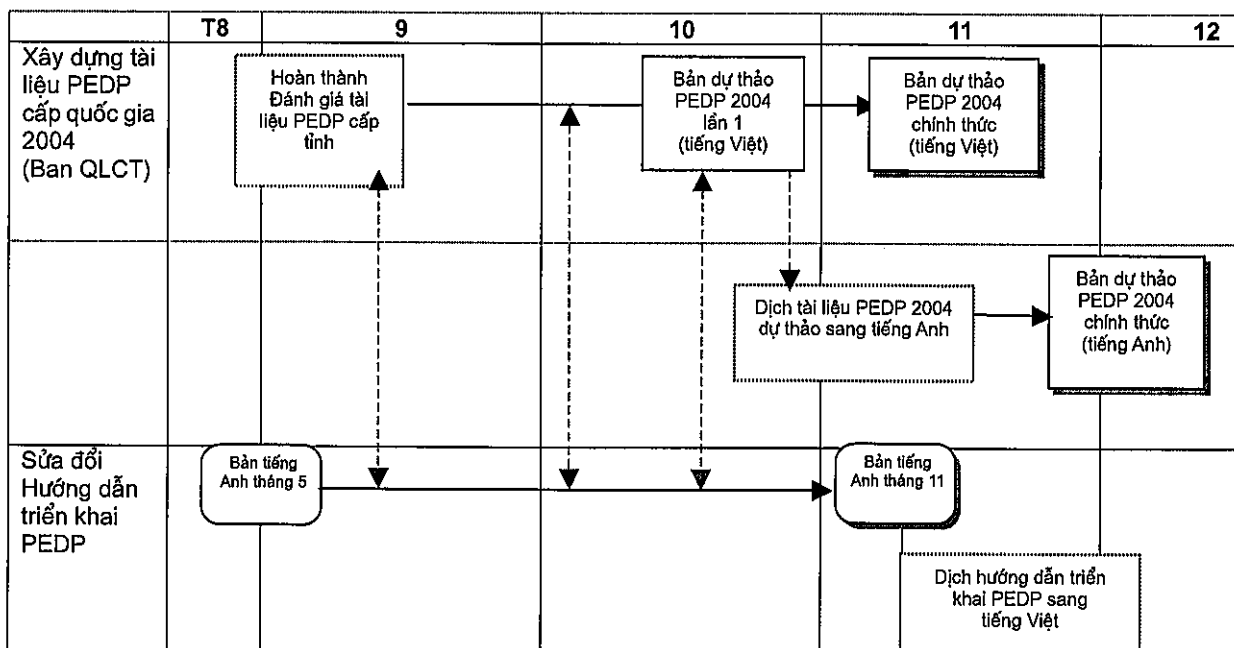
- √ Kiểm tra nhiệm vụ 2 (nhiệm vụ trong thời gian trước) do các thành viên trong Ban QLCT thực hiện có sử dụng tài liệu PEDP cấp tỉnh của 13 tỉnh
- √ Đánh giá kết quả của nhiệm vụ 2
- √ Yêu cầu thành viên của Nhóm Chương trình chỉnh sửa Ma trận Vấn đề cấp quốc gia (NIM), cũng như chỉnh sửa Phân tích Thực trạng và BAPI (nhiệm vụ 3)

Hầu hết các thành viên Ban QLCT đã hoàn thành nhiệm vụ 2 (tháng 5/2003). Ngoài tổng hợp Ma trận Nhu cầu cấp quốc gia, nhiều thành viên trong Ban QLCT đề nghị được bồi dưỡng và thực hành phân tích định tính vì theo họ, đây là điều cần thiết cho việc đánh giá các hoạt động PEDP cũng như các nhiệm vụ khác không liên quan tới PEDP. Vào giữa tháng 6/2003, nhóm Chương trình JICA đã tổ chức hội thảo cho thành viên các Nhóm chuyên trách Ban QLCT về cách thức sử dụng các chỉ số giáo dục trong phân tích bất cập BAPI, các thành viên Ban QLCT cho biết rằng nhìn chung, việc sử dụng sơ đồ radar và thảo luận về kỹ năng phân tích định lượng cũng cần được quan tâm và rất hữu ích đối với việc xây dựng ngân hàng dữ liệu.

Bảng 3.2.4.4: Họp Nhóm Chuyên trách (Đầu vào tháng 8 năm 2003)

Ngày	Nội dung họp	Đại biểu
19/8/ 03	Họp nhóm Chuyên trách (PA1+PA2) Họp nhóm Chuyên trách (PA 3 + PA6)	Bà Bích Thái Ông Long
20/8/ 03	Họp nhóm Chuyên trách (PA 4)	Ông Việt Thái
21/8/ 03	Họp Ban QLCT: Từng thành viên Ban QLCT trình bày kết quả phân tích của mình	Tất cả thành viên của Nhóm chuyên trách
26/8/ 03	Họp nhóm Chuyên trách (PA2 + PA4)	Ông Việt Hùng
27/8/ 03	Họp nhóm Chuyên trách (PA5)	Ông Khoa
28/8/ 03	Họp Ban QLCT	Tất cả thành viên của Nhóm chuyên trách
29/8/ 03	Họp nhóm Chuyên trách (PA 4)	Ông Việt Thái
4/9/03	Họp Ban QLCT: Đánh giá chỉ số	Tất cả thành viên của Nhóm chuyên trách

Lưu ý: Phân công thành viên Nhóm Chương trình JICA phụ trách từng Nhóm PA như sau: Ông Tanaka (PA1, 5 và 6), Ts. Hugh dAeth, (PA 2 và 4), Ông Shishido (PA3) và Bà Young (PA2 và 4)



Hình 3.2.4.1: Lịch trình Xây dựng PEDP 2004 từ tháng 8-12 năm 2003

Một quyết định quan trọng đã được đưa ra trong quá trình xây dựng đầu vào này. Ban QLCT thống nhất về việc xây dựng tài liệu PEDP 2004 bằng tiếng Việt để dịch sang tiếng Anh. Hai bên đã thống nhất lịch trình dưới đây để đảm bảo tiến trình.

(5) Tháng 10-12 năm 2003: Chuyển giao quá trình

Nhóm Chương trình JICA

- ✓ Kiểm tra nhiệm vụ thứ 3 do các thành viên Ban QLCT thực hiện (dựa trên bản dịch sang tiếng Anh)
- ✓ Cung cấp các ý kiến tư vấn về nhiệm vụ thứ 3

- √ Hỗ trợ việc tổng hợp tài liệu nhằm xây dựng bản dự thảo tài liệu PEDP 2004 trình phê chuẩn
- √ Xây dựng năng lực quản lý cho thành viên Ban QLCT
- √ Cùng các thành viên Ban QLCT tới họp với các nhà tài trợ.

Trong suốt giai đoạn này, Nhóm Chương trình JICA tập trung vào chuyển giao quá trình chỉnh sửa tài liệu PEDP. Nhóm Chương trình JICA tiến hành chỉnh sửa PEDP có sử dụng bản tài liệu tiếng Việt gốc làm cơ sở và kiểm tra nội dung thực tế của phần chỉnh sửa.

Nhóm Chương trình JICA cùng các thành viên Ban QLCT tới thăm các nhà tài trợ chính khi tài liệu PEDP 2004 dự thảo được hoàn thành (tháng 11 - 12 năm 2003). Mục đích để thông báo các nhà tài trợ chính về những thay đổi trong tài liệu PEDP cấp quốc gia 2004 và đề nghị nhận được ý kiến góp ý để hoàn thiện tài liệu PEDP cấp quốc gia 2004.

Bảng 3.2.4.5: Lịch họp các nhóm chuyên trách (Tháng 10-12 năm 2003)

Ngày	Nội dung cuộc họp	Thành viên tham dự
16-10-03	Họp với Ban QLCT - Tiến độ giám sát Nhiệm vụ 3	Thư ký Ban QLCT (Bà Hồng Hạnh)
17-10-03	Họp nhóm chuyên trách (PA 3+ PA6)	Ông Vũ Văn Long
20-10-03	Họp với Ban QLCT - Thảo luận về lịch trình và chiến lược thúc đẩy	Thư ký Ban QLCT (Bà Hồng Hạnh)
22-10-03	Họp với Ban QLCT - Tiến độ giám sát Nhiệm vụ 3 (2)	Tất cả thành viên của các nhóm chuyên trách
29-10-03	Họp nhóm chuyên trách (PA4)	Ông Việt Thái
6-11-03	Họp Ban QLCT - Thảo luận về các kết quả thu được của Nhiệm vụ 3	Tất cả thành viên của các nhóm chuyên trách
18-11-03	Họp nhóm chuyên trách Họp Ban QLCT - Thảo luận về các kết quả thu được của Nhiệm vụ 3 (2) - Lịch trình	Tất cả thành viên của các nhóm chuyên trách

Ghi chú: Phân công thành viên Nhóm chương trình JICA phụ trách các PA như sau: Ông Tanaka (PA1, 5 và 6), Ông TS. Hugh dAeth (PA 2 và 4), Ông Shishido (PA3) và Bà Young (PA2 và 4)

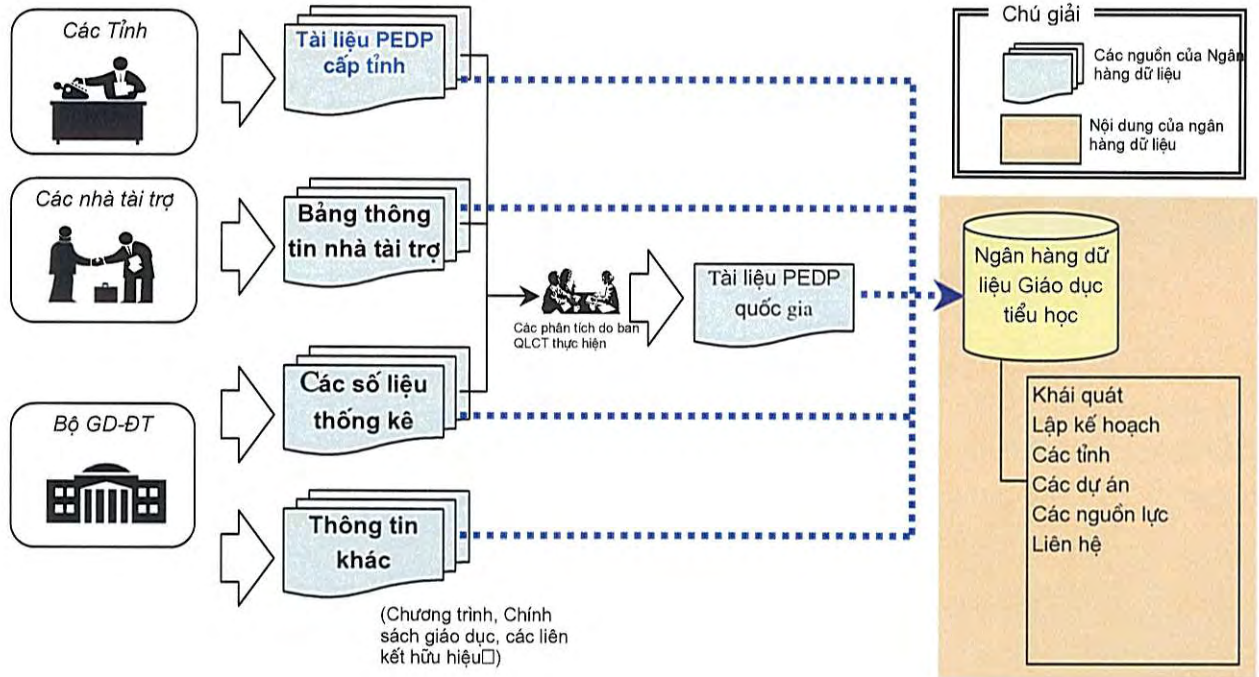
3.2.5 Quá trình xây dựng Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học

(1) Mục tiêu của Ngân hàng Dữ liệu Giáo dục tiểu học

Ban QLCT và Nhóm chương trình JICA đã thu thập khối lượng lớn các thông tin hữu hiệu (như tài liệu PEDP cấp tỉnh và bảng thông tin về nhà tài trợ) liên quan đến giáo dục tiểu học trong quá trình cập nhật tài liệu PEDP cấp quốc gia. Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học do Ban QLCT xây dựng với sự phối hợp về kỹ thuật của Nhóm Chương trình JICA nhằm phổ biến các thông tin trong phạm vi Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT và các bên liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập kế hoạch một cách hiệu quả. Ngân hàng dữ liệu bao gồm các file HTML (Hyper Text Markup Language) / PDF (Portable Document Format) nhằm tăng cường việc chia sẻ thông tin thông qua mạng internet/intranet.

(2) Nội dung của Ngân hàng dữ liệu

Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học là cơ sở dữ liệu song ngữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh) và có các nội dung và nguồn thông tin được chỉ ra ở Hình 3.2.5.1.



Hình 3.2.5.1: Sơ đồ thông tin của Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học

Các nguồn và nội dung của mỗi phần được mô tả ở bảng 3.2.5.1, và trang chủ của Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học được chỉ ra ở hình 3.2.5.2.

Bảng 3.2.5.1: Nguồn và Nội dung của Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học

Các phần		Nội dung	Nguồn thông tin	Số trang
Khái quát	Mục tiêu của Giáo dục Tiểu học	Bối cảnh chính sách giáo dục của Chính phủ và Chiến lược PTGD 2010	Tài liệu PEDP quốc gia	1
	Sơ lược về Giáo dục Tiểu học	Thực trạng của hệ thống trường học, thiết lập công tác quản lý giáo dục, đào tạo giáo viên, và tài chính giáo dục	Tài liệu PEDP quốc gia	1
	Chuẩn quốc gia	Năm tiêu chuẩn quốc gia về giáo dục tiểu học (như tổ chức, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, xã hội hoá và các hoạt động)	Tài liệu PEDP quốc gia	1
	Tính công bằng và Khả năng tiếp cận	Chính sách cho trẻ em khó khăn (như trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em gia đình nghèo, trẻ em khuyết tật)	Tài liệu PEDP quốc gia	1
	Chương trình tiểu học	Chương trình tiểu học theo lớp/môn học (tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và địa lý, Mỹ thuật, Nghệ thuật, Âm nhạc, Kỹ thuật và Thể dục)	Chương trình tiểu học	48
Lập kế hoạch		Khung của PEDP và Lĩnh vực lớn có thể tham gia hỗ trợ (BAPI)	Tài liệu PEDP quốc gia	57
Các tỉnh		Các số liệu thống kê cơ bản và tài liệu PEDP của 61 tỉnh và các trang chú dẫn (danh mục và bản đồ chú dẫn)	Tài liệu PEDP cấp tỉnh và các số liệu thống kê	63
Các dự án		Thông tin về các dự án giáo dục tiểu học (đã hoàn thành, đang thực hiện, và dự kiến) gồm các chương trình trọng điểm quốc gia và do nhà tài trợ hỗ trợ và các trang chú dẫn (danh mục chú dẫn)	Bảng thông tin các dự án	41
Các nguồn lực		Kết hợp với Tài liệu PEDP quốc gia (2002/2004), liên kết với các tổ chức liên quan	Tài liệu PEDP quốc gia	2
Liên hệ		Địa chỉ liên hệ và Giới thiệu về Ban QLCT		2



Hình 3.2.5.2: Trang chủ của Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học (Tiếng Việt - tiếng Anh)

(3) Quá trình xây dựng Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học

Bảng 3.2.5.2 Mô tả quá trình xây dựng Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học.

Bảng 3.2.5.2: Quá trình xây dựng Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học

Giai đoạn	Các hoạt động	Thời gian	Kết quả
[1] Thiết kế cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phân tích yêu cầu cùng với Ban QLCT; - Xác định các đối tượng mục tiêu sử dụng ngân hàng dữ liệu; - Xác định các mục tiêu của ngân hàng dữ liệu; - Xác định các nội dung của Ngân hàng dữ liệu ; - Thiết lập lịch trình xây dựng 	10/2002- 11/2002	Tài liệu thiết kế cơ bản
[2] Thiết kế chi tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập ý tưởng thiết kế (như logo, hình thức thể hiện); - Xác định các công cụ lập trình sẽ sử dụng (như người biên tập HTML, phần mềm vẽ và soạn thảo); - Thu thập thông tin từ các nguồn (như, tài liệu PEDP cấp quốc gia, các bản đồ cấp tỉnh); - Xây dựng các hệ thống mẫu phác thảo 	11/2002- 12/2002	Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học (Mẫu phác thảo)
[3] Xây dựng bước I	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các kết quả thu được của Ban QLCT và cập nhật nội dung; - Tiếp tục thu thập thông tin và xây dựng các nội dung (như chương trình giảng dạy, các số liệu thống kê cấp tỉnh); - Bắt đầu xây dựng các nội dung tiếng Việt 	1/2003- 3/2003	Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học (Phiên bản thứ 1)
[4] Xây dựng bước II	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các thông tin phản hồi từ Ban QLCT và những người sử dụng và cập nhật các nội dung; - Tiếp tục thu thập thông tin và xây dựng các nội dung (như các dự án của nhà tài trợ); - Thiết lập chiến lược tập huấn và bảo trì 	5/2003- 7/ 2003	Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học (Phiên bản thứ 2)
[5] Bảo trì bước I	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các thông tin phản hồi và cập nhật các nội dung; - Tiếp tục thu thập thông tin và xây dựng các nội dung (như tài liệu PEDP cấp tỉnh); - Thiết lập kế hoạch tập huấn và bảo trì 	8/ 2003- 10/ 2003	Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học (Phiên bản thứ 3)
[6] Bảo trì bước II	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các thông tin phản hồi và cập nhật các nội dung; - Tiếp tục thu thập thông tin và xây dựng các nội dung (như tài liệu PEDP cấp quốc gia 2004 và các số liệu thống kê mới); - Xây dựng hướng dẫn bảo trì để cập nhật trong tương lai 	11/ 2003- 2/ 2004	Ngân hàng dữ liệu Giáo dục Tiểu học (Phiên bản chính thức) Hướng dẫn bảo trì (*sẽ cung cấp)

3.3 Xây dựng dự án của Nhật Bản

3.3.1 Xây dựng Nội dung chính trong Đề xuất hợp tác của Nhật Bản

Bản dự thảo ‘Đề cương về Hỗ trợ của Nhật Bản cho Giáo dục Tiểu học Việt Nam’ đã được Nhóm chương trình JICA xây dựng vào cuối Giai đoạn 1 (tháng 3, 2002). Thông qua các cuộc thảo luận đầy đủ chi tiết với Bộ GD-ĐT và đại diện phía Nhật Bản và việc phân tích ngành giáo dục, bản dự thảo đề xuất đã được hoàn thiện và đệ trình lên JICA và Bộ GD-ĐT vào cuối tháng 11, 2002.

Bản đề cương chính thức gồm các nội dung là cơ sở cho hợp tác Nhật Bản, các thiết kế sơ bộ về chương trình toàn diện và một kế hoạch thực hiện sẽ là cơ sở cho các thảo luận tiếp theo về hợp tác Nhật Bản. Trong bản đề cương chính thức, một chương trình phát triển giáo dục toàn diện gồm bốn hợp phần đã được đề xuất thực hiện thí điểm tại tỉnh Bắc Giang. Chương trình đề xuất này đã hỗ trợ sáng kiến của Bộ GD-ĐT nhằm củng cố công tác phân cấp quản lý giáo dục thông qua thử nghiệm các hoạt động tham gia hỗ trợ ở cấp tỉnh phù hợp với các mục tiêu của CLPTGD 2010 về Giáo dục Tiểu học. Hy vọng rằng Bộ GD-ĐT sẽ cập nhật các sáng kiến vào một chương trình phạm vi quốc gia thông qua các bài học kinh nghiệm thu được từ việc thực hiện chương trình thử nghiệm ở tỉnh Bắc Giang. Đề cương của chương trình đề xuất được chỉ ra dưới đây.

Tóm tắt chương trình đề xuất

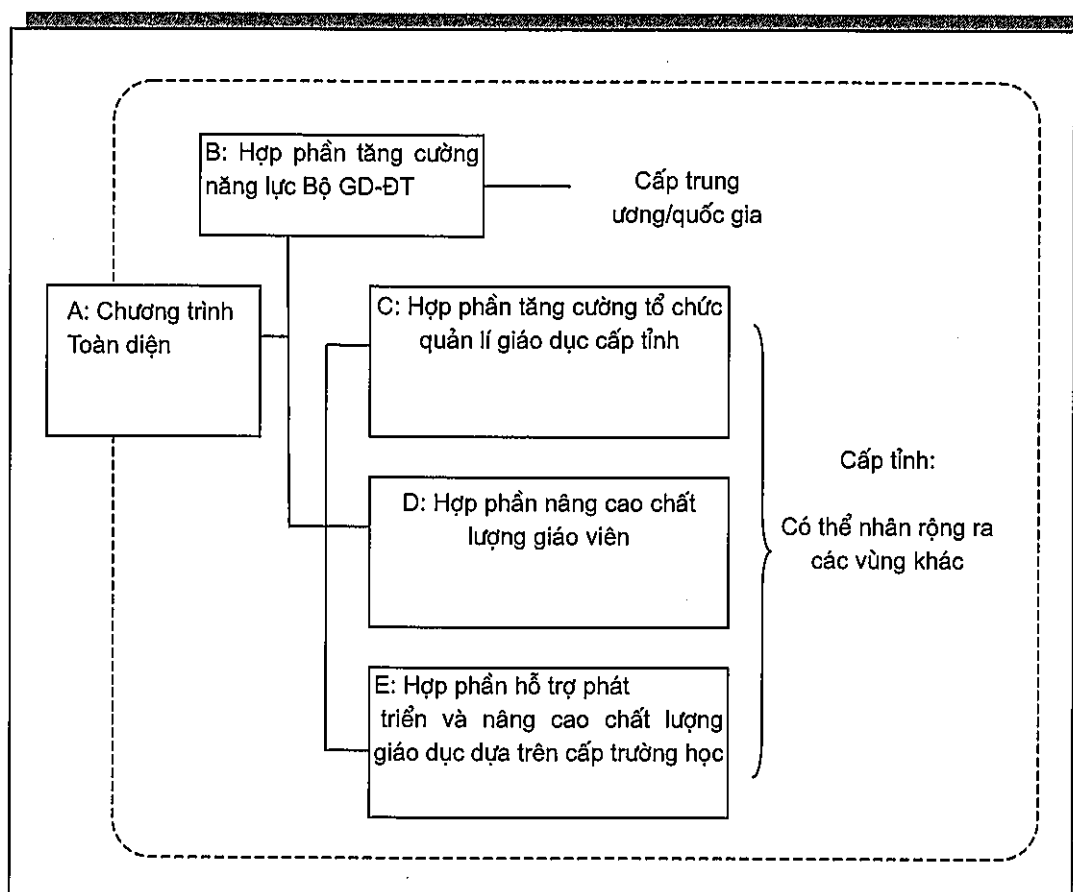
(1) Mục tiêu của chương trình đề xuất

Các Mục tiêu gồm

- √ Tăng cường tính nhất quán giữa các qui tắc, qui định hiện hành xác định trách nhiệm và quyền hạn của Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT, và các trường
- √ Xây dựng các sáng kiến về lĩnh vực trọng điểm như đảm bảo chất lượng, “Xã hội hoá trong giáo dục”, Chuẩn Quốc gia và tối thiểu...
- √ Cung cấp các khoá tập huấn bồi dưỡng cho giáo viên cấp tỉnh để thực hiện chương trình tiểu học mới.
- √ Tăng cường phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục dựa trên trường học với sự tham gia hiệu quả hơn của cộng đồng (xã hội)
- √ Nâng cao hiệu quả mối liên hệ giữa trường học, Phòng GD-ĐT, Sở GD-ĐT, và Bộ GD-ĐT.
- √ Chia sẻ các kết quả học tập, nghiên cứu để có thể nhân rộng sang các vùng khác ở Việt Nam
- √ Chương trình tham gia hỗ trợ giáo dục toàn diện của Nhật Bản để đáp ứng các nhu cầu và yêu cầu của Việt Nam

(2) Đề cương của Chương trình đề xuất và các Hợp phần

Để đạt được các mục tiêu trên, chương trình toàn diện gồm bốn hợp phần được đề xuất (Hình 3.3.1.1).



Hình 3.3.3.1: Khung chương trình toàn diện

Phần tiếp theo sẽ trình bày về các phức thảo của chương trình toàn diện và từng hợp phần

A: Chương trình Phát triển Giáo dục Tiểu học toàn diện

Với việc kết hợp kịp thời các yếu tố đầu vào từ các hợp phần B đến E sẽ mang lại kết quả và các tác động dự kiến tích cực. Khi dự án được triển khai trên thực tế, các kết quả và tác động này có thể đạt được tính ổn định vững chắc. Cũng thấy trước rằng chương trình này sẽ là mô hình mẫu cho việc triển khai thực hiện học 2 buổi/ngày và quản lý trường học hiệu quả khi nó được nhân rộng ra các tỉnh khác.

B: Hợp phần tăng cường năng lực Bộ GD-ĐT: Đối tượng là cấp trung ương/quốc gia

Hợp phần này nhằm mục đích tăng cường năng lực lập chính sách giáo dục và chia sẻ thông tin ở cấp quốc gia. Hợp phần sẽ tập trung hơn vào Bộ GD-ĐT, các cơ quan giáo dục liên quan và các chương trình đào tạo/nghiên cứu học tập đề xuất ở nước ngoài, hỗ trợ xây dựng chính sách cơ bản và ban hành các hướng dẫn và quy định, cũng như hỗ trợ cho lập kế hoạch và triển khai

thực hiện giảng dạy tích cực ở cấp quốc gia.

Các kết quả dự kiến của hợp phần này gồm:

- √ Nâng cao kiến thức cho các nhà quản lí và nghiên cứu trong công tác lập chính sách
- √ Xây dựng và giới thiệu các chính sách cơ bản và hướng dẫn ở cấp quốc gia
- √ Xuất bản và phổ biến các hướng dẫn và tài liệu về các vấn đề cần quan tâm
- √ Triển khai có hiệu quả chương trình giảng dạy mới

Một đặc trưng quan trọng của hợp phần này là hiệu quả nhân rộng ra toàn quốc vì trên thực tế vấn đề này sẽ liên quan tới việc xây dựng chính sách và chia sẻ thông tin ở cấp quốc gia.

C: Hợp phần tăng cường tổ chức quản lí giáo dục cấp tỉnh: Đối tượng là cán bộ Sở/Phòng GD-ĐT

Các hoạt động của hợp phần này bao gồm tập huấn cho các cán bộ giáo dục cấp tỉnh nhằm giúp cho việc lập kế hoạch quản lí, quản lí và triển khai hiệu quả.

Các kết quả dự kiến của hợp phần này là:

- √ Nâng cao năng lực cho các cán bộ giáo dục và hiệu trưởng trường học
- √ Nâng cao hiệu quả lập kế hoạch, triển khai và quản lí

D: Hợp phần Nâng cao chất lượng giáo viên: Đối tượng là các trường SP

Với hợp phần này, các hoạt động đề xuất gồm tập huấn bồi dưỡng cho giáo viên đang giảng dạy, tăng cường khả năng đào tạo của các trường sư phạm thông qua bồi dưỡng giáo viên giảng dạy ở các trường Sư phạm, nâng cao năng lực giảng dạy của các khoa trong trường.

Các kết quả dự kiến của hợp phần này là:

- √ Nâng cao chất lượng hệ thống đào tạo giáo viên
- √ Nâng cao chất lượng giáo viên tiểu học với kĩ năng giảng dạy tốt hơn và có động lực hơn
- √ Kết quả học tập của học sinh tốt hơn nhờ tác động của các kết quả trên

Tính bền vững của các hoạt động dự án phụ thuộc vào sự hỗ trợ đầy đủ của các cơ quan chức năng trong giáo dục và của mỗi trường học liên quan đến vấn đề chia sẻ và duy trì các kĩ năng cần thiết sau khi các giáo viên đã hoàn thành khoá bồi dưỡng. Hơn nữa, không có sự đảm bảo về việc sẽ có chính sách ưu tiên cho các giáo viên tham gia khoá tập huấn khi dự án kết thúc. Do vậy, điều quan trọng là xây dựng kế hoạch và cơ chế hỗ trợ để duy trì và khuyến khích giáo viên tích cực học tập và chia sẻ các kĩ năng mới.

E: Hợp phần hỗ trợ phát triển và cải thiện chất lượng giáo dục dựa trên cấp trường: Đối tượng là các trường tiểu học

Các hoạt động đề xuất của hợp phần này bao gồm xây dựng năng lực tổng hợp để tăng cường năng lực quản lí trường học, xây dựng mạng lưới giữa các trường học để trao đổi quan điểm và

thông tin và thành lập tổ giáo viên nghiên cứu. Đồng thời, hợp phần này cũng gồm các hoạt động tăng cường sự hỗ trợ của cộng đồng cho nhà trường trong việc xây dựng/sửa chữa trường học, cung cấp giáo cụ và các thiết bị giảng dạy để thực hiện học 2 buổi/ngày, tổ chức dịch vụ ăn trưa tại trường.

Các kết quả dự kiến của hợp phần này như sau:

- √ Công tác quản lý trường học có hiệu quả với sự hỗ trợ nhiều hơn từ phía phụ huynh học sinh và cộng đồng
- √ Kỹ năng và động lực cho giáo viên được nâng cao thông qua trao đổi phương pháp giảng dạy giữa các trường
- √ Phối hợp và hợp tác giữa các trường được tăng cường

Dự án này tập trung vào quá trình thiết lập một hệ thống, vì vậy khó có thể đạt được mức cải thiện trong ngắn hạn. Tuy nhiên, khi hệ thống đã được thiết lập, tính bền vững sẽ rất cao. Do những hoạt động đề xuất dựa trên cấp trường học nên chú ý tới các vấn đề tác động và cải thiện trực tiếp các yếu tố được các cơ quan có thẩm quyền về giáo dục quản lý (như đào tạo, phân bổ, thanh tra giáo viên).

(3) Tỉnh chọn làm mục tiêu cho chương trình

Chương trình thí điểm cấp tỉnh dự tính sẽ được nhân rộng triển khai trên phạm vi cả nước. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các tỉnh mục tiêu phù hợp là:

- √ Các chỉ số “trung bình” trong giáo dục và kinh tế xã hội.
- √ Nhu cầu hỗ trợ cao hơn mức nhu cầu trung bình và các tác động hưởng lợi
- √ Các tỉnh là đối tượng của chương trình hỗ trợ xây dựng trường học trong thời gian tới của Nhật Bản thuộc vùng miền núi phía Bắc.

Trong quá trình lựa chọn, 5 tỉnh ở mức trung bình được xác định là các tỉnh “có thể là tỉnh mục tiêu” dựa trên các chỉ số khác nhau, và sau đó một tỉnh mục tiêu được lựa chọn trong số năm tỉnh này. Cần lưu ý tới hiệu quả có thể đạt được từ việc kết hợp các dự án dự kiến và các tác động hưởng lợi dự kiến cũng như các lĩnh vực hợp tác Nhật Bản và các hoạt động của các nhà tài trợ khác. Kết quả sau hai vòng lựa chọn, Bắc Giang là tỉnh được Nhóm chương trình JICA đề xuất và chính thức được chọn là tỉnh mục tiêu cho chương trình thông qua các thảo luận với Ủy Ban Tư vấn JICA.

Các sửa đổi đối với bản Đề xuất dự thảo

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của Bộ GD-ĐT và đại diện phía Nhật Bản, đã tiến hành sửa đổi bản Đề cương dự thảo. Các ý kiến đóng góp về mức độ ưu tiên cho các hợp phần bổ trợ, nguồn lực cần thiết cho mỗi lĩnh vực ưu tiên, và nội dung của các hợp phần bổ trợ. Các ý kiến đóng góp đã được ghi nhận và phản ánh trong tài liệu đề cương chính thức.

<Mức độ ưu tiên của các hợp phần hỗ trợ và các nguồn lực cần thiết>

Văn phòng JICA tại Việt Nam và Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam đã đưa ra các ý kiến đóng góp về sự cần thiết phải sắp xếp mức độ ưu tiên cho các hợp phần hỗ trợ trong phạm vi mỗi hợp phần nhằm cụ thể hoá các đầu vào cần thiết để thực hiện đề xuất trên cơ sở các ưu tiên này. Thông tin này là cần thiết khi JICA tiến hành các hỗ trợ tiếp theo.

Tiếp đó, các lĩnh vực ưu tiên của các hợp phần hỗ trợ được Nhóm chương trình JICA dự thảo trên cơ sở “Năm tiêu chuẩn công nhận trường Tiểu học đạt Chuẩn quốc gia (1996-2000)”. Các hướng dẫn tổ chức quản lý và các tiêu chí của Chính Phủ Việt Nam cũng được thống nhất trong các cuộc họp thảo luận với Ban QLCT. Ngoài ra, các đầu vào cần thiết từ phía Nhật Bản cũng được phân tích và tóm tắt theo mức độ ưu tiên.

Nhóm chương trình JICA thấy rằng tất cả các hợp phần và các hoạt động ưu tiên cần được thực hiện, không tính đến mức độ ưu tiên bởi vì chúng có các mối liên hệ chặt chẽ với nhau và việc kết hợp nhiều hoạt động sẽ có tác động kép. Ví dụ, tác động của các hoạt động cấp trường sẽ thấp nếu không có các đầu vào ở cấp quận/huyện. Ngoài ra, do phòng GD-ĐT là cơ quan chịu trách nhiệm về giáo dục tiểu học ở các trường do vậy việc tham gia của cấp quận/huyện là rất quan trọng.

<Nội dung của các hợp phần hỗ trợ>

Các ý kiến đóng góp và sửa đổi về bản đề xuất dự thảo đã được thực hiện dựa trên triển vọng hỗ trợ của Nhật Bản. Do vậy, một số hợp phần hỗ trợ phải cắt bỏ bởi vì Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện các hoạt động này cùng với hoặc không có sự hỗ trợ của các nhà trợ. Nhóm Chương trình JICA đã thống nhất về các đầu vào từ phía Nhật Bản cho các hợp phần này là không cần thiết để tránh các trùng lặp. Nhóm Chương trình JICA cũng nhấn mạnh cần xem xét các bài học kinh nghiệm rút ra từ các chương trình thí điểm khi nhân rộng ở phạm vi quốc gia. Để đạt được các kết quả, Ban QLCT và nhóm Chương trình JICA đi đến thống nhất là cần có tất cả các hợp phần hỗ trợ để hoàn thành các mục tiêu của mỗi hợp phần, và các hợp phần hỗ trợ này đều phải được giám sát, đánh giá trừ các hoạt động do Chính phủ Việt Nam thực hiện.

Bộ GD-ĐT và Nhóm Chương trình JICA không hoàn toàn thống nhất về việc có thực hiện tổ chức ăn trưa tại trường hay không, trong khi Bộ GD-ĐT thấy rằng điều này là cần thiết để thực hiện việc học 2 buổi/ngày, và nội dung này cần đưa vào các hoạt động đề xuất. Bộ GD-ĐT cũng nhấn mạnh rằng việc xây dựng các trung tâm cung cấp ăn trưa tại trường sẽ giúp giảm gánh nặng về tài chính cho cha mẹ học sinh và giảm gánh nặng về quản lý cho hiệu trưởng và đồng thời cũng hạn chế các vấn đề liên quan đến vệ sinh và an toàn thực phẩm. Mặt khác, Nhóm Chương trình JICA đề nghị rằng nên hỗ trợ và nâng cấp cho các trung tâm/trường hiện đã tổ chức ăn trưa cho học sinh thông qua các chương trình hợp tác Nhật Bản chứ không nên xây dựng thêm các trung tâm/hệ thống cung cấp ăn trưa mới. Nhóm Chương trình JICA cũng bày tỏ mối lo ngại về vấn đề tài chính và quản lý thực hiện khi xây dựng các trung tâm/hệ thống cung cấp ăn trưa mới.

Kết quả cả hai phía đã thống nhất là việc xây dựng trung tâm phục vụ ăn trưa sẽ được đưa vào là một hoạt động hợp phần bổ trợ của hợp phần E, và không đề cập đến mức độ ưu tiên hay các ý kiến nhận xét khác.

3.3.2 Các vấn đề phối hợp và giải pháp

Bối cảnh môi trường khi xây dựng bản Đề xuất hợp tác Nhật Bản vào tháng 11 năm 2003 so với hiện tại đã có nhiều thay đổi đặc biệt về số lượng các nhà tài trợ tham gia vào các hoạt động liên quan đến giáo dục tiểu học. Ví dụ như Chính phủ Bỉ đang chuẩn bị cử một nhóm chuyên gia xây dựng dự án sang Việt Nam để xây dựng các dự án hỗ trợ đào tạo giáo viên và UNESCO cũng đã bắt đầu xây dựng dự án hỗ trợ cho lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh.

Trên cơ sở các hiện trạng thay đổi này, Ban QLCT đã phân tích các vấn đề phối hợp giữa các dự án khi sử dụng Ma trận Dự án Nhà tài trợ ở mục 4.2 dựa trên các thông tin mới nhất về dự án hỗ trợ của nhà tài trợ. Trong quá trình Ban QLCT và Nhóm Chương trình JICA phân tích chi tiết các vấn đề phối hợp giữa đề xuất của Nhật Bản và hai dự án khác sau đó đã đưa ra các giải pháp.

Một là dự án đào tạo giáo viên đề xuất ở 14 tỉnh phía Bắc sẽ được Chính phủ Bỉ hỗ trợ. Một dự án khác là dự án phát triển giáo viên tiểu học do Ngân hàng Thế giới hỗ trợ. So sánh giữa hai dự án này và đề xuất Nhật Bản được tóm tắt trong Bảng 3.3.2.1.¹⁵

¹⁵ Có sự trùng lặp về mặt địa lý ở tỉnh Sơn La. Tuy nhiên 2 dự án đã phối hợp: i) Dự án Bỉ nhằm vào mục tiêu ngắn hạn còn dự án WB tập trung vào mục tiêu dài hạn; ii) Sử dụng các cán bộ đào tạo TSP khác. Ngoài ra, giám đốc dự án hiện nay là cán bộ dự án trong giai đoạn 1 của Dự án Bỉ.

Bảng 3.3.2.1: So sánh về hợp phần Đào tạo Giáo viên trong dự án của Ngân hàng Thế giới và dự án (để xuất) của Chính phủ Bỉ với dự án (để xuất) của Nhật Bản

	Đề xuất của JICA	Dự án của WB	Đề xuất của Bỉ
Thời hạn	5 năm kể từ năm 2004 (chưa được quyết định)	Tháng 8/2002 tới 2006	4.5 năm kể từ năm 2004 (chưa được quyết định)
Kinh phí	Chưa được quyết định	35,75 triệu USD (10 tỉnh)	5,2 triệu USD (trong đó Bỉ tài trợ: 4 triệu USD) (14 tỉnh) ⁹
Mục tiêu	- Cải thiện cơ cấu tổ chức đào tạo ở TSP, nâng cao năng lực đào tạo và cơ sở vật chất. - Đào tạo giáo viên tiểu học để thực hiện tốt chương trình giảng dạy mới và phương pháp giảng dạy mới nói chung	- Tạo cơ sở cho việc thực hiện chương trình nâng cao chất lượng giảng dạy tiểu học trên phạm vi cả nước	- Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập ở trường sư phạm nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở bậc tiểu học và trung học cơ sở. - Nhân rộng kết quả dự án sang các tỉnh phía Bắc khác
Đối tượng	Giảng viên trường sư phạm, giáo viên các trường tiểu học	Giảng viên và sinh viên trường sư phạm, giáo viên trường tiểu học và cán bộ quản lý giáo dục	Giảng viên trường sư phạm, giáo viên trường tiểu học/ trung học cơ sở ở các trường thực hành, cán bộ quản lý giáo dục
Tỉnh mục tiêu	Bắc Giang	Sơn La, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Ninh Bình, Quảng Bình, Kon Tum, Phú Yên, Bình Phước, Hồ Chí Minh, Bến Tre	(Vùng I) Sơn La ¹⁰ , Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn (đây là những tỉnh mục tiêu trong giai đoạn I và tiếp tục được triển khai trong giai đoạn II) (Vùng II) Hoà Bình, Phú Thọ, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Quảng Ninh
Hợp phần	1. Mở rộng và tăng cường đào tạo bồi dưỡng giáo viên 2. Tăng cường năng lực bồi dưỡng của các cán bộ trong khoa ở trường sư phạm 3. Đào tạo giáo viên ở cấp trường/các nhóm tự nghiên cứu 4. Đảm bảo khả năng tiếp cận của các giáo viên tới các vùng sâu, vùng xa 5. Hỗ trợ giám sát và đánh giá các hợp phần. * Trong các hợp phần trên, hợp phần 1-3 nhằm cải tiến phương pháp giảng dạy học tập tích cực thông qua việc đào tạo giảng viên trong ngành bởi các chuyên gia Nhật Bản.	1. Xây dựng các chuẩn chuyên môn của giáo viên (thông tin chung) 2. Các chương trình đào tạo cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục (nhằm đổi mới các khoá đào tạo sư phạm) 3. Đảm bảo chất lượng (PMIS, xây dựng hệ thống cấp bằng và xếp loại giáo viên) 4. Sửa đổi lại điều kiện công tác đối với giáo viên 5. Phối hợp dự án, tăng cường năng lực và giám sát * Dự án WB tập trung xây dựng chuẩn chuyên môn nhằm tạo chuẩn quốc gia và xây dựng các chương trình đào tạo (module) cho các khoá học ở TSP phù hợp với chương trình giảng dạy mới. Nói cách khác, dự án WB nhằm nâng cao chất lượng các khoá đào tạo ở TSP theo hướng phù hợp với chương trình giảng dạy mới và nâng trình độ từ 12+2 lên 12+3 trong dài hạn.	1. Giảng dạy và học tập tích cực đối với tất cả các môn học cho cả bậc giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. 2. Các vấn đề cụ thể về giảng dạy và học tập ở các vùng dân tộc thiểu số 3. Năng cao khả năng tiếng Anh và tin học 4. Cung cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị 5. Đào tạo nước ngoài * Dự án Bỉ nhằm nâng cao chất lượng đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên để thực hiện chương trình giảng dạy mới. Dự án tập trung vào trường sư phạm và trường thực hành (1 hoặc 2 trường học) ở cả bậc tiểu học và trung học cơ sở đối với 9 môn học.

⁹ Tỉnh Lai Châu đã được tách thành 2 tỉnh Điện Biên và Lai Châu vào tháng 12 năm 2003. Do vậy số các tỉnh đối tượng của dự án Bỉ có thể thay đổi từ 14 thành 15 tỉnh
¹⁰ Có sự trùng lặp về mặt địa lý ở tỉnh Sơn La. Tuy nhiên 2 dự án đã phối hợp: i) Dự án Bỉ nhằm vào mục tiêu ngắn hạn còn dự án WB tập trung vào mục tiêu dài hạn; ii) Sử dụng các cán bộ đào tạo TSP khác. Ngoài ra, giám đốc dự án hiện nay là cán bộ dự án trong giai đoạn 1 của Dự án Bỉ.

Dự án (đề xuất) đào tạo giáo viên Việt-Bỉ

Bản Đề xuất dự án đào tạo giáo viên Việt-Bỉ đã được đệ trình lên Đại sứ quán Bỉ tại Hà Nội vào tháng 7 năm 2002. Hiện tại bản đề xuất đang được chính phủ Bỉ xem xét và một đoàn chuyên gia xây dựng dự án sẽ sang Việt Nam vào giữa tháng 11 năm 2003. Trên cơ sở các báo cáo của đoàn chuyên gia, Chính phủ Bỉ sẽ đưa ra quyết định chính thức về phạm vi hợp tác hỗ trợ.

Dự án sẽ tập trung vào các giảng viên ở trường Sư phạm, giáo viên các trường tiểu học/trung học cơ sở ở các trường thực hành và cán bộ quản lý giáo dục ở 14 tỉnh. Trong 14 tỉnh này có tỉnh Bắc Giang là tỉnh dự kiến thực hiện chương trình thử nghiệm trong Đề xuất hợp tác Nhật Bản.

So với bản Đề xuất hợp tác Nhật Bản, dự án đề xuất do Chính phủ Bỉ hỗ trợ có đối tượng tương tự là giảng viên khoa tiểu học các trường sư phạm và giáo viên các trường tiểu học ở tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra, dự án của Chính phủ Bỉ cũng có cách tiếp cận tương tự như ở đề xuất hợp tác Nhật Bản là sẽ cung cấp các khoá tập huấn ngắn hạn cho giảng viên các trường Sư phạm và giáo viên tiểu học.

Để khẳng định và tránh trùng lặp, Ban QLCT đã tổ chức các cuộc họp không chính thức với Đại sứ quán Bỉ, có mời cán bộ dự án Bộ GD-ĐT và Nhóm chương trình JICA tham dự. Thông qua các cuộc họp đã xác định rằng có sự trùng lặp về hợp phần đào tạo giáo viên trường Sư phạm và giáo viên tiểu học giữa hai dự án. Ngoài ra, đại sứ Bỉ đã bày tỏ quan điểm vào tháng 9 năm 2003 là Chính phủ Bỉ sẽ cử phái đoàn công tác sang Việt Nam vào giữa tháng 10/ 2003 để giải quyết vấn đề về phối hợp thông qua thảo luận với Bộ GD-ĐT và Văn phòng JICA tại Việt Nam.

Đồng thời trong tháng 9, Ban QLCT đã cập nhật các vấn đề và phân tích mục tiêu ở tỉnh Bắc Giang tập trung vào lĩnh vực đào tạo giáo viên. Việc phân tích nhằm xác định các ranh giới phù hợp trong việc hỗ trợ các hoạt động giáo dục tiểu học ở trường Sư phạm Bắc Giang đối với hai dự án. Kết quả, Ban QLCT đã thấy rằng sẽ khó khăn trong việc xác định phạm vi cho cả hai dự án để hỗ trợ các hoạt động giáo dục tiểu học ở trường Sư phạm Bắc Giang.

Để giải quyết bế tắc, Bộ GD-ĐT đã chính thức thông báo với Văn phòng JICA tại Việt Nam là Bộ GD-ĐT mong muốn JICA sẽ thực hiện chương trình giáo dục tiểu học toàn diện ở Bắc Giang như Nhóm chương trình JICA đề xuất, để phúc đáp đề nghị của Văn phòng JICA tại Việt Nam.

Dự án Phát triển Giáo viên Tiểu học

Mặt khác, Dự án Phát triển Giáo viên Tiểu học thực hiện từ tháng 8/2002 đến 2006, nhằm tạo cơ sở cho chương trình phạm vi quốc gia để nâng cao chất lượng công tác đào tạo giáo viên tiểu học. Dự án này bao gồm cung cấp các chương trình tập huấn cho các giảng viên trường Sư phạm và giáo viên tiểu học, và các cán bộ giáo dục và các dự án thử nghiệm đang được triển khai thực hiện ở 10 tỉnh. Trong các tỉnh thử nghiệm này không có tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, dự án có kế hoạch mở rộng các dự án thử nghiệm trên phạm vi quốc gia sau năm 2006. Theo Bộ GD-ĐT, việc mở rộng các dự án còn chưa xác định và quyết định chính thức sẽ được đưa ra vào cuối năm 2006 dựa trên kết quả các dự án thử nghiệm.

So với Đề xuất của Nhật Bản, và tạo cơ hội nhân rộng trong tương lai đối với dự án ở tỉnh Bắc

Giang, sẽ có các điểm tương tự trong việc cung cấp các chương trình tập huấn cho giảng viên trường Sư phạm và giáo viên tiểu học ở cả hai dự án. Trái lại, mục tiêu cần đạt được của các chương trình đào tạo trong hai dự án dường như là khác nhau. Dự án Phát triển giáo viên tiểu học sẽ hỗ trợ các mục tiêu dài hạn để nâng cao chất lượng các khoá đào tạo giáo viên 2 năm nhằm đáp ứng việc triển khai chương trình mới. Tuy nhiên, đề xuất của Nhật Bản sẽ hỗ trợ cho các mục tiêu ngắn hạn để giúp các giảng viên tận dụng phương pháp giảng dạy tích cực thông qua việc cung cấp các hoạt động tự bồi dưỡng nâng cao trình độ với sự hỗ trợ của các chuyên gia Nhật Bản.

Ranh giới này đã được làm rõ giữa dự án phát triển giáo viên tiểu học đang thực hiện và dự án đào tạo giáo viên Việt-Bỉ đã kết thúc ở một số tỉnh miền Bắc như ở trường Sư phạm Sơn La.

Để đảm bảo việc xác định ranh giới đối với việc triển khai thực hiện ở trường Sư phạm Bắc Giang, Ban QLCT cần thận trọng giám sát việc thực hiện dự án hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới đang thực hiện và đề xuất của Nhật Bản, các kết quả bài học kinh nghiệm thu được từ dự án ở trường Sư phạm Sơn La. Sự phối hợp sẽ hiệu quả hơn do một cán bộ của Bộ GD-ĐT có trách nhiệm trong cả 2 dự án ở trường Sư phạm Sơn La.

Ngoài các vấn đề về kỹ thuật, Bộ GD-ĐT cũng bày tỏ quan điểm rằng không có sự trùng lặp về các tỉnh mục tiêu giữa hai dự án bởi vì chưa có quyết định chính thức nào về việc mở rộng Dự án Phát triển giáo viên tiểu học trên phạm vi quốc gia. Thêm vào đó, tháng 5/2003 Bộ GD-ĐT đã thông báo cho Văn phòng JICA tại Việt Nam là Bộ GD-ĐT đề nghị JICA thực hiện dự án thử nghiệm đề xuất tại Bắc Giang bởi vì hỗ trợ kỹ thuật của Nhật Bản sẽ thực hiện hiệu quả theo các phương thức phối hợp riêng.

3.3.3 Bài học kinh nghiệm thu được và mối liên kết từ/với các dự án khác

Sau khi đệ trình Đề xuất của Nhật Bản, Nhóm chương trình JICA vẫn cần phải tiếp tục theo dõi các hoạt động của nhà tài trợ để rút ra các bài học kinh nghiệm và các liên kết tiềm năng cho Đề xuất của Nhật Bản trên cơ sở các hoạt động tham gia trong phân ngành giáo dục tiểu học. Đặc biệt, ba dự án đã được xác định là cần phải xem xét khi triển khai thực hiện đề xuất Nhật Bản, đó là:

- √ Dự án hỗ trợ Bộ GD-ĐT do EU hỗ trợ sẽ cung cấp các liên kết tiềm năng giữa việc phát triển Hệ thống thông tin quản lý giáo dục và hợp phần tăng cường công tác quản lý giáo dục cấp tỉnh trong đề xuất Nhật Bản.
- √ Dự án hỗ trợ kỹ thuật xây dựng năng lực lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh do CIDA, W.B và UNESCO tài trợ nhằm tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý giáo dục cấp tỉnh có liên quan chặt chẽ với đề xuất Nhật Bản về lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh.

- ✓ Dự án Giáo dục Tiểu học Bạn hữu trẻ em do UNICEF hỗ trợ tập trung vào mạng lưới trường học cũng có các liên kết chặt chẽ với trong đề xuất Nhật Bản về hợp phần Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục dựa trên cấp trường học. Hợp phần hoạt động xây dựng các hệ thống nhóm trường trong Đề xuất Nhật Bản là tương tự với khái niệm về mạng lưới trường học.

Dự án hỗ trợ Bộ GD-ĐT

Dự án hỗ trợ Bộ GD-ĐT gồm 3 hợp phần: Thể chế và quản lý (hệ thống thông tin và hiệu quả chi phí) và sư phạm. Hợp phần về công tác quản lý cung cấp các phần mềm cho Hệ thống thông tin quản lý giáo dục, trang thiết bị, các mẫu dữ liệu và các khoá tập huấn kỹ thuật cho tất cả 61 tỉnh thành. Hệ thống thông tin quản lý giáo dục sẽ được triển khai thực hiện ở tất cả các trường tiểu học và trung học cơ sở. Hệ thống thu thập các dữ liệu “cố định” và dữ liệu “thay đổi” thông qua các dạng dữ liệu được thiết kế trong “Hồ sơ trường học”. Các số liệu “cố định” được cập nhật sau lần thu thập đầu tiên và khi có các thay đổi. Mặt khác, các số liệu “không cố định”, ví dụ như số học sinh nhập học, có thể được thay đổi theo qui định.

Với hệ thống này, các trường sẽ báo cáo các Thông tin chung về trường học bằng văn bản lên Phòng GD-ĐT. Tiếp theo, các Phòng GD-ĐT sẽ thực hiện phân tích số liệu ở cấp huyện, chuyển các số liệu viết tay vào file máy tính và đệ trình lên Sở GD-ĐT. Sở GD-ĐT có trách nhiệm xử lý số liệu và phân tích ở cấp tỉnh. Sau khi Bộ GD-ĐT hoàn thành việc sắp xếp lại tổ chức, hệ thống thông tin quản lý giáo dục sẽ được nhân rộng ở cấp trung ương nhưng điều này vẫn chưa rõ ràng, chương trình sẽ đạt được sự đồng bộ trong hệ thống thông tin quản lý giáo dục ở cấp trung ương vào khoảng cuối tháng 3/2004. Trong giai đoạn còn lại của dự án, theo kế hoạch sẽ cung cấp các khoá tập huấn kỹ thuật thông qua tư vấn ngắn hạn. Các khoá tập huấn sẽ có các nội dung làm quen với hệ thống thông tin quản lý giáo dục và lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh¹⁶.

Chương trình Giáo dục Tiểu học bạn hữu trẻ em

Một trong các mục tiêu của Chương trình Giáo dục Tiểu học bạn hữu trẻ em là xây dựng năng lực về kỹ năng lập kế hoạch, quản lý, tư vấn, truyền đạt thông tin và giám sát cho các bên liên quan tập trung vào hiệu trưởng, hội phụ huynh học sinh và các hội đồng giáo dục. Dự án thực hiện ở 15 tỉnh với số các trường lựa chọn khác nhau theo quận/huyện¹⁷. Dự án do bốn (4) Hội đồng Chỉ đạo quản lý tương đương với các cấp quản lý: Hội đồng chỉ đạo cấp trung ương, Hội đồng chỉ đạo cấp tỉnh/thành phố, Hội đồng chỉ đạo cấp quận/huyện và Hội đồng chỉ đạo cấp xã/phường.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, dự án đã thành lập một hệ thống cụm trường và cung cấp khoá tập huấn cho hiệu trưởng, hội phụ huynh học sinh và các hội đồng giáo dục. Cụm trường được xác định gồm một trường chính (trung tâm) với một số điểm trường (phụ). Số các điểm trường trong mỗi cụm trường có thể khác nhau, ví dụ một cụm trường có thể có 28 điểm trường ở các khu vực miền núi.

¹⁶ Nội dung tập huấn không rõ vì cán bộ có trách nhiệm đang vắng mặt. Tuy nhiên, theo một chuyên gia tư vấn nước ngoài khác của Dự án Hỗ trợ Bộ GD-ĐT, khi xem xét tính hạn chế của thời gian, các khoá tập huấn nên được tổ chức theo vùng trong vài ngày.

¹⁷ Số trường, quận/huyện và cụm trường sẽ được cụ thể hoá trong báo cáo chính thức

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng thường là những người chịu trách nhiệm quản lý một cụm trường. Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng sẽ không chỉ quản lý trường chính mà còn quản lý cả các điểm trường trong cụm trường thông qua việc luân chuyển các điểm trường. Các hiệu trưởng cũng là người chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành Hội đồng chỉ đạo cấp xã/phường, các hội cha mẹ học sinh, hội đồng giáo dục và giáo viên.

Dự án cũng hỗ trợ tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa các cụm trường trong phạm vi/và giữa các tỉnh và điều này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ các bài học kinh nghiệm giữa các cụm trường. Các cuộc họp sẽ do Hội đồng chỉ đạo cấp tỉnh/thành phố và Hội đồng chỉ đạo cấp quận/huyện tổ chức, với sự tham dự của các trưởng phòng/ban, phó trưởng phòng/ban và cán bộ các phòng/ban giáo dục, Bộ Lao động thương binh xã hội, Ủy ban nhân dân, Ủy ban dân số, kế hoạch hoá gia đình, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, hội phụ nữ ở cấp tỉnh/thành phố và cấp quận/huyện.

Theo ông Sit, Văn phòng Giáo dục UNICEF tại Việt Nam, dự án chưa cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho một số hợp phần riêng (như xây dựng các module tập huấn cho các bên liên quan, phần mềm giám sát), do vậy còn quá sớm để rút ra bài học kinh nghiệm cho toàn bộ dự án. Tuy nhiên, các bài học kinh nghiệm có thể rút ra vào đầu năm tài khoá tới đặc biệt về hệ thống cụm trường và tham gia của cộng đồng địa phương vào công tác quản lý trường học. Cần đặc biệt chú ý đến các vấn đề như cơ cấu và vai trò của các ban quản lý ở các cấp khác nhau, chia sẻ chi phí giữa Chính phủ Việt Nam và dự án, các module tập huấn cho hiệu trưởng, Hội cha mẹ học sinh, hội đồng giáo dục, và các vấn đề về triển khai hệ thống cụm trường.

Dự án đề xuất về tăng cường năng lực lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh

UNESCO đang xây dựng một dự án để đưa kế hoạch EFA quốc gia vào kế hoạch giáo dục cấp tỉnh trong đó tập trung vào việc thiết kế và thử nghiệm phương pháp tiếp cận phù hợp cho việc lập kế hoạch cấp tỉnh trong phạm vi lập kế hoạch giáo dục cấp quốc gia và các khung chương trình phân bổ nguồn lực.

Dự án đề xuất sẽ được thực hiện ở một số tỉnh thử nghiệm, để làm mẫu cho các tỉnh khác. Kế hoạch sẽ bao gồm một đề cương chiến lược dài hạn và các chương trình hành động trung hạn chi tiết đối với 4 nhóm đối tượng của EFA, bao gồm cả giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp và dạy nghề và đào tạo giáo viên. Phương pháp tiếp cận lập kế hoạch bao gồm một phương pháp luận và các công cụ phân tích, dự báo, đánh giá áp dụng nguồn lực, và đặt mục tiêu. Hiện tại, chưa có lịch trình chính thức cho việc thực hiện dự án đề xuất. UNESCO đang đợi Bộ GD-ĐT đưa ra danh sách các tỉnh thực hiện chương trình thử nghiệm.